# ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Nghĩa Hành thuộc tỉnh Quảng Ngãi, cách tỉnh lỵ 9 km về phía Tây Nam, phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Tư Nghĩa, phía Nam giáp huyện Ba Tơ và Mộ Đức, phía Tây giáp huyện Minh Long, phía Đông và Đông - Nam giáp huyện Mộ Đức. Là huyện đồng bằng nhưng địa hình Nghĩa Hành không thuần nhất; Phía Tây có nhiều đồi núi, thung lũng, giống trung du; Phía Đông, tuy còn rải rác nhiều gò đồi nhưng địa hình thoải dần và hòa vào đồng bằng rộng lớn của các huyện Tư Nghĩa và Mộ Đức. Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn *(thị trấn Chợ Chùa)* và 11 xã. Tổng diện tích tự nhiên 234,58 km2, dân số 82.837 người, mật độ dân số 353 người/km2.

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 01 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Đất đai năm 2013 (Điều 40), Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai *(Khoản 3 Điều 7, Khoản 1 Điều 8 và Khoản 2 Điều 9)* và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Huyện Nghĩa Hành đã lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) được Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 23/04/2014; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 28/6/2019, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất đã góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, theo Điều 37 của Luật Đất đai 2013 và Điều 37 Chương IV-Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định về kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho thấy, Quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ 2011-2020 và Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 2015-2020 đã hết hiệu lực thời gian. Do đó, để đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy định của pháp luật, phân bổ, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ mới *(2011-2030)* thì việc lập quy hoạch sử dụng đất là rất cần thiết và cấp bách.

Chính vì vậy, ngày 02/10/2020 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Văn bản số 4745/UBND-NNTN về việc lập Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 2021-2025 và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030. Trong đó, giao cho UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Xét tầm quan trọng của việc lập Quy hoạch sử dụng đất, UBND huyện Nghĩa Hành đã tổ chức ***Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành*** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng các hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu du lịch, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp.

# I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA QUY HOẠCH

Quy hoạch sử dụng đất là biện pháp để thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, ... trên cơ sở tuân thủ chính sách pháp luật về đất đai và các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện. Mặt khác theo quy định của Luật Đất đai, Nhà nước quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật. Do đó mục đích lập quy hoạch sử dụng đất được thể hiện ở các nội dung:

- Cụ thể hoá các chỉ tiêu phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến năm 2030 theo quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) phân bổ cho huyện và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện đến các đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong 10 năm (2021-2030) phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, tỉnh, huyện.

- Đề xuất với UBND tỉnh việc phân bổ lại quỹ đất đai, đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu ngắn hạn, dài hạn của các cấp, các ngành phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh.

- Làm cơ sở pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phục vụ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Coi đất đai là nguồn lực để khai thác tăng nguồn thu cho ngân sách, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế-xã hội cho địa phương.

- Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ngành của tỉnh và địa phương trong quá trình quản lý, sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đề ra; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của các ngành trên địa bàn huyện có hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường cao nhất.

# II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP QUY HOẠCH

# 2.1. Các văn bản của trung ương

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Luật Quy hoạch ngàv 24 tháng 11 năm 2017.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018.

- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giai thích một số điều của Luật Quy hoạch.

- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

- Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 14/11/2018 của Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi.

- Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=93336) ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=169556) ngày 3/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 68/2017/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chỉnh phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Quy hoạch.

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sưa đổi, bổ sung một số Nghị định quy đinh chi tỉêt thỉ hành Luật Đất đai.

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Về đẩy nhanh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính".

- Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 01/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Viện Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm năm 2030.

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

- Quyết định số [255/QĐ-TTg](https://hethongphapluat.com/docs/go/cab8e6c82fbc9ca5830c062cfe9d364b/) ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 523/QĐ-TTg, ngày 01/4/2021 Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 3983/QĐ-BCA-H41 ngày 23/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an Ban hành Quy định về định mức sử dụng đất của các đơn vị trong lực lượng Công an nhân dân.

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/2/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Quy hoạch xây dựng”, mã số QCVN 01:2021/BXD;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

- Một số văn bản, quy định ngành, lĩnh vực có liên quan.

# 2.2. Các văn bản của địa phương

***a) Văn bản cấp tỉnh***

- Nghị quyết 01-NQ/ĐB ngày 22/10/2020 Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX; Chương trình hành động của Tỉnh ủy số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX và Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/11/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

- Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc cho ý kiến xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 21/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc cho ý kiến xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 25/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch Giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 20/QĐ-UBND, ngày 21/1/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu *(2011-2015)* huyện Nghĩa Hành.

- Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

- Quyết định số 208/QĐ-UBND, ngày 08/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 5/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt kết quả Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh về việc công nhận đô thị thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/2/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 định hướng 2030.

- Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025.

- Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến 2030.

- Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

- Quyết định số 173 /QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành.

- Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Nghĩa Hành.

- Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 Ban hành Quy định về hạn mức giao đất để xây dựng nhà ở; hạn mức công nhận diện tích đất ở và xác định diện tích đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 24/2/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Hành.

- Văn bản số 4745/UBND-NNTN ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 2021-2025 và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyên giai đoạn 2021-2030 trong đó thống nhất chủ trương lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030.

- Văn bản số 1145/UBND-NNTN ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Về việc tăng cường công tác quản lý, khai thác quỹ đất xen kẽ trong các khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 2874/UBND-NNTN ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai chỉ tiêu sử dụng đất để lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, giai đoạn 2021 - 2030.

- Văn bản số 567/BQLDDCN ngày 19/5/2021 của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi V/v Đăng ký danh mục công trình, dự án phục vụ cho việc Lập kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030.

- Văn bản số 154/TTNS ngày 27/5/2021 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Quảng Ngãi V/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện Nghĩa Hành.

- Văn bản số 596/BQL-KHĐT ngày 02/6/2021 của Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi V/v Danh mục công trình, dự án lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 địa bàn huyện Nghĩa Hành.

- Văn bản số 1740/SNNPTNT-KHTC ngày 19/6/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi V/v Đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cho Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu – Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi.

- Văn bản số 5541/QNPC-QLĐT ngày 22/6/2021 của Công ty điện lực Quảng Ngãi V/v Đăng ký Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 địa bàn huyện Nghĩa Hành.

- Một số văn bản khác có liên quan..

***b) Văn bản cấp huyện***

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Hành Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

- Nghị quyết 20/2021/NQ-HĐND ngày 01/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Hành về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoach sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dung đất huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 405/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành.

- Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND huyện Nghĩa Hành Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc Phê duyệt đề án phân vùng thích nghi đất đai phục vụ phát triển cây ăn quả đến năm 2030 huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 24/2/2020 của UBND huyện Nghĩa Hành Về việc Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 đầu tư khẩn cấp dự án tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng tại bãi chôn lấp rác sinh hoạt Nghĩa Kỳ.

- Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ dự án lập Quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2021-2030;

- Các văn bản khác có liên quan...

# 2.3. Các tài liệu chuyên môn sử dụng để lập quy hoạch sử dụng đất

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020).

- Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của huyện*.*

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035.

- Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm *(2011-2015)* huyện Nghĩa Hành.

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến 2020 và kế hoạch sử dụng năm 2016 huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2.000 thị trấn Chợ Chùa.

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm thị trấn Chợ Chùa

- Tài liệu Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã của huyện Nghĩa Hành đến năm 2020;

- Kết quả kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2009, 2014, 2019 toàn huyện và các xã, thị trấn.

- Kết quả thống kê đất đai năm 2020.

- Niên giám thống kê huyện Nghĩa Hành năm 2020.

## III. CÁC PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Áp dụng một số phương pháp sau trong việc thực hiện dự án.

## 3.1. Mô hình hỗ trợ lập quy hoạch sử dụng đất

Ứng dụng mô hình quy hoạch quản lý sử dụng đất bền vững của FAO/UNEP(1999a) kết hợp với thực tiễn của huyện và thông tư hướng dẫn của Bộ TN&MT, mô hình hỗ trợ quyết định quy hoạch sử dụng đất, trong đó gồm 3 vấn đề chính: Đánh giá kinh tế - xã hội; đánh giá mức độ thích nghi đất đai và bố trí sử dụng đất.

## 3.2. Nhóm phương pháp thu thập số liệu

*a) Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa:*Đây là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; thu thập tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Khảo sát thực địa tại cấp xã để xác định khoanh vẽ lên bản đồ địa chính vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất của các thửa đất sẽ chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất.

*b) Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có:* Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, kế thừa các tài liệu đã được phê duyệt và các công trình, dự án đang triển khai năm 2021 theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và các năm 2022-2030.

## 3.3. Phương pháp ứng dụng GIS và viễn thám (RS)

- Xây dựng thông tin chuyên đề: Ứng dụng GIS và RS xây dựng bản đồ, kết hợp với điều tra, khảo sát thu thập thông tin về tài nguyên đất đai, hiệu chỉnh các lớp thông tin chuyên đề: bản đồ đất *(thổ nhưỡng),* địa hình, nguồn nước,…

- Xây dựng bản đồ tài nguyên và đánh giá thích nghi: Ứng dụng GIS chồng lớp *(overlay)* các lớp thông tin chuyên đề để xây dựng bản đồ tài nguyên đất đai.

- Đánh giá biến động: Ứng dụng GIS để chồng xếp bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010, 2015 và 2020 để đánh giá biến động đất đai qua các thời kỳ.

- Đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng đất: Chồng xếp bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất để đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước *(đến năm 2020).*

## 3.4. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Chọn một số dự án lớn nằm trong phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để điều tra về kết quả thực hiện thế nào hoặc tại sao chưa được thực hiện để rút ra các nguyên nhân làm tốt hoặc làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất và giải pháp khắc phục.

## 3.5. Các phương pháp khác

- Phương pháp SWOT: Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội và nguy cơ trong sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Phương pháp tiếp cận: Tiếp cận từ trên xuống; nắm bắt các chủ trương, chính sách và chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ từ tỉnh và tiếp cận từ dưới lên; làm việc với các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất, các xã, thị trấn và các ban ngành để thu thập các nhu cầu và khả năng sử dụng đất, từ đó cân đối phương án sử dụng đất các đơn vị trong sơ đồ quy hoạch sử dụng đất của huyện.

- Phương pháp phân tích đánh giá ra quyết định đa tiêu chuẩn *(MCDA/MCDM)* kết hợp với phương pháp chuyên gia trong môi trường ra quyết định nhóm trong đánh giá, lựa chọn vị trí các loại hình sử dụng đất; đánh giá phương án sử dụng đất.

- Phương pháp thống kê để xử lý các số liệu và dự báo về kinh tế, xã hội, tình hình sử dụng đất.

- Phương pháp quy hoạch có sự tham gia *(PLUP)*: Có sự tham gia ý kiến của nhà quản lý, các cơ quan chuyên môn, các chuyên gia,…trong quá trình xây dựng phương án sử dụng đất.

# IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Chủ dự án: Uỷ ban nhân dân huyện Nghĩa Hành.

- Đại diện chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghĩa Hành.

- Cơ quan tư vấn thực hiện: Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp Miền Trung - Viện Quy hoạch & Thiết kế Nông nghiệp *(Bộ Nông nghiệp & PT Nông thôn)*.

- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi.

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chức năng của Huyện; UBND các xã, thị trấn; các cơ quan có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện.

# V. SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO

## 5.1. Sản phẩm quy hoạch sử dụng đất

a) Báo cáo thuyết minh: Báo cáo tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu (2021), kèm theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; hệ thống bảng biểu, phụ biểu tính toán; biểu đồ; bản đồ thu nhỏ.

b) Bản đồ các loại

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Nghĩa Hành năm 2020, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành đến năm 2030, tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản đồ chuyên đề tỷ lệ 1/25.000

- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 chi tiết từng xã, thị trấn tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 (tùy từng đơn vị hành chính): file số.

c) Đĩa CD copy báo cáo thuyết minh, bảng biểu và bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đã số hóa.

## 5.2. Nội dung chính của báo cáo

- Đặt vấn đề

- Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Phần II: Tình hình quản lý, sử dụng đất đai

- Phần III: Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

- Phần IV: Giải pháp thực hiện

- Kết luận và kiến nghị.

Phần I

# ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

# I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

# **1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên**

## **1.1.1. Vị trí địa lý**

Huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi nằm cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 9 km về phía Tây Nam, tổng diện tích tự nhiên 234,58 km2, dân số 82.837 người, mật độ dân số 353 người/km2. Nằm ở tọa độ địa lý từ 14050’53’’ đến 15005’20’’ vĩ độ Bắc và từ 108041’07’’ đến 108051’10’’ kinh độ Đông. Ranh giới tiếp giáp các mặt như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Tư Nghĩa.

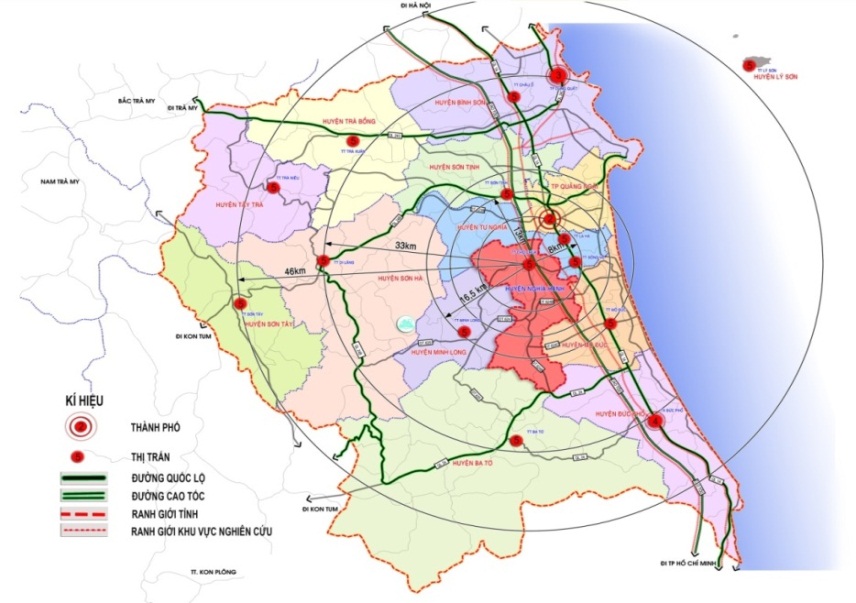
- Phía Nam giáp huyện Ba Tơ và Mộ Đức.

- Phía Tây giáp huyện Minh Long.

- Phía Đông và Đông - Nam giáp huyện Mộ Đức.

Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 5 xã miền núi *(Hành Nhân, Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây)*, 6 xã đồng bằng *(Hành Thuận, Hành Trung, Hành Đức, Hành Minh, Hành Phước, Hành Thịnh)* và TT Chợ Chùa.

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ HUYỆN NGHĨA HÀNH**



Với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hết sức thuận lợi, nằm trên hành lang trục cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và Quốc lộ 24; tuyến đường tỉnh 624 chạy từ thành phố Quảng Ngãi đi xuyên qua trung tâm huyện Nghĩa Hành, nối với trung tâm huyện Minh Long, ngoài ra có các tuyến ĐT 624B, ĐT 624C, ĐT 628 đi qua địa bàn huyện nối liền với các huyện lân cận và các tuyến đường huyện đến trung tâm các xã và các khu dân cư tạo cho huyện có vị trí quan trọng trên bản đồ phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi; kết nối quốc lộ 42, Quốc lộ 1A, Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi… giúp huyện thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với các huyện trong tỉnh và khu vực.

## **1.1.2. Địa hình, địa mạo**

Căn cứ vào bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 cho thấy địa bàn huyện có ba dạng địa hình: đồng bằng, gò đồi và núi thấp, diện tích và phân bố các dạng địa hình như sau:

- Địa hình đồng bằng, diện tích 12.512,51 ha, chiếm 53,34 % diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung ở địa bàn các xã: Hành Minh, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Trung, Hành Phước, Hành Thịnh và TT Chợ Chùa. Đồng bằng Nghĩa Hành có đặc điểm tương đối bằng phẳng, độ cao địa hình từ 4 m – 15 m, thỉnh thoảng có đồi độc lập nằm giữa đồng bằng. Địa hình đồng bằng ở Nghĩa Hành rất thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Địa hình gò đồi, là dạng địa hình chuyển tiếp giữa núi và đồng bằng, độ cao trung bình khoảng 15-60 m, độ dốc từ 3O – 15O, diện tích 4.405,42 ha, chiếm 18,78 % diện tích tự nhiên, phân bố chuyển tiếp giữa địa hình đồng bằng với địa hình núi thấp. Tập trung nhiều ở các xã: Hành Dũng, Hành Nhân. Đặc điểm địa hình gò đồi lượn sóng, nghiêng từ Tây sang Đông. Tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- Địa hình núi thấp, độ cao địa hình từ 60 - 500 m, độ dốc từ 15O - 25O, diện tích 6.540,10 ha, chiếm 27,88 % diện tích tự nhiên, phân bố về phía Tây, phía Nam và Tây Nam, tạo thành vành đai ranh giới tự nhiên giữa huyện Nghĩa Hành với huyện Minh Long và các huyện Ba Tơ, Đức Phổ, Mộ Đức *(về phía Tây Nam)*. Địa hình cao, độ dốc lớn, nên điều kiện giao thông và sản xuất nông nghiệp khó khăn.

## **1.1.3. Khí hậu**

Huyện Nghĩa Hành nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa duyên hải Nam Trung bộ, nền nhiệt độ cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn, cụ thể như sau:

- Nhiệt độ: Các tháng có nhiệt độ cao nhất từ tháng 4 đến tháng 8 hàng năm, các tháng có nhiệt độ thấp nhất từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau.

+ Nhiệt độ bình quân năm 26OC;

+ Nhiệt độ trung bình năm lớn nhất 29OC;

+ Nhiệt độ tối cao 41,0OC; Nhiệt độ tối thấp 12,6OC;

- Độ ẩm: Độ ẩm trong năm có sự chênh lệch khá lớn, độ ẩm cao nhất vào từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau.

+ Độ ẩm tương đối bình quân năm 85,5 %;

+ Độ ẩm tuyệt đối cao nhất 100 %;

+ Độ ẩm tuyệt đối thấp nhất 34 %.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình khoảng 80,3 mm/ tháng; mùa khô, lượng bốc hơi lớn, khoảng 112 mm/tháng; mùa mưa khả năng bốc hơi kém, chỉ chiếm khoảng 10-12 % lượng mưa cả tháng; các tháng cuối năm lượng bốc hơi chiếm 20-40 % lượng mưa trong tháng.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình khoảng 2.136 giờ; từ tháng 3 đến tháng 8 có số giờ nắng cao, khoảng 177 – 230 giờ/ tháng; từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau số giờ nắng giảm, khoảng 100 – 125 giờ/ tháng.

- Lượng bức xạ mặt trời: Tổng lượng bức xạ bình quân hàng năm từ 140-150 Kcal/cm2/năm; đạt cực đại vào tháng 4, từ 16-18 Kcal/cm2/tháng; cực tiểu vào tháng 7, từ 6-7 Kcal/cm2/tháng.

- Gió: Có 2 hướng gió chính là gió mùa Mùa Đông với hướng thịnh hành là Đông Bắc và gió mùa Mùa Hạ với hướng chính là Đông Nam, Nam. Ngoài ra trong Mùa Hạ có năm bị ảnh hưởng gió Tây Nam khô nóng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống thêm phần khó khăn.

- Bão: Bão thường tập trung vào các tháng 9, 10, 11; hướng đi của bão thường là Đông-Tây, Đông Nam-Tây Bắc; gió mạnh cấp 9, cấp 10. Bão thường kèm theo mưa lớn kéo dài, gây lũ lụt nghiêm trọng. Hàng năm xuất hiện từ 1 – 4 cơn bão.

- Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm dao động trong khoảng từ 1800 mm – 2000 mm. Lượng mưa phân bố không đều giữa các khu vực trong huyện, và có xu hướng giảm dần từ Tây sang Đông. Khu vực gần núi ở phía Tây và Tây Nam huyện có lượng mưa rất lớn với tổng lượng mưa hàng năm dao động từ khoảng 2300 mm – 2500 mm. Lượng mưa phân bố không đều giữa các tháng trong năm, mưa tập trung từ tháng 9 đến tháng 12, chiếm 75% tổng lượng mưa cả năm. Thời kỳ ít mưa kéo dài từ tháng 01 đến tháng 8, chiếm khoảng 25% lượng mưa cả năm. Mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn gây ra lũ lụt và phân bố lượng nước không đều trong năm.

Tóm lại: Với nền nhiệt độ cao, tổng tích ôn và tổng lượng mưa lớn là điều kiện thuận lợi cho việc đa dạng hoá cây trồng. Tuy nhiên lượng mưa lớn nhưng phân bố không đều, hàng năm thường có bão, lụt, ngập úng ở vùng đồng bằng, xói lở đất ở khu vực đồi núi, ảnh hưởng xấu đến đời sống sản xuất của nhân dân, gây khó khăn trong công tác quản lý sử dụng đất đai.

## **1.1.4. Thuỷ văn**

Chế độ thuỷ văn huyện Nghĩa Hành chịu ảnh hưởng chính của sông Vệ và sông Phước Giang.

- Sông Vệ, là một trong những con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi. Sông bắt nguồn từ vùng núi cao phía Nam huyện Ba Tơ; chảy theo hướng Tây nam-Đông bắc, đổ ra biển Đông ở Cửa Lở. Sông có chiều dài 91 km với lưu vực 1.260 km2, độ cao trung bình của lưu vực 170 m, độ dốc trung bình của lưu vực 19,9%, mật độ lưới sông 0,91 km/ km2, lưu lượng dòng chảy trung bình nhiều năm (Qo, m3/s): 57,8 m3/s , môđun dòng chảy trung bình trong nhiều năm *(Mo, l/s/km2)*: 73,6 l/s/km2 và trong mùa lũ 140 l/s/km2. Sông Vệ chảy qua địa bàn huyện Nghĩa Hành dài 30 km, qua các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Phước. Nước sông Vệ vào mùa mưa nước dâng cao gây lũ lụt, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống dân cư hai bên sông; Tuy nhiên lũ lụt mang một lượng phù sa đáng kể bồi đắp cho đồng ruộng. Mùa khô lưu lượng dòng chảy bình quân khoảng 8 m3/ s, được khai thác tưới cho đồng ruộng bằng hệ thống trạm bơm điện.

- Sông Phước Giang bắt nguồn từ huyện Minh Long, chảy qua huyện Nghĩa Hành hợp với sông Giang ở xã Hành Nhân, vòng qua Thị trấn Chợ Chùa, xuống sông Cây Bứa rồi đổ ra Biển Đông. Sông phước Giang là con sông nhỏ, lưu lượng dòng chảy về mùa mưa khá lớn, gây xói lở bờ sông đoạn đi qua địa bàn các xã Hành Nhân, Hành Dũng, về mùa khô lưu lượng dòng chảy nhỏ.

# **1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên**

## 1.2.1 Tài nguyên đất

Căn cứ vào bản đồ đất tỉnh Quảng Ngãi tỷ lệ 1/100.000 cho thấy trên địa bàn huyện Nghĩa Hành gồm 06 nhóm đất chính với 11 chú dẫn đơn vị bản đồ đất theo hệ thống phân loại của FAO/WRB.

Biểu 1: Phân loại và quy mô các nhóm, loại đất huyện Nghĩa Hành

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đất** | **Ký hiệu** | **Diện tích (ha)** | **Cơ cấu (%)** |
| **I** | **Nhóm đất phù sa** |  | 4.759,04 | 20,30 |
| 1 | Đất phù sa không được bồi | P | 2.871,07 | 12,24 |
| 2 | Đất phù sa được bồi | Pb | 207,06 | 0,88 |
| 3 | Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng | Pf | 1.680,91 | 7,17 |
| **II** | **Nhóm đất xám** |  | 3.426,66 | 14,61 |
| 4 | Đất xám trên phù sa cổ | X | 1.584,37 | 6,76 |
| 5 | Đất xám gley | Xf | 1.842,29 | 7,86 |
| **III** | **Nhóm đất đỏ vàng** |  | 13.058,18 | 55,69 |
| 6 | Đất vàng đỏ trên đá macma axit | Fa | 5.720,98 | 24,40 |
| 7 | Đất nâu vàng trên phù sa cổ | Fp | 1.672,22 | 7,13 |
| 8 | Đất đỏ vàng trên đá phiến sét và đá biến chất | Fs | 5.664,98 | 24,16 |
| **IV** | **Nhóm đất dốc tụ** |  | 450,80 | 1,92 |
| 9 | Đất dốc tụ | D | 450,80 | 1,92 |
| **V** | **Nhóm đất bãi cát** |  | 141,84 | 0,60 |
| 10 | Đất bãi cát ven sông | Cs | 141,84 | 0,60 |
| **VI** | **Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá** |  | 221,62 | 0,95 |
| 11 | Đất xói mòn trơ sỏi đá | E | 221,62 | 0,95 |
|  | **Sông suối, mặt nước** |  | 1.390,41 | 5,93 |
|  | **Tổng DTTN** |  | 23.448,55 | 100,00 |

##### \* Nguồn: Kết quả điều tra thành lập bản đồ đất tỉnh Quảng Ngãi năm 2006- Viện Quy hoạch và TKNN

***a) Nhóm đất phù sa***

Đất phù sa của huyện Nghĩa Hành được tạo thành chủ yếu do quá trình lắng đọng phù sa của các dòng sông như sông Vệ, sông Phước Giang, ngoài ra còn có các dòng sông nhỏ khác. Do địa hình phức tạp, các dãy núi xen kẽ với đồng bằng, các vật liệu phù sa còn được bổ sung bởi các sản phẩm dốc tụ hay lũ tích từ các dãy núi xung quanh đồng bằng. Các hệ thống sông ngòi ở huyện chưa có đê nên các trận lũ, nước sông tràn ngập hết đồng bằng. Nước ngập phụ thuộc vào nước lũ đổ về từ các dãy núi phía Tây và thường rút đi rất nhanh. Do vậy, đặc điểm chung của đất phù sa là có thành phần cơ giới nhẹ và trung bình. Với 03 đơn vị chú dẫn bản đồ đất bao gồm đất phù sa không được bồi (P), đất phù sa được bồi (Pb), đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng (Pf).

- Đất phù sa không được bồi (P) có diện tích 2.871,07 ha, chiếm 12,24% DTTN, tập trung nhiều ở TT Chợ Chùa (435,74 ha) và các xã Hành Nhân (379,59 ha), Hành Thiện (336,06 ha), Hành Tín Tây (288,34 ha), Hành Phước (265,48 ha), Hành Tín Đông (253,82 ha), Hành Minh (216,44 ha). Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, trong đó cát pha và thịt nhẹ là chủ yếu. Đất có phản ứng chua hay chua ít, pHH2O thay đổi từ 5,0 - 6,5, pHKCl thay đổi từ 4,2 đến 5,0. Độ no bazơ thấp, biến động từ 10 - 40%. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất thấp, OC% thay đổi từ 0,5% đến 1,0%; Tỷ lệ N tổng số thay đổi từ 0,04 % đến 0,08 %. Lân tổng số thấp, P2O5 biến động từ 0,01 - 0,04%, P2O5 dễ tiêu cũng rất thấp. Kali tổng số nghèo, K2O% <0,5%, kali trao đổi cũng thấp: 1,4 - 3,0 lđl/100 g đất. CEC từ 2,2 - 10,14 lđl/100 g đất. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như các loại đậu đỗ, mía, bắp, lúa nước, dưa hấu, khoai lang, các loại rau, các loại cây ăn quả... Cơ cấu cây trồng còn phụ thuộc vào hệ thống thuỷ nông tưới và tiêu nước.

- Đất phù sa được bồi (Pb) có diện tích 207,06 ha, chiếm 0,88% DTTN, tập trung nhiều ở 02 xã Hành Phước (104,94 ha), Hành Thịnh (102,12 ha). Đất có thành phần cơ giới biến động từ cát pha đến thịt trung bình. Kết cấu hạt rời hay viên bé, đất khá tơi xốp. Đất có phản ứng trung tính hoặc chua ít, độ no bazơ > 50%. Hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất: OC tổng số và N% thay đổi từ 1,0 đến 1,5% và từ 0,07 đến 0,12 ở tầng A (tầng canh tác) và giảm nhanh ở các tầng dưới. P2O5% xung quanh 0,1%, P2O5  dễ tiêu thấp. K­2O% biến động mạnh từ 0,5 - 1,5%, K­2O trao đổi thấp. CEC thấp < 10 lđl/ 100g đất. Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau như mía, bắp, lúa, các loại đậu đỗ, các loại rau, dưa hấu, chú trọng cơ cấu mùa vụ.

- Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng (Pf) có diện tích 1.680,91 ha, chiếm 7,17% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Thiện (279,85 ha), Hành Dũng (219,68 ha). Đất có thành phần cơ giới biến động từ cát pha đến thịt nhẹ, trong đó chủ yếu là thịt nhẹ. Đất có cấu trúc hạt rời, viên, cục bé nhẵn cạnh. Phản ứng của đất thay đổi từ rất chua đến chua, pH KCl biến động trong phạm vi 4,0 - 6,0. Độ no bazơ chủ yếu < 50%, rất ít khi gặp độ no bazơ > 50%; H+ thay đổi từ 1 - 6 lđl/100 g đất. Tỷ lệ các bon hữu cơ thấp, N% ở mức thấp. Lân tổng số biến động từ trung bình đến rất nghèo, P2O5% thường < 0,04%, lân dễ tiêu cũng rất nghèo, phổ biến ở mức < 5 mg/ 100g đất. Kali tổng số ở mức trung bình và nghèo, kali trao đổi rất thấp; K20% thường < 1,0%; K2O trao đổi < 5 mg/ 100 g đất. Dung tích hấp thụ của đất thấp CEC ≤ 5 lđl/ 100 g đất. Loại đất này phù hợp với việc gieo trồng các cây lương thực như lúa, ngô, khoai, các loại cây công nghiệp như mía, các loại đậu đỗ, các loại rau quả, ... Đối với từng cây trồng cụ thể sẽ có chế độ bón phân khác nhau, ngoài phân chuồng, phân đạm cần chú ý bón đủ lân và kali.

***b) Nhóm đất xám***

Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, khoáng sét đã bị biến đổi, có quá trình rửa trôi sét và các cation kiềm tạo cho đất có tầng tích tụ sét. Hình thái phẫu diễn đất xám đặc trưng kiểu A.Bt hoặc A.Bt.C. Trong đó Bt là tầng tích tụ sét. Tầng Bt có thể có kết von (Btc) có glây (Btg) hoặc tích luỹ sắt (Bts). Tổng diện tích là 3.426,66 ha, chiểm 14,61% diện tích tự nhiên, với 02 đơn vị chú dẫn bản đồ đất bao gồm đất xám trên phù sa cổ (X), đất xám có tầng loang lổ đỏ vàng (Xf).

- Đất xám trên phù sa cổ (X) có diện tích 1.584,37 ha, chiếm 6,76% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Đức (334,42 ha), Hành Trung (315,97 ha), Hành Thuận (245,39 ha)... Đất có thành phần cơ giới nhẹ: ở tầng mặt có tỷ lệ cát khá cao (đạt 88%) trong đó chủ yếu là cát mịn, thường được xếp là đất cát mịn đến thịt pha cát. Sự gia tăng tỷ lệ sét ở những tầng tiếp theo là rõ ràng (ở phần lớn các phẫu diện tăng từ 1,5 lần trở lên). Cấp hạt sét ở những tầng này đạt đến 25%. Độ chua của đất được xếp chua và rất chua (pHKCl khoảng 4,8 - 4,1). Hàm lượng các bon hữu cơ tổng số (OC%) và đạm tổng số (N%) trong đất thấp từ 0,10 đến 0,51% và 0,08 % đến 0,04 %. Lân tổng số và lân dễ tiêu đều nghèo và rất nghèo 0,01 - 0,04% và 0,4 - 3,7 mg /100g đất. Kali tổng số ở mức trung bình đến nghèo trong đó chủ yếu là nghèo (0,15 - 1,16%); kali trao đổi nghèo và rất nghèo (1,4 - 6,1mg/100g đất). Đất có khả năng hấp phụ thấp (CEC thường đạt 1,20-3,76lđl/100g đất và 6,07-11,46lđl/100g sét. Độ bão hoà ba zơ thấp BS≤ 50%, có mẫu BS chỉ đạt 17%. Đất có hàm lượng dinh dưỡng thấp cả ở dạng tổng số và dạng dễ tiêu; đất chua; đất nhẹ dễ bị khô hạn và khả năng giữ nước phân kém. Tuy nhiên nhờ địa hình bằng phẳng và độ dày tầng đất lớn và đất tơi xốp nên dễ thích hợp nhiều loại cây trồng cạn như mía, điều và các loại hoa màu khác như lạc, vừng, đậu đỗ, dưa hấu, thuốc lá…Trong quá trình sử dụng loại đất này cần chú ý độ ẩm đất và có sự che phủ mặt đất thường xuyên bằng các loại cây trồng. Về phân bón, nhìn chung mọi loại phân đều có khả năng phát huy hiệu lực tối đa. Tuy nhiên, cũng cần xem xét loại cây và nhu cầu dinh dưỡng để bón đúng liều lượng và cân đối.

- Đất xám gley (Xg) có diện tích 1.842,29 ha, chiếm 7,86% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Phước (412,18 ha), Hành Đức (330,93 ha), Hành Thuận (296,13 ha), Hành Thịnh (203,2 ha). Đất có thành phần cơ giới nhẹ, chua và có hàm lượng dinh dưỡng trung bình khá.Trong tầng đất mặt, tỷ lệ cấp hạt sét thay đổi trong khoảng 15,5-25,5%, cấp hạt cát trong khoảng 48,5-55,5%. Độ chua hoạt tính (pHH2O) chỉ đạt 4,60-4,80 đơn vị và độ chua trao đổi (pHKCl) là 4,10-4,30 đơn vị. Dung tích hấp thu (CEC) trung bình khá, đạt 10,5-13,5 me/100gđ; bảo hòa bazơ thấp, chỉ đạt 16,5-20,5%. Các yếu tố dinh dưỡng trong đất thường không cân đối, hữu cơ và đạm khá đến rất giàu, song lân và kali lại nghèo. Số liệu phân tích các chỉ tiêu vừa nêu ở tầng đất mặt của các phẫu diện nghiên cứu cho giá trị là 2,5-3,8% OM; 0,16-0,19%N; 0,04-0,05% P2O5 và 0,04-0,06% K2O. Các độc chất trong đất có sắt hòa tan từ trung bình thấp đến trung bình, đạt đến 95,5-110,0 mg Fe2,3+/100gđ; tuy nhiên, nhôm di động vẫn thấp, chỉ khoảng 3,9-10,0 mg Al3+/100gđ. Đất xám gley (Xg) đất chuyên canh lúa *(thường là lúa 1 - 2 vụ)* hoặc luân canh lúa màu, một phần nhỏ là đất trồng chuyên màu, ven bìa suối rải rác cũng có ít đất chưa sử dụng. Đây là một loại đất thích hợp đối với chuyên canh lúa nước, hoặc luân canh lúa nước với các cây trồng cạn hàng năm. Vì vậy đề nghị nên tăng cường đầu tư thủy lợi, để sử dụng loại đất này cho trồng lúa, lúa- màu hoặc chuyên canh rau- màu.

***c) Nhóm đất đỏ vàng***

Tổng diện tích 13.058,18 ha, chiểm 55,69% diện tích tự nhiên toàn huyện. Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác, nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, quá trình rửa trôi diễn ra mãnh liệt, quá trình tích lũy sắt, nhôm… phổ biến. Đất có màu đỏ vàng, vàng đỏ, vàng nhạt tùy thuộc mức độ tích lũy sắt, nhôm. Nhóm đất đỏ vàng tại huyện Nghĩa Hành có 03 đơn vị chú dẫn bản đồ đất bao gồm đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa), đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp), đất đỏ vàng trên đá phiến sét và đá biến chất (Fs).

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa) có diện tích 5.720,98 ha, chiếm 24,40% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Tín Đông (2.424,85 ha), Hành Dũng (1.377,8 ha), Hành Thiện (716,18 ha), Hành Thịnh (626,93 ha). Đất có thành phần cơ giới tầng mặt là thịt pha cát hay cát pha thịt. Mức gia tăng hàm lượng sét theo chiều sâu từ 1,4 đến 3,0 lần. Đất thường có kết cấu là viên hay cục nhỏ. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất từ thấp đến trung bình. Tỷ lệ OC % khoảng 0,51-0,95%. Lượng đạm tổng số ở mức 0,04% đến 0,07%. Lân trong đất rất nghèo ở cả 2 dạng tổng số và dễ tiêu (0,01-0,06% P2O5 và 0,3 đến 1,1mg P2O5/100g đất). So với lân, hàm lượng kali có tỷ lệ khá hơn. Kali tổng số ở mức nghèo đến trung bình (1,00-1,74% K2O). Tương tự kali dễ tiêu dao động từ rất nghèo đến trung bình (1,2-11,6mg K2O/100 g đất). Đất có khả năng hấp phụ ở mức thấp CEC ≤ 10,95 lđl/100g đất). Tuy nhiên nếu xét khả năng hấp phụ của sét trong đất có thể đạt mức trung bình hoặc khá CEC ≤ 38,76l đl/100g sét). Điều này chỉ có thể thấy ở những mẫu đất đó tỷ lệ chất hữu cơ cao hơn (0,95%OC) và tỷ lệ sét cũng lớn hơn (đạt 12% sét).

Nhìn chung đất có độ bão hòa bazơ thấp và rất thấp, BS từ 11 đến 45%. có tầng đất mỏng <50cm; độ dốc >80 nên sử dụng cho sản xuất nông nghiệp bị hạn chế. Ở những vùng đất có độ dày ở cấp 2 không nên sử dụng vào sản xuất nông nghiệp mà nên khoanh nuôi tái sinh rừng hoặc trồng rừng mới. Những khu vực đang là rừng các cấp, cần được duy trì và tu bổ. Ở nhưng nơi địa hình thấp và ít dốc hơn (có độ dốc < 150) có thể sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng cây lâu năm. Đối với loại đất này vấn đề chống xói mòn được chú ý đặc biệt để không dẫn tới đất xói mòn trơ sỏi đá khi khai thác sử dụng vào sản xuất nông nghiệp.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp) có diện tích 1.672,22 ha, chiếm 7,13% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Dũng (787,03 ha), Hành Nhân (405,35 ha). Với thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình, chua và thường có hàm lượng dinh dưỡng thấp đến trung bình thấp. Ở tầng đất mặt, tỷ lệ cấp hạt sét thay đổi trong khoảng 18,0-32,0%, trong khi đó cấp hạt cát lên đến 45,0-58,0%. Độ chua hoạt tính (pHH2O) chỉ đạt 4,2-4,6 đơn vị; độ chua trao đổi (pHKCl) là 3,6-4,1 đơn vị. Dung tích hấp thu (CEC) thấp đến trung bình khá, đạt khoảng 8,2-14,1 me/100gđ; bảo hòa bazơ (BS) thấp, chỉ khoảng 18,0-25,0%. Hữu cơ và đạm, cả tổng số và dễ tiêu, thường đạt mức trung bình thấp đến trung bình khá, theo thứ tự đạt khoảng 1,6-2,4% OM; 0,11-0,20% N và 3,8-6,9 mg N/100gđ. Lân và kali cả tổng số và dễ tiêu đều nghèo; trong đó, lân tổng số đạt: 0,03-0,05%; kali tổng số chỉ đạt khoảng 0,02-0,04%; lân dễ tiêu: 2,8-5,1 mg/100gđ và kali dễ tiêu là 2,5-6,5 mg/100gđ. Các độc chất trong đất thấp, sắt hòa tan chỉ đạt 13,5-30,5 mg Fe2,3+/100gđ và nhôm di động là 9,8-14,5 mg Al3+/100gđ.

Đất có những đặc điểm khá phân biệt, dẫn đến chúng có khả năng sử dụng cũng khác nhau. Trong các khu vực đất tầng dày, độ phì khá, địa hình bằng phẳng, nên thể sử dụng để trồng các cây trồng cạn lâu năm hoặc hàng năm như các cây công nghiệp lâu năm, hàng năm, cây ăn quả đặc sản, hoa màu lương thực và rau quả các loại. Trong khi đó ở khu vực có địa hình khá dốc và tầng đất mỏng, độ phì kém đề nghị nên trồng điều, cây ăn quả hoặc trồng rừng để bảo vệ đất.

- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét và đá biến chất (Fs) có diện tích 5.664,98 ha, chiếm 24,16% DTTN, tập trung nhiều ở các xã Hành Tín Tây (3.142,87 ha), Hành Thiện (933,02 ha), Hành Tín Đông (400, 6 ha). Đất có thành phần cơ giới trung bình đến nặng. Trong số các mẫu đất phân tích đa số mẫu có tỷ lệ sét cao (< 34%). Sự gia tăng tỷ lệ sét theo chiều sâu là rõ rệt từ 1,5 đến 2 lần. Đất có kết cấu tơi xốp, viên, cục bé. Đất có độ chua được xếp là chua và rất chua. pHH20 dao động trong khoảng 5,2 đến 6,5; pHKCl là 3,9-4,7. Hàm lượng chất hữu cơ trong đất dao động từ rất nghèo đến giàu. Các bon hữu cơ (OC) từ 0,13 đến 1,30%, cá biệt có mẫu đạt 1,90%. Tỷ lệ đạm tổng số trong khoảng 0,01-0,10% N. Tuy nhiên nói chung đất phần lớn có hàm lượng chất hữu cơ ở mức nghèo và trung bình. Lân trong đất khá nghèo, rất ít mẫu đạt mức trung bình. Lân tổng số ≤ 0,05% P2O5. Đặc biệt lân dễ tiêu thuộc mức rất nghèo và nghèo (≤ 1,98 mg P2O5/100g đất). Kali trong đất ở mức nghèo đến khá. Tuy nhiên đại bộ phận đất có hàm lượng kali nghèo. Kali tổng số dao động từ 0,21% đến 1,98%. Kali dễ tiêu biến động trong khoảng 0,9mg K2O đến 29,9 mg K2O/100g đất nhưng rất ít mẫu đạt mức ≥ 10 mg K2O/100g đất. Đất có khả năng hấp phụ thấp. CEC trong đất ≤10 lđl/100g đất và ≤ 24lđl/100g sét. Cá biệt có mẫu lên đến 33,6 lđl/100g sét. có độ phì khá, nhất là tỷ lệ chất hữu cơ. Thành phần cơ giới ở tầng dưới nặng hơn rõ rệt. Đồng thời trong đất tỷ lệ đá lẫn giảm.

Phần lớn đất này được phân bố ở độ dốc <150 là một yếu tố thuận lợi trong quá trình khai thác sử dụng đất cho sản xuất nông nghiệp, trong quá trình canh tác cần lưu ý đến hàm lượng sắt trong đất.

***d). Nhóm đất dốc tụ***

Có diện tích 450,8 ha, chiểm 1,92% diện tích tự nhiên phân bố chủ yếu ở các xã Hành Tín Tây (151 ha), Hành Thiện (102 ha). Đất hình thành ở địa hình thung lũng trên sản phẩm bồi tụ từ các vung đồi núi cao xung quanh. Thực chất của đất dốc tụ là hỗn hợp về thành phần mẫu chất. Đặc điểm của chúng, một mặt, bị chi phối quan trọng bởi đặc điểm của bề mặt bóc mòn từ các khu vực xung quanh có địa hình cao hơn, mặt khác, còn phụ thuộc vào độ dốc và chế độ nước ở khu vực bồi tụ. Vì vậy, hình thái phẫu diện cũng như đặc điểm lý- hóa học của đất dốc tụ, nhìn chung, khá phức tạp và có sự phân biệt đáng kể giữa các vị trí dốc tụ.

Tỷ lệ cấp hạt sét trong đất đạt khoảng 45,0-50,0%; cấp hạt limon là 25,0-30,0% và cấp hạt cát chỉ khoảng 20,0-25,0%. Độ chua hoạt tính (pHH2O) và trao đổi trao (pHKCl) theo thứ tự lên đến 5,4-5,8 và 4,7-5,0 đơn vị. Dung tích hấp thu (me/100gđ) và bảo hòa bazơ (%) khá cao, theo thứ tự lên đến 19,0-20,0 me/100gđ và 45,0-55,0%, cá biệt lên đến 56,2%. Các chất dinh dưỡng đa lượng trong đất cũng thường đạt mức khá: Ở tầng đất mặt, hữu cơ và đạm tổng số theo thứ tự lên đến 3,3-4,3%OM và 0,18-0,25%N. Lân tổng số trung bình khá, đạt 0,06-0,08% P2O5, song lân dễ tiêu vẫn nghèo, đạt 5,2-6,5 mg/100gđ. Kaly tổng số thấp: 0,03-0,05% K2O; kaly dễ tiêu nghèo, chỉ khoảng 3,5-5,5 mg/100gđ. Các độc chất trong đất có sắt hòa tan khá cao, khoảng 110-130 mg Fe2,3+/100gđ, song nhôm di động thường không xuất hiện.

Hiện nay, phần lớn diện tích đất đất dốc tụ trong huyện là ruộng lúa hoặc lúa màu, một phần là đất trồng cây ăn quả hoặc chuyên màu. Nhìn chung, đất dốc tụ có độ phì trung bình khá, lại được phân bố ở vị trí địa hình bằng thấp, vì vậy, chúng khá thích hợp cho bố trí chuyên canh lúa nước, chuyên canh cây trồng cạn hàng năm hoặc luân canh lúa nước với cây trồng cạn hàng năm.

***e) Nhóm đất cát ven sông***

Có diện tích 141,84 ha, chiểm 0,6% diện tích tự nhiên phân bố chủ yếu ở các xã Hành Tín Đông (113,51 ha) và Hành Tín Tây (28,33 ha). Đất hình thành do trầm tích của sông. Đất cát thường có thành phần cơ giới (TPCG) thô, (tỷ lệ cát phổ biến > 80 %), kết cấu rời rạc, rất nghèo dinh dưỡng. Hàm lượng chất hữu cơ (OM), đạm (N), lân (P2O5) và kali (K2O) tổng số và dễ tiêu đều thấp đến rất thấp; dung tích hấp thu/khả năng trao đổi cation (CEC) rất thấp, thường chỉ đạt < 10 meq/100 gam đất; khả năng giữ nước và chất dinh dưỡng rất kém. Hiện đang được sử dụng trồng rau, màu và khu vực khai thác cát xây dựng.

***f) Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá:***

Diện tích 221,62 ha, chiểm 0,95% diện tích tự nhiên toàn huyện, phân bố ở xã Hành Dũng (155,64 ha), Hành Nhân (43,13 ha); Hành Đức (22,85 ha). Đất hình thành do bị xói mòn mạnh trơ sỏi đá, tầng đất mặt bị bào mòn, rửa trôi mãnh liệt nên còn rất mỏng, có đá lộ đầu hoặc mất hẳn tầng đất để trơ ra cả đá gốc, trở nên khô hạn khốc liệt. Đất không còn kết cấu và đã kiệt chất dinh dưỡng. Hồi phục độ phì nhiêu cho loại đất chỉ còn cách là trồng cây gây rừng, nhưng đây là cả một vấn đề khó khăn, cần có sự đầu tư lớn với một thời gian dài.

***g) Diện tích sông, suối, ao hồ***: Có diện tích 1.390,41 ha, chiếm 5,93% diện tích tự nhiên.

## **1.2.2. Tài nguyên nước**

- Nước mặt: Kết quả điều tra thực tế cho thấy nguồn nước mặt cung cấp nước tưới cho đồng ruộng hầu hết các xã trong huyện Nghĩa Hành chủ yếu từ các sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Phước Giang, trong đó:

+ Nguồn nước mặt sông Trà Khúc, thông qua hệ thống kênh thuỷ lợi Thạch Nham, là nguồn nước chính cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt cho địa bàn 9 xã: Hành Thuận, Hành Trung, Hành Đức, Hành Minh, Hành Nhân, Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Thịnh, Hành Phước.

+ Nguồn nước sông Vệ, thông qua hệ thống trạm bơm, cung cấp nước phục vụ sản xuất cho các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện.

+ Nguồn nước sông Phước Giang, thông qua các công trình thuỷ lợi nhỏ như: đập Đồng Thét được xây dựng trên sông Phước Giang, cung cấp nước tưới cho ruộng lúa ở xã Hành Nhân.

Nhìn chung nguồn nước mặt tương đối phong phú, cung cấp nước tưới cho phần lớn diện tích đất canh tác cây hàng năm và nước cho sinh hoạt và sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện. Tuy nhiên do chịu ảnh hưởng của chế độ mưa theo mùa, các dòng sông vừa dốc vừa ngắn nên về mùa khô tình trạng thiếu nước tưới cho cây trồng vẫn xảy ra.

- Nguồn nước ngầm: Hiện nay, trên đia bàn huyện phần lớn nhân dân trong đang sử dụng nguồn nước ngầm mạch ngang, nông bằng giếng đào, độ sâu có nước từ 4 – 10 m, phục vụ sinh hoạt, nhìn chung nguồn nước ngầm ở Nghĩa Hành có chất lượng tốt, có thể phục vụ tốt cho sinh hoạt. Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá khoanh định vùng hạn chế và vùng cho phép khai thác nước dưới đất trên đia bàn tỉnh Quảng Ngãi do Liên đoàn quy hoạch và điều tra tài nguyên nước miền Trung thực hiện cho thấy, lưu lượng bơm thử nghiệm khoảng 4-6 lít/s; tổng trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác tại huyện Nghĩa Hành 63.776 m3/ngày, trong đó chủ yếu từ tầng chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen và Pleistocen; do nguồn nước ngầm ở Nghĩa Hành tồn tại và vận động trong các lỗ hổng của đất, đá bở rời *(nước lỗ hổng)* và trong các khe nứt của đá cứng nứt nẻ *(nước khe nứt)*, chỉ thích hợp với khai thác quy mô nhỏ.

## 1.2.3. Tài nguyên rừng

Theo thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2020, diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 10.296,33 ha. Trong đó: Rừng phòng hộ có 1.075,81 ha và rừng sản xuất có 9.220,52 ha. Rừng tự nhiên ở Nghĩa Hành đa phần là rừng thứ sinh với rất ít loài thuộc loại gỗ quí hiếm; Rừng trồng chủ yếu là rừng keo nguyên liệu, điều … sản lượng gỗ rừng trồng hàng năm khai thác khoảng 40-50 ngàn m3/năm. Độ che phủ đạt khoảng 43,8%.

# 1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

Theo tài liệu Quy hoạch thăm dò khai thác khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 cho thấy trên địa bàn huyện Nghĩa Hành có một số khoáng sản như sau:

- Cao lanh ở các xã Hành Nhân, Hành Dũng, với qui mô nhỏ.

- Đá xây dựng có trữ lượng khá, nằm rải rác ở các xã Hành Thịnh, Hành Dũng, Hành Minh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Nhân, Hành Đức, hàng năm khai thác từ 3 - 4 triệu viên đá ong, đá chẻ.

- Cát xây dựng phân bố dọc theo sông Vệ và sông Phước Giang với trữ lượng tương đối lớn. Tuy chất lượng cát không được sạch vì tạp chất nhiều nhưng đây là nguồn vật liệu xây dựng đáp ứng cho nhu cầu xây dựng ngày càng tăng trong địa bàn huyện.

- Đất sét dùng để sản xuất gạch ngói có trữ lượng lớn, hàng năm có thể khai thác khoảng 20.000 m3. Tuy nhiên đất sét phần lớn phân bố ở trên đồng ruộng, do đó việc khai thác phải kết hợp với cải tạo mặt bằng, bảo vệ đất lúa.

- Nước khoáng silic sunfua hydro cacdizit, là loại nước khoáng nóng có tác dụng chữa bệnh tốt, phân bố tại xã Hành Nhân. Hiện nay đang thăm dò và lập dự án đầu tư khai thác.

## 1.2.5. Tài nguyên nhân văn

Huyện Nghĩa Hành có bề dày lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, có truyền thống cách mạng do vậy tài nguyên nhân văn của huyện khá phong phú, đa dạng với nhiều di tích văn hóa lịch sử tiêu biểu. Toàn huyện có 5 di tích cấp quốc gia *(Di tích Kiến trúc Trường Luỹ Quảng Ngãi; Di tích Chiến thắng Đình Cương, vị trí nằm ở phía Nam huyện Nghĩa Hành, nằm giữa 4 xã Hành Phước, Hành Thiện, Hành Đức và Hành Minh; Di tích Trụ sở Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ tại thôn Phú Bình Trung; Di tích vụ thảm sát Khánh Giang - Trường Lệ và Đình làng An Định xã Hành Dũng)* và 15 di tích cấp tỉnh được xếp hạng.

Bên cạnh những di tích lịch sử văn hóa kể trên địa phương còn có một số văn hóa phi vật thể như Dân ca Bài chòi, lễ lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông Vê.., ngoài ra còn có một số khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp có giá trị phát triển du lịch như Suối Chí ở xã Hành Tín Đông, suối nước nóng ở xã Hành Nhân... Đây là lợi thế để huyện Nghĩa Hành khai thác phát triển du lịch góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

# **1.3. Phân tích hiện trạng môi trường**

## 1.3.1. Môi trường nước

- Hiện tại nguồn nước mặt trong khu vực quy hoạch khá dồi dào với hệ thống sông suối, ao hồ như Sông Vệ, sông Phước Giang, các suối…, là các trục tiêu nước chính của khu vực. Nguồn gây ô nhiễm nước chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Theo kết quả khảo sát thực tế thì chất lượng nước mặt trong khu vực quy hoạch vẫn còn tốt, chưa bị biến đổi nhiều, các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh, kim loại nặng đều nằm trong TCCP, chỉ có một số vị trí là nơi tiếp nhận nguồn thải là có dấu hiệu suy giảm cục bộ, nước có màu đen đục, mùi hôi. Tiêu biểu là tuyến mương chảy qua cụm công nghiệp Đồng Dinh, là nơi tiếp nhận toàn bộ nước thải chưa qua xử lý của cụm công nghiệp khiến cho nguồn nước có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ. Tuy nhiên hiện nay toàn bộ nước thải sinh hoạt của các khu dân cư nông thôn và thị trấn Chợ Chùa chưa qua xử lý thải trực tiếp ra môi trường đây sẽ là một trong những nguy cơ dẫn tới ô nhiễm môi trường nước.

- Nguồn nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân khu vực chủ yếu là nguồn nước ngầm, được sử dụng trực tiếp không qua xử lý *(trừ khu vực thị trấn Chợ Chùa có nhà máy nước sinh hoạt)*. Qua khảo sát thực tế thì hiện tại nguồn nước ngầm chất lượng tốt, tuy nhiên đã có hiện tượng sụt giảm mực nước do việc khai thác sử dụng quá mức của người dân.

## 1.3.2. Hiện trạng môi trường đất

- Tác động của con người: Trong khu vực nghiên cứu môi trường đất hầu như chưa bị tác động mạnh. Nguồn gây ô nhiễm chính cho môi trường đất là chất thải trong sinh hoạt của người dân và các loại hóa chất trong sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... Nhìn chung, lượng chất thải này hiện vẫn chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất. Tuy nhiên một số khu vực đất trống, rác thải vứt bừa bãi gây mất cảnh quan, gây ô nhiễm môi trường đất, nước cục bộ.

- Tác động của thiên nhiên: Do tác động của biến đổi khí hậu làm cho tình trạng hạn hán vào mùa khô ngày càng gay gắt, kéo theo đất đai trở nên chai cứng, hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất suy giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó mùa mưa tập trung với lượng mưa lớn gây ngập lụt, sạt lở đất ven sông suối dẫn đến tình trạng thoái hóa đất đai đặc biệt là những khu vực các xã vùng cao.

Mức độ sạt lở ven sông Vệ đoạn qua huyện ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng này làm giảm đất sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến nhiều tuyến đường giao thông và đe dọa cuộc sống của hàng trăm hộ dân nơi đây: Có 3 thôn là An Chỉ Tây, Hòa Mỹ và Thuận Hòa ở xã Hành Phước, thường xuyên xảy ra sạt lở đất vào mùa mưa bão. Trong đó: Thôn An Chỉ Tây là một trong 3 điểm sạt lở nặng nề nhất. Năm 2019, điểm sạt lở đã ăn sâu vào nền đường giao thông khoảng gần 1km.

## 1.3.3. Môi trường không khí

Không khí ở khu vực đô thị nhìn chung còn khá tốt, một số nơi chất lượng không ổn định do chịu ảnh hưởng của hoạt động giao thông, xây dựng và các hoạt động công nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư. Môi trường không khí tại cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp đã bắt đầu bị ô nhiễm, chủ yếu tập trung ở cụm công nghiệp Đồng Dinh. Nguyên nhân một phần là do các hầu hết các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp đều chưa quan tâm đến việc xử lý khí thải, mặt khác cụm công nghiệp còn đang trong giai đoạn hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, đã làm ảnh hưởng đến chất lượng không khí.

Theo đánh giá từ đồ án quy hoạch vùng huyện cho thấy, tại khu vực đô thị và các khu dân cư tập trung, độ ồn vẫn nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Đối với khu vực dọc theo các trục giao thông chính độ ồn khoảng 65 - 70 dBA, xấp xỉ vượt ngưỡng tiêu chuẩn cho phép.

## **1.4. Đánh giá chung**

## 1.4.1. Thuận lợi

- Vị trí nằm gần thành phố Quảng Ngãi, cách trung tâm thành phố 9 km về phía Tây Nam, có hệ thống hạ tầng giao thông đối ngoại thuận lợi với *(đường quốc lộ 24c, đường nối vào đường cao tốc, đường tỉnh 624, 628)* kết nối với các huyện phía Tây của tỉnh nên Nghĩa Hành trở thành “Cửa ngõ” giao thương giữa trung tâm TP. Quảng Ngãi với các huyện phía Tây của tỉnh.

- Tài nguyên đất đai đa dạng, địa hình đồng bằng chiếm phần lớn diện tích tự nhiên, bên cạnh đó có nguồn nước mặt đồi dào là điều kiện thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa đa canh; thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, hình thành vùng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, chất lượng cao.

- Điều kiện thời tiết nắng nhiều, chế độ nhiệt, chiếu sáng thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt trong điều kiện có tưới sẽ là giúp cây trồng cho năng suất cao, chất lượng tốt.

- Diện tích rừng sản xuất lớn, chiếm 43,57% diện tích tự nhiên; với chủ yếu là rừng trồng sản xuất *(gần 6.000 ha)* và đất đang sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng sản xuất, đây là cơ sở để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến lâm sản của huyện cũng như phát triển rừng gỗ lớn để nâng cao hiệu quả kinh tế rừng.

- Tài nguyên nhân văn đa dạng với nhiều di tích văn hóa lịch sử được công nhận *(có 5 di tích lịch sử cấp quốc gia và 15 di tích lịch sử cấp tỉnh)*, ngoài ra còn có các cảnh quan thiên nhiên đẹp có giá trị phát triển du lịch như Suối Chí ở xã Hành Tín Đông, suối nước nóng ở xã Hành Nhân...

## 1.4.2. Khó khăn

- Địa hình chia cắt, làm hạn chế triển khai xây dựng các khu dân cư nông thôn và công trình công cộng.

- Khu vực ven sông Vệ thường xuyên bị sạt lở, ảnh hưởng đến đất sản xuất và xây dựng sơ sở hạ tầng.

- Mặc dù có vị trí địa lý thuận lợi nhưng hiện tại vẫn chưa phát huy được lợi thế về vị trí *(đô thị vệ tinh của thành phố Quảng Ngãi, cửa ngõ, điểm trung chuyển giữa thành phố Quảng Ngãi và các huyện phía Tây)* trong mối quan hệ vùng.

- Khí hậu thời tiết bên cạnh những thuận lợi cũng tạo nên những bất lợi, đặc biệt là tác động của biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, bão, lũ lụt, sạt lở đất vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, tổ chức sản xuất, sắp xếp dân cư cũng như xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

# II. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

# **2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội** *(xem phụ biểu 1)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Hành lần thứ XX và XXI; trong 10 năm qua nền kinh tế của Nghĩa Hành đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 12,36%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015 tăng 13,69%/năm và giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 11,04%/năm..

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản giảm từ 49,16% năm 2010 xuống còn 41,55% năm 2015 và còn 30,38% năm 2020; Công nghiệp, xây dựng tăng từ 23,99% năm 2010 lên 27,24% năm 2015 và lên 29,76% năm 2020; Dịch vụ thương mại tăng từ 26,85% năm 2010 lên 31,21% năm 2015 tăng lên 39,86% năm 2020. Thu nhập bình quân đầu người đạt 43,58 triệu đồng/người/năm.

Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch đúng hướng nhờ việc đầu tư xây dựng và thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Đồng Dinh, thu hút đầu tư xây dựng nhà máy may Vinatex Nghĩa Hành; phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế biến lâm sản, khai thác vật liệu xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị với các dự án lớn như đường dẫn vào đường cao tốc, tỉnh lộ 624, đường tránh phía Đông thị trấn Chợ Chùa giai đoạn 1, hạ tầng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, khu dân cư Đồng Dinh, khu dân cư Đống Xít... Đầu tư phát triển mạng lưới hạ tầng thương mại dịch vụ, đặc biệt là hoàn thành xây dựng chợ thị trấn Chợ Chùa, thu hút đầu tư phát triển siêu thị, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, dịch vụ về thị trường bất động sản, đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính giúp cho mọi tổ chức cá nhân tiếp cận các dịch vụ công một cách thuận lợi....

# **2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực**

## 2.2.1 Nông - lâm, thủy sản

Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,38%, trong đó:

***a) Sản xuất nông nghiệp***

- Lĩnh vực trồng trọt: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 4,04%/năm, trong 10 năm qua địa phương đã tập trung phát triển các cây trồng có lợi thế, trong đó ổn định diện tích đất lúa 02 vụ theo quy hoạch, thực hiện công tác dồn điền đổi thửa để tạo cánh đồng mẫu lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Tiếp tục thực hiện đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng cường phát triển luân canh cây hàng năm như bắp, đậu, dưa hấu... trên đất lúa ở những khu vực có điều kiện; thực hiện đề án phát triển vùng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như sầu riêng, chôm chôm, măng cụt, bưởi da xanh, chuối... từng bước nâng cao giá trị trên 1 đơn vị diện tích *(giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích đã tăng từ 38,2 triệu đồng/ha năm 2010 lên 56,64 triệu đồng/ha năm 2015 và lên 81,6 triệu đồng/ha năm 2020)*. Đến năm 2020 tổng sản lượng lương thực đạt 51.586,7 tấn; bình quân lương thực đầu người 623kg/người/năm, tăng 141kg so với năm 2015.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Giá trị chăn nuôi đạt thấp do ảnh hưởng của dịch bệnh nên tốc độ tăng trưởng chậm, bình quân tăng 2-3%/năm. Tổng quy mô đàn đến năm 2020 có chiều hướng giảm so với năm 2015; trong đó đàn trâu có xu hướng tăng nhưng không đáng kể *(đàn trâu có 3189 con/3120 con)*; đàn bò và đàn lợn có xu hướng giảm, trong đó đàn lợn giảm mạnh do tác động của dịch tả lợn châu phi và ảnh hưởng đến việc tái đàn; đàn gia cầm, thủy cầm giữ ổn định ở mức 490-500 nghìn con. Ngoài chăn nuôi truyền thống, nghề dẫn dụ chim yến bước đầu có sự phát triển, mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cho người dân, góp phần vào tăng trưởng ngành chăn nuôi.

***b) Sản xuất lâm nghiệp***

Toàn huyện có 10.216,84 ha đất rừng, chiếm 43,57% diện tích đất tự nhiên. Trong đó diện tích đất rừng phòng hộ 1.021,96 ha, chiếm 4,46% diện tích tự nhiên, tập trung các xã như Hành Tín Tây, Hành Thiện và Hành Đức. Đất có rừng sản xuất 9.194,87 ha, chiếm 39,21% diện tích tự nhiên; phân bố trên địa bàn 9 xã; đất rừng sản xuất chủ yếu là rừng trồng với cây rừng chính là keo nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu chế biến dăm giấy… hàng năm đóng góp giá trị khá lớn và ngành nông nghiệp. Tổng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp năm 2020 ước đạt 203.682 triệu đồng. Tốc độ tăng tường bình quân hàng năm đạt 14,79%.

- Khâu lâm sinh: Tổng diện tích trồng rừng thực hiện trong 5 năm đạt gần 7.040 ha *(bình quân mỗi năm trồng khoảng 1.400 ha)*; trồng cây phân tán ước đạt gần 600 ngàn cây *(120 ngàn cây/năm)*; chăm sóc rừng đạt 15.185 ha *(3.037 ha/năm)*; khoanh muôi tái sinh được 2.819 ha rừng *(gần 564 ha/năm)*… công tác giao khoán QLBVR được duy trì đối với diện tích đất rừng tự nhiên. Giao đất rừng trồng cho tổ chức, hộ gia đình cá nhân thực hiện trồng rừng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến lâm sản của huyện.

- Khâu khai thác: Thực hiện tốt chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên. Khai thác rừng trồng theo đúng chu kỳ kinh doanh*.* Sản lượng khai thác năm 2020 ước đạt 63,9 nghìn m3 gỗ nguyên liệu giấy, trên 14 nghìn Ster củi khai thác, 201 nghìn cây tre nứa và 13,4 tấn song mây.

- Công tác phòng chống cháy rừng trong mùa khô luôn được các chủ rừng, các ngành chức năng và cả hệ thống chính trị địa phương quan tâm. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép… được các cơ quan chức năng chỉ đạo kiểm soát quyết liệt; QLBVR được triển khai kịp thời.

***c) Ngành thuỷ sản***

Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu là tận dụng diện tích ao hồ, mặt nước sẵn có như gần sông, suối. Theo số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất, tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản toàn huyện đến năm 2020 18,64 ha. Diện tích thả nuôi năm 2020 là 33,03 ha. Hình thức nuôi thả chủ yếu nuôi trong các ao nuôi của hộ gia đình và tận dụng mặt nước để nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến tại một số công trình lợi, sản lượng thủy sản đạt 137 tấn trong đó: sản lượng nuôi thủy sản đạt 73 tấn, sản lượng khai thác tự nhiên 64 tấn.

## 2.2.2. Công nghiệp xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng bình quân hàng năm 14,02% *(giai đoạn 2011-2015 tăng 17,4% và giai đoạn 2016 – 2020 tăng 11,93%)*, trong đó công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 13,3% *(giai đoạn 2011 – 2015 tăng 16,41% và giai đoạn 2016-2020 tăng 10,27%)*, xây dựng tăng 16,2% *(giai đoạn 2011 – 2015 tăng 18,66% và giai đoạn 2016-2020 tăng 13,8%)*. Hoàn thành việc lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mở rộng Cụm công nghiệp Đồng Dinh quy mô 19,2 ha và quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh với quy mô 23,7 ha; thu hút đầu tư xây dựng dự án nhà máy may Vinatex Nghĩa Hành với tổng mức đầu tư 150 tỷ đồng. Tính đến năm 2020, toàn huyện có gần 1.141 cơ sở, hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thu hút hơn 3.146 lao động, trong đó chủ yếu là lĩnh vực chế biến, chế tạo. Một số ngành nghề truyền thống phát triển ổn định, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động tại địa phương. Sự phát triển của ngành công nghiệp, TTCN trên điạ bàn huyện đã giúp giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và góp phần tăng thu ngân sách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng dịch vụ, công nghiệp.

Hoạt động xây dựng phát triển mạnh, hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp, nhiều dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhất là mạng lưới hạ tầng giao thông, hạ tầng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới[[1]](#footnote-1) với tổng kinh phí đầu tư 1.415,51 tỷ đồng[[2]](#footnote-2), đã tạo diện mạo mới cho huyện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân.

## 2.2.3. Phát triển dịch vụ, du lịch

Giá trị ngành thương mại, dịch vụ tăng bình quân hàng năm thời kỳ 2011-2020 là 18,87% *(giai đoạn 2011-2015 tăng 22,16%/năm và giai đoạn 2016-2020 tăng 15,66%).* Các lĩnh vực dịch vụ thương mại, vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính, ngân hàng từng bước phát triển và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động. Hệ thống siêu thị, chợ được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh; mạng lưới phân phối hàng hoá được mở rộng từ đô thị đến nông thôn tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc trao đổi hàng hóa, mua sắm vật tư, nguyên liệu cho sản xuất nhu yếu phẩm phục vụ đời sống.

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: Hoạt động thương mại trong cả thời kỳ 2011 -2020 đã hòa nhập với kinh tế thị trường, đảm bảo cung cấp các loại hàng hóa, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Hàng hóa trên thị trường phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu xã hội các tầng lớp dân cư trên địa bàn. Số cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực thương mại- dịch vụ cá thể và doanh nghiệp không ngừng tăng; tính riêng giai đoạn 2016-2020 cho thấy, số cơ sở kinh doanh thương mại cá thể năm 2015 có 3.580 cơ sở, năm 2020 có 3.950 cơ sở *(tăng 370 cơ sở)*; doanh nghiệp 2015 có 33 doanh nghiệp, năm 2020 có 80 doanh ngiệp *(tăng 47 doanh nghiệp)*; Lao động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ 2015 có 4.386 người, năm 2020 có 5.256 người *(tăng 870 người)*; cơ sở cửa hàng, siêu thị phát triển: Siêu thị Nghĩa Hành, cửa hàng xe máy Hon da Sông Trà, Siêu thị Điện máy xanh, cơ sở tol Hoa Sen... Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cả thời kỳ 2016-2020 trên địa bàn huyện đạt khoảng 11.251.337 triệu đồng, bình quân đạt 2.250.267 triệu đồng/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15-16%/năm.

- Các hoạt động dịch vụ sản xuất và công cộng như vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính tín dụng, khuyến nông... đã và đang phát triển tốt đáp ứng yêu cầu cho đời sống của nhân dân, hỗ trợ tích cực cho sản xuất.

+ Vận tải: Dịch vụ vận tải ở Nghĩa Hành chủ yếu là vận tải đường bộ*.* Trong năm 2020 tổng khối lượng hành khách vận chuyển gần 72 nghìn hành khách, luân chuyển là 20.784 nghìn hành khách-km, lượng hàng hoá vận chuyển là 746 nghìn tấn, luân chuyển đạt trên 31.820 nghìn tấn - km. Vận tải hàng hoá chủ yếu là hàng nông lâm sản, vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng.

+ Bưu chính viễn thông:Ngành bưu chính viễn thông đã đầu tư phát triển mạng lưới các bưu cục đến các vùng tập trung đông dân cư và bưu điện văn hoá cấp xã phục vụ cho nhu cầu giao dịch, mạng điện thoại di động đã được phủ sóng cùng với việc kết nối internet, đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho người dân trong giao dịch, cập nhật trao đổi thông tin.

***-*** Khuyến nông, lâm, khuyến công và chuyển giao khoa học kỹ thuật:Các dịch vụ khuyến nông, lâm, công và chuyển giao kỹ thuật chủ yếu do nhà nước đảm nhiệm mà trực tiếp là các phòng ban chức năng của huyện như phòng Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp, phòng Kinh tế và hạ tầng.. ngoài ra trên địa bàn còn có các hợp tác xã, tổ hợp tác... tham gia vào hoạt động dịch vụ. Trong khuôn khổ các chương trình, dự án trên địa bàn qua các năm, trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện đã tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho nông dân về trồng trọt *(phát triển cây ăn quả, kỹ thuật chăn nuôi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển giống mới…)*.

- Dịch vụ công: Hoạt động dịch vụ công chủ yếu ở lĩnh vực quản lý hành chính công, y tế công, giáo dục công, quản lý bảo vệ môi trường ... do nhà nước địa phương đảm nhận. Dịch vụ công trên địa bàn ngày càng được chuẩn hoá trong việc cung cấp dịch vụ và tạo lòng tin cho người dân. Trong đó, đáng chú ý là các hoạt động về giải quyết thủ tục hành chính *(chứng thực, cấp phép kinh doanh, cấp phép xây dựng, các hoạt động liên quan đến đất đai...)* đã có những chuyển biến rõ rệt, công tác cải cách thủ tục hành chính được thực hiện tốt; Hoạt động ứng dụng khoa học kỹ thuật bước đầu đã đem lại hiệu quả thiết thực, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước, chất lượng hoạt động của chính quyền được nâng lên.

# **2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất**

***a) Thực trạng dân số và phân bố dân số*** *(xem phụ biểu 2)*

Dân số trung bình huyện Nghĩa Hành năm 2020 là 82.837 người, mật độ dân số 353 người/km2. Trong đó dân số khu vực thành thị là 9.126 người, chiếm tỷ trọng 11,02%, khu vực nông thôn là 73.711 người chiếm 88,98% dân số toàn huyện. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 đạt 0,65%.

Dân cư của huyện phân bố tập trung trên các trục đường chính chạy qua địa bàn huyện như 624, 624B, 624C, 628, các tuyến đường huyện, gần các khu trung tâm. Mật độ phân bố dân số của huyện không đều, thị trấn Chợ Chùa có mật độ dân số đông nhất *(1.211 người/km2),* tiếp đến là Hành Thuận *(875 người/km2),* Hành Trung *(846 người/km2)*, Hành Phước *(645 người/km2)*, Hành Đức *(623 người/km2)*, Hành Minh *(545 người/km2)*, trong khi các xã như Hành Dũng *(181 người/km2)*, Hành Tín Tây *(109 người/km2)*, Hành Tín Đông*(107 người km2)* có mật độ dân số thấp*.*

Phân bố dân cư tác động đến việc sử dụng đất trên địa bàn, khu vực thị trấn và các khu vưc vùng bằng tập trung nhiều công trình hạ tầng quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội và đô thị nên mật độ dân số lớn sẽ gây áp lực lên việc cân đối quỹ đất cho sản xuất và bố trí khu dân cư, xây dựng kết cấu hạ tầng.

***b) Lao động, việc làm***

Dân số trong độ tuổi lao động có 48.615 người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động tham gia lao động 42.984 người;. Lao động trong các ngành kinh tế trên địa bàn huyện tăng lên theo tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tuy nhiên mức tăng chậm do tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm dần. Trong số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế thì lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 24.572 người, chiểm 57,16%; lao động tham gia trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng 6.670 người, chiếm 15,52%, lao động tham gia lĩnh vực thương mại, dịch vụ 11.742 người, chiếm 27,32%. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 95%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 60%.

Số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao là nguồn lực rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tuy nhiên, cơ cấu lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao và chuyển dịch vẫn chưa phù hợp với cơ cấu kinh tế địa phương.

***c) Thu nhập và mức sống dân cư***

Theo kết quả đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội qua các năm cho thấy; giá trị sản xuất bình quân/người đạt gần 74 triệu người/năm, tăng 1,8 lần so với năm 2015; thu nhập bình quân đầu người đạt 43,58 triệu đồng/người/năm. Những năm qua công tác giảm nghèo được các cấp ngành quan tâm; thông qua các chương trình như cho các thành phần kinh tế vay vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của ngân hàng nông nghiệp, cho vay giảm nghèo của ngân hàng chính sách xã hội... nhờ vậy đã giảm tỷ lệ hộ nghèo rõ rệt. Tính đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn tiếp cận đa chiều giảm còn 4,5% *(trừ đối tượng bảo trợ xã hội còn 1,95%)*, bình quân giảm từ 1,1% - 1,75%/năm.

Nhìn chung đời sống nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng được nâng cao, bộ mặt nông thôn ngày một đổi mới, người dân thực sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và các cấp chính quyền ở địa phương.

# **2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.**

***a) Thực trạng phát triển các khu đô thị***

-Thị Trấn Chợ Chùa là Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện, được công nhận đạt chuẩn đô thị loại V tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh về việc công nhận đô thị thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời huyện cũng đã được UBND tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị Chợ Chùa huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025, tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 20/6/2017.

Toàn đô thị có tổng diện tích tự nhiên là 753,46 ha, với 9.126 người. Dân cư đô thị được phân bố trên địa bàn 6 tổ dân phố, gồm: Phú Vinh Đông, Phú Vinh Tây, Phú Vinh Trung, Phú Bình Đông, Phú Bình Tây và Phú Bình Trung. Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 đạt 11%; mật độ dân số đô thị 1.211 người/km2. Trong những năm gần đây, với sự phát triển của nền kinh tế thị trường cùng với sự gia tăng dân số đô thị thì tốc độ xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng... cũng tăng lên. Hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đang từng bước được đầu tư hoàn thiện, trong đó:

- Giao thông: Giao thông đối ngoại rất thuận tiện kết nối với các thành phố Quảng Ngãi, các huyện Minh Long, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Ba Tơ như đường tỉnh 624, 624B, 624C, 628; các tuyến đường huyện ĐH.54, ĐH.54B, ĐH.58, ĐH.58B, ĐH.58C, ĐH.58D và ĐH.58E đấu nối vào các tuyến QL1A và QL24, đường cao tốc Quảng Ngãi – Đà Nẵng… giao thông đối nội đang từng bước được đầu tư xây dựng, về cơ bản đã được cứng hóa *(nhựa hóa, bê tông hóa)*, tuy nhiên chưa hoàn chỉnh, nhiều tuyến nhỏ hẹp, hệ thống vỉa hè và điện chiếu sáng chưa đảm bảo.

- Nguồn điện: Nguồn điện được lấy từ xuất tuyến XT473/T9 và xuất tuyến XT479/E16.1 cung cấp cho các trạm biến áp trên địa bàn thị trấn qua đường trung thế 22KV. Hiện nay 100% số hộ gia đình trong thị trấn được sử dụng lưới điện quốc gia, chủ yếu là để sinh hoạt, ngoài ra hệ thống điện trên địa bàn thị trấn còn phục vụ cho các cơ quan hành chính sự nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, công nghiệp, trường học...

- Nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt được cấp từ hệ thống cấp nước sạch được đầu tư hoàn thiền gồm: Hệ thống nước sạch phía Bắc TT. Chợ Chùa với công suất 40m3/ ngày đêm; Hệ thống cấp nước sinh hoạt TT.Chợ Chùa với công suất 260m3/ngày đêm. Ngoài ra, trong khu vực còn có một đài nước trong khuôn viên Bệnh viện Đa Khoa huyện cung cấp cho nhu cầu của bệnh viện. Hiện tỷ lệ dân cư thị trấn sử dụng nước sạch đạt 100%.

- Thoát nước đô thị: Thị trấn Chợ Chùa có sông An Định chảy qua trung tâm do đó hệ thống thoát nước chủ yếu ra sông, điều kiện thoát nước tốt với địa hình thấp dần từ Tây sang Đông; bên cạnh đó, ven trung tâm thị trấn chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, là nơi chứa nước khi mùa mưa giúp cho trung tâm thị trấn không bị ngập úng. Hiện tại trên các tuyến đường tỉnh ĐT.624 đã có hệ thống cống thu nước mưa tương đối hoàn chỉnh. Một số đoạn trên tuyến ĐH.628 và các đường nội thị cũng đã được đầu tư hệ thống thoát nước mưa. Kết cấu hệ thống là đường ống bê tông ly tâm D600-D1200. Nước được thu gom và xả vào các cống ngang, kênh mương trong khu vực.

- Hạ tầng xã hội: Hệ thống các công trình giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông, hệ thống y tế *(Bệnh viện đa khoa huyện, trạm y tế thị trấn)*, các công trình văn hóa - thể thao *(Quảng trường, nhà thi đấu, sân vận động, công trình tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa..)*, hệ thống công trình thương mại *(chợ, cửa hàng bách hóa, bưu chính, ngân hàng..)* và hạ tầng dịch vụ công đã được đầu tư, nhiều công trình được xây mới, nâng cấp hoàn thiện đáp ứng nhu cầu không chỉ thị trấn mà cho toàn huyện Nghĩa Hành.

- Đối với đất ở và nhà ở trong khu dân cư đô thị: Diện tích đất ở đô thị/người đạt 111,34 m2/người *(tính chung cả phần đất khu dân cư Đồng Dinh*). Nhà ở do nhân dân tự xây dựng bám theo các trục đường chính, các đường nội vùng, khu vực... Kiến trúc nhà của nhân dân hầu hết được xây dựng theo kiểu tuyến phố đô thị; khu vực dọc tuyến ĐT.624, các tuyến đường huyện và khu vực chợ Chùa; chủ yếu là nhà ở kết hợp dịch vụ với mật độ xây dựng khoảng trên 60%, hình thức kiến trúc theo kiểu nhà ở đô thị; Khu vực trung tâm huyện chủ yếu phân lô theo kiểu nhà ở đô thị *(nhà ở liền kề)* xen kẽ với những căn biệt thự mái dốc, mật độ xây dựng trên 80%. Riêng các khu vực vùng ven xa khu trung tâm do tập quán sinh hoạt, sản xuất và khả năng về tài chính nên nhà ở vẫn đang phát triển theo hình thái nhà ở nông thôn, chưa theo quy hoạch cần được chỉnh trang hoàn thiện.

***b) Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn***

Toàn huyện có 11 đơn vị hành chính cấp xã với 68 thôn, với tổng DTTN đất nông thôn là 22.695,09 ha, chiếm 96,79% DTTN toàn huyện. Trong đó diện tích đất khu dân cư nông thôn có 2.919,27 ha, chiếm 12%% DTTN đất nông thôn toàn huyện *(đất ở tại nông thôn là 1.007,91 ha, chiếm 34,53 % diện tích đất khu dân cư nông thôn)*. Dân số nông thôn năm 2020 là 73.711 người *(chiếm 88,98% dân số toàn huyện),* mật độ dân số nông thôn là 325 người/km2. Bình quân đất ở khu dân cư nông thôn hiện nay là 137 m2/người.

Dân cư chủ yếu phân bố tập trung tại khu vực trung tâm xã, các trục giao thông chính, có điều kiện thuận lợi về sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ. Trong những năm qua, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của nhân dân nên khu vực nông thôn của Nghĩa Hành đã có nhiều khởi sắc, kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhà ở dân cư được chỉnh trang đảm bảo tiêu chí về nông thôn mới *(100% xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới, Nghĩa Hành là huyện nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi)*.

# **2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng**

2.5.1. Giao thông

***a) Đường bộ:*** Mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện Nghĩa Hành có tổng chiều dài 336,87 km, phân bố khá đồng đều giữa các vùng với mật độ 1,44 km/ km2 và 4,08 km/1.000 dân, với tổng diện tích sử dụng đất là 578,79 ha, chiếm 2,47% diện tích tự nhiên của huyện, hiện trạng hạ tầng giao thông như sau:

- Đường quốc lộ *(QL.24)*: Tuyến quốc lộ 24 nối quốc lộ 1 đi tỉnh Kon Tum, đoạng qua huyện Nghĩa Hành có chiều lài 0,622 km tiếp giáp giữa ranh giới xã Hành Tín Đông huyện Nghĩa Hành và xã Ba Liên huyện Ba Tơ, đường tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Đường nối vào đường cao tốc: Trên địa bàn có tuyến đường dẫn vào đường cao tốc Quảng Ngãi – Đà Nẵng đoạn qua huyện Nghãi Hành có chiều dài 2 km, đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Đường tỉnh: có 4 tuyến đi qua địa bàn huyện Nghĩa Hành, tổng chiều dài 57,52 km, trong đó:

+ Đường tỉnh 624-Số hiệu ĐT.624 *(Quảng Ngãi-Minh Long):* Điểm đầu giáp điểm cuối của đường đô thị Nguyễn Công Phương thuộc thị trấn Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi; điểm cuối giao với đường tỉnh 625 tại Km24 thuộc xã Thanh An, huyện Minh Long, tổng chiều dài là 30 Km, trong đó đoạn đi qua huyện Nghĩa Hành dài 17,12 km. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, bề rộng mặt đường 7 m, bề rộng nền đường 9 m. Đây là tuyến đường quan trọng, nối liền trung tâm TT Chợ chùa và trung tâm các xã Hành Thuận, Hành Minh, Hành Thiện với thành phố Quảng Ngãi.

+ Đường tỉnh 624B - Số hiệu ĐT.624B *(Quán Lát-Đá Chát):* Điểm đầu giao với Quốc lộ 1A tại Km 1071+200, thuộc xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức; điểm cuối giáp Quốc lộ 24 tại Km15 thuộc xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành, tổng chiều dài là 29,8 Km, trong đó đoạn đi qua huyện Nghĩa Hành dài 25,98 km (bao gồm nhánh rẽ qua Cầu Cộng Hoà có chiều dài L=1,2 Km ). Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng, bề rộng mặt đường 5,5 m, bề rộng nền đường 7,5 m.

+ Đường tỉnh 624C - Số hiệu ĐT.624C *(Đồng Cát- Hành Tín Đông)*: Điểm đầu giao với Quốc lộ 1A tại Km 1077+730, thị trấn Đồng Cát, huyện Mộ Đức; điểm cuối giao với ĐT 624B tại Km 9+400 trên địa bàn xã Hành Tín Đông, qua huyện Nghĩa Hành dài 3 Km. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng, bề rộng mặt đường 5,5 m, bề rộng nền đường 7,5 m.

+ Đường tỉnh 628 - Số hiệu ĐT.628 *(Quốc lộ 1A-Chợ Chùa-Thanh An):* Điểm đầu giao với Quốc lộ 1A tại Km1066+100 thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa; điểm cuối giao với đường tỉnh 625 tại Km27 thuộc xã Thanh An, huyện Minh Long, tổng chiều dài 33,6 Km, đoạn đi qua huyện Nghĩa Hành dài 13,6 km. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng, bề rộng mặt đường 5,5 m, bề rộng nền đường 7,5 m.

- Đường huyện: Có 17 tuyến, tổng chiều dài 78,69 km

+ Đường huyện 53 - Số hiệu ĐH.53 *(Sông Vệ-Phú Lâm):* Điểm đầu sông Vệ *(xã Hành Phước);* điểm cuối Phú Lâm *(xã Hành Thiện),* tổng chiều dài 14 Km, trong đó có 10,2 km đường láng nhựa, 3,8 km đường đất. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 53B - Số hiệu ĐH.53B (Hành Phước-Hành Thiện): Điểm đầu xã Hành Phước; điểm cuối xã Hành Thiện, tổng chiều dài 3 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 54 - Số hiệu ĐH.54 *(Ngã tư bà Viện- Phú Bình- Nghĩa Kỳ)*: Điểm đầu ngã tư Bà Viện; điểm cuối xã Nghĩa Kỳ, chiều dài 11,49 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 54B - Số hiệu ĐH.54B *(Nghĩa Trung- Phú Bình*): Điểm đầu Nghĩa Trung; điểm cuối Phú Bình, chiều dài 1,7 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 55 - Số hiệu ĐH.55 (*Cầu dài- Hành Nhân- Long Sơn)*: Điểm đầu xã Hành Minh; điểm cuối xã Long Sơn, chiều dài 7 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI miền núi, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 56 - Số hiệu ĐH.56 *(Ngã ba Hành Đức- Hành Phước)*: Điểm đầu xã Hành Đức; điểm cuối xã Hành Phước, chiều dài 3,1 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 56B - Số hiệu ĐH.56B *(Hành Dũng- Nghĩa Thọ*): Điểm đầu xã Hành Dũng; điểm cuối xã Nghĩa Thọ, chiều dài 6,1 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 56C - Số hiệu ĐH.56C (*Hành Minh- Hành Đức- Hành Phước)*: Điểm đầu xã Hành Minh; điểm cuối xã Hành Phước, chiều dài 5,1 Km, có 3,6 km mặt đường láng nhựa, còn lại 1,5 km đường bê tông xi măng. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 57 - Số hiệu ĐH.57 *(ĐT 624 - Dốc Nhây)*: Điểm đầu giao với ĐT 624 tại xã Hành Thiện; điểm cuối Dốc Nhây tại xã Ba Thành, chiều dài 10 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI miền núi, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 58 - Số hiệu ĐH.58 *(Cầu Bến Đá – phía Đông TT Chợ Chùa*): Điểm đầu Cầu Bến Đá; điểm cuối Kênh N12, chiều dài 1,4 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay mặt đường được láng nhựa; tuyến này nằm trong quy hoạch thị trấn Chợ Chùa, mặt đường 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 58B - Số hiệu ĐH.58nhựa; tuyến này nằm trong quy hoạch thị trấn Chợ Chùa, mặt đường 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 58C - Số hiệu ĐH.58C *(Ngõ ông Tơ- Ngõ ông Lãnh)*: chiều dài 2 Km. Hiện nay đường mới láng nhựa 0,2 km, còn lại 1,8 km đường đất; Tuyến này nằm trong quy hoạch đô thị thị trấn Chợ Chùa, mặt đường 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 58D - Số hiệu ĐH.58D (*Chợ Chùa- Ngã ba ông Hoàng)*: chiều dài 2 Km. Hiện nay mặt đường được láng nhựa; tuyến này nằm trong quy hoạch thị trấn Chợ Chùa, mặt đường 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 58E - Số hiệu ĐH.58E *(nối Đông – Tây TT Chợ Chùa)*: chiều dài 0,8 Km. Hiện nay mặt đường được láng nhựa; tuyến này nằm trong quy hoạch thị trấn Chợ Chùa, mặt đường 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 58F - Số hiệu ĐH.58F *(TT Chợ Chùa – Hành Đức)*: chiều dài 2 Km. Hiện nay mặt đường được bê tông xi măng, mặt đường 3,5 m, nền đường rộng 6 m.

+ Đường huyện 59 - Số hiệu ĐH.59 *(Hành Thuận - Bến Chương Dương)*: Điểm đầu xã Hành Thuận; điểm cuối xã Nghĩa Trung, chiều dài 2,3 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

+ Đường huyện 59B - Số hiệu ĐH.59B *(Hành Thuận – Hành Dũng)*: Điểm đầu xã Hành Thuận; điểm cuối xã Hành Dũng, chiều dài 5,1 Km, mặt đường láng nhựa. Hiện nay đường mới láng nhựa 2,3 km, còn lại 2,8 km đường đất; bề rộng đường đạt tiêu chuẩn cấp VI đồng bằng, mặt đường rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

- Đường xã: tổng chiều dài các tuyến đường xã, giao thông nông thôn là 198,66 km, phần lớn đã được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới. Đường có bề rộng mặt 3,5 m, nền đường 6 m.

Nhìn chung hệ thống đường giao thông ở huyện Nghĩa Hành tương đối thuận lợi, phương tiện cơ giới có thể đến các trung tâm xã và các trung tâm khu dân cư. Tuy nhiên do bề rộng đường hạn chế, chủ yếu mới xây dựng nền và mặt đường, các dải hành lang, vỉa hè chưa đầu tư.

***b) Đường sắt Bắc - Nam:*** chạy qua địa bàn huyện Nghĩa Hành dài 5,58 km, đi qua các xã Hành Thuận, Hành Trung và Hành Phước. Việc vận chuyển đi lại bằng đường sắt được thông qua ga Quảng Ngãi, cách trung tâm huyện Nghĩa Hành khoảng 9 km. Hàng ngày có nhiều chuyến tàu thống nhất Bắc Nam và tàu địa phương dừng tại ga Quảng Ngãi để đón khách và hàng hoá, là điều kiện tương đối thuận lợi về giao thông đối ngoại.

***c) Hệ thống bến bãi:*** Toàn huyện có 1 bến xe khách Tân Quê Hương ở TT. Chợ Chùa *(tổng diện tích trên 3 ha).* Ngoài ra còn có một số bến tạm đón trả khách của tuyến xe buýt Quảng Ngãi - Minh Long.

### 2.5.2. Thuỷ lợi, cấp thoát nước

Hệ thống công trình thuỷ lợi được xây dựng khá đồng bộ, từ các công trình tưới đến tiêu nước. Tổng diện tích đất thủy lợi toàn huyện 433,6 ha, chiếm 1,85% diện tích tự nhiên toàn huyện, gồm hệ thống Thạch Nham và nhiều công trình thủy lợi nhỏ đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

***a) Hệ thống thuỷ lợi Thạch Nham***: được xây dựng năm 1984, vị trí xây dựng đập trên dòng chính sông Trà Khúc, tại huyện Sơn Hà. Kênh chính Nam đi qua địa bàn các xã Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Đức, Hành Phước, Hành Thịnh, tổng chiều dài đi qua huyện khoảng 24,4 km, bề rộng tuyến kênh khoảng 30 m; các tuyến kênh chính N1, N8, N10, N12, N14, N16 với tổng chiều dài khoảng 19,36 km, bề rộng 8 m; các tuyến kênh nhánh, kênh vượt cấp và kênh nội đồng có tổng chiều dài 103,9 km, bề rộng từ 1,5-3 m.

Hệ thống kênh Thạch Nham đảm nhận tưới trên địa bàn huyện Nghĩa Hành khoảng 2.607 ha đất nông nghiệp, trong đó tưới cho lúa khoảng 2.160 ha, chiếm khoảng 61% diện tích đất lúa của huyện Nghĩa Hành.

***b) Hệ thống thuỷ lợi nhỏ:*** gồm các công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm đảm nhận tưới cho khoảng 1.164,96 ha đất lúa, cụ thể như sau:

Biểu 2: Thống kê một số công trình hộ đập trên địa bàn huyện Nghĩa Hành

| **Số TT** | **Tên hồ, đập** | **Diện tích tưới *(ha)*** | **Năm Xây dựng** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hồ chứa nước Đập Làng | 50,00 | 1979 | Hành Tín Tây |
| 2 | Hồ chưa nước Cây Queen | 60,00 | 2005 | Hành Tín Tây |
| 3 | Đập dâng Đồng Vông | 25,00 | 2005 | Hành Tín Tây |
| 4 | Đập dâng Ruộng Thế | 14,00 | 2004 | Hành Tín Tây |
| 5 | Đập dâng suối Chí | 150,00 | 2003 | Hành Tín Đông |
| 6 | Đập Đồng Thét | 80,00 | 1974 | Hành Nhân |
| 7 | Trạm bơm Vạn Xuân | 170,00 | 1986 | Hành Thiện |
| 8 | Trạm bơm Mễ Sơn | 70,00 | 1986 | Hành Thiện |
| 9 | Trạm bơm Phú Lâm Đông | 100,00 | 1986 | Hành Thiện |
| 10 | Trạm bơm Ngọc Dạ | 30,00 | 1986 | Hành Thiện |
| 11 | Trạm bơm Nhơn Lộc 1 | 30,00 | 1978 | Hành Tín Đông |
| 12 | Trạm bơm Thiên Xuân | 30,00 | 1978 | Hành Tín Đông |
| 13 | Trạm bơm Lừu Bưu | 15,00 | 1978 | Hành Tín Đông |
| 14 | Trạm bơm Tân Hòa | 15,00 | 2003 | Hành Tín Tây |
| 15 | Các công trình còn lại *[[3]](#footnote-3)* | 325,96 |  |  |
|  | **Cộng** | **1.164,96** |  |  |

##### \* Nguồn: Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 – huyện Nghĩa Hành

***c) Cấp thoát nước***

- Cấp nước: Khu vực thị trấn Chợ Chùa được cấp nước từ công trình nước sạch. Tại địa bàn các xã nước sinh hoạt được người dân khai thác từ giếng khoan và giếng khơi. Tính đến năm 2020, tỷ lệ dân sử dụng nước sạch 70% và nước hợp vệ sinh đạt 100%

- Nước thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện hiện vẫn chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, nước thải và nước mưa trong khu vực thị trấn Chợ Chùa được thu gom chung bởi hệ thống mương thu gom nước mưa. Tuy nhiên hệ thống thu gom nước mưa và nước thải sinh hoạt chỉ tập trung tại một số tuyến đường lớn như ĐT.624, ĐT628 và một số tuyến đường nội thị… còn lại nước mưa một phần thoát tự nhiên theo các khe rãnh ra các kênh mương, sông suối trong khu vực, một phần tự thấm vào đất.

Tại khu vực nông thôn thì nước thải và nước mưa vẫn chưa được thu gom và xử lý. Nước thải sinh hoạt được người dân xử lý cục bộ tại gia đình và tự thấm vào đất. Tại khu trung tâm các xã mặc dù có quy hoạch hệ thống thoát nước thải nhưng chưa được đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

Nước thải Công nghiệp: Nước thải công nghiệp thải trực tiếp ra ngoài môi trường, nước thải y tế được xử lý cục bộ sau đó xả ra môi trường theo hệ thống mương thoát nước chung của thị trấn là một trong những nguyên nhân làm ô nhiễm môi trường nước, đất khu vực.

## 2.5.3. Văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình

Trong giai đoạn 2011-2020, huyện đã ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở. Đến nay có 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa và khu thể thao, các thiết chế ngày càng đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được quan tâm chỉ đạo, chất lượng, hiệu quả ngày càng nâng cao Đến năm 2020, toàn huyện có 90% hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 72/74 thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa (97,61%); giữ vững 10/11 xã đạt danh hiệu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” (91%) và 98% cơ quan đạt danh hiệu “cơ quan đạt chuẩn văn hóa”.

Các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền được tổ chức có hiệu quả, đa dạng, đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, đồng thời đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của Nhân dân.

Cơ sở hạ tầng thông tin được đảm bảo từ trung tâm thị xã đến các xã, phường. 12/12 xã, thị trấn đã được trang bị hệ thống phát thanh đến tận các thôn, TDP, đảm bảo kịp thời thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến người dân

Tổng diện tích đất cơ sở văn hoá năm 2020 sử dụng 1,42 ha, bình quân hiện nay chỉ đạt 0,17 m2/người thấp hơn so với định mức tại Thông tư 01/2017/TT-BTNMT *(0,5-0,64 m2/người).* Tuy nhiên nếu tính chung trên tổng thể công trình văn hóa bao gồm nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, tổ dân phố, quảng trường trung tâm huyện, thư viện huyện, nhà văn hóa xã, thị trấn, nhà văn hóa huyện… diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa vượt so với yêu cầu.

**2.5.4. Cơ sở y tế**

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 3,32 ha, bình quân trên 0,4 m2/người thấp hơn định mức quy định tại Thông tư 01/2017/TT-BNTMT *(0,58-0,7 m2/người).*

***a) Cơ sở y tế tuyến huyện:*** Bệnh viện đa khoa huyện Nghĩa Hành: Vị trí tại TT Nghĩa Hành, diện tích đất 1,73 ha, có 80 giường. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3 theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

***b) Cơ sở y tế tuyến xã:*** Toàn huyện có 12 trạm y tế xã, thị trấn. Tổng diện tích đất 1,59 ha, bình quân 1.325 m2/ trạm, trong đó: nhỏ nhất là trạm y tế xã Hành Tín Đông (400 m2), so với yêu cầu về diện tích của trạm y tế xã không có vườn thuốc nam (500 m2) thì trạm y tế xã Hành Tín Đông thiếu diện tích, 11 xã, thị trấn có diện tích đất y tế đạt chuẩn.

## 2.5.5. Cơ sở giáo dục, đào tạo

Toàn huyện có 12 trường Mầm non, 13 trường Tiểu học, 12 trường Trung học cơ sở, 3 trường Trung học phổ thông, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp, dạy nghề; 01 trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật *(Võ Hồng Sơn)*. Năm học 2019-2020, tổng số học sinh các cấp 15.496 em *(không tính trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật)*. Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2020 là 33,79 ha, bình quân diện tích/học sinh đạt 21,8 m2/học sinh, cao hơn so với tiêu chuẩn quy định *(10 - 12 m2/học sinh)*. Cơ sở vật sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trường học được tăng cường đầu tư đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học; với 410 phòng học các cấp đều được xây dựng từ bán kiên cố trở lên; các công trình phục vụ quản lý và học tập như nhà hiệu bộ, nhà đa năng, phòng học bộ môn không ngừng được đầu tư đảm bảo theo hướng đạt chuẩn, tính đến năm 2020 toàn huyện có 29/30 trường đạt chuẩn quốc gia *(Mầm non 12/12/ trường; tiểu học 13/13 trường; trung học cơ sở 12/12 trường và trung học phổ thông 2/3 trường)*.

### 2.5.6. Cơ sở thể thao

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao toàn huyện năm 2020 có 26,53 ha, bình quân/người đạt 3,22 m2/người cao hơn định mức quy định tại Thông tư 01/2017/TT-BNTMT *(2,43 - 3,04 m2/người; Cấp xã 1,11 - 1,36 m2/người, cấp huyện 1,32 - 1,68 m2/người*), hạ tầng thể thao gồm:

- Trung tâm thể dục, thể thao huyện Nghĩa Hành**,** diện tích 3,46 ha, gồm cả trung tâm thể thao và sân vận động huyện. Vị trí tại trung tâm thị trấn Chợ Chùa, có điều kiện mặt bằng thuận lợi, tuy nhiên sân bãi chưa được đầu tư xây dựng mặt bằng và hệ thống thoát nước.

- Sân bóng đá cấp xã: toàn huyện có 11 sân bóng đá cấp xã, trong đó:

+ Sân bóng đá đạt chuẩn *(dài 120 m, rộng 90 m)*, có 6 sân, ở các xã: Hành Phước, Hành Thịnh, Hành Trung, Hành Tín Tây, Hành Tín Đông, Hành Nhân;

+ Sân bóng đá chưa đạt chuẩn kích thước, có 5 sân, ở các xã: Hành Minh, Hành Đức, Hành Dũng, Hành Thuận.

- Sân thể thao ở các thôn, TDP: toàn huyện có 48 thôn có sân chơi thể thao (*tính cả các thôn ở trung tâm xã, sử dụng chung sân vận động xã)*; còn lại 26 thôn, TDP chưa có sân chơi thể thao.

## 2.5.7. Năng lượng và bưu chính viễn thông

Hệ thống cung cấp điện cho địa bàn huyện Nghĩa Hành theo hai tuyến chính: từ thành phố Quảng Ngãi và từ trạm Nam Sông Vệ; tổng dung lượng của cả hai tuyến là 6.080 KVA. Mạng lưới điện đã phủ kín trên địa bàn các khu dân cư, 100% số hộ được dùng điện lưới quốc gia. Tổng diện tích đất công trình năng lượng có 0,42 ha.

Mạng lưới bưu chính viễn thông phát triển nhanh, đáp ứng được nhu cầu thông tin, liên lạc nhanh chóng, hiện nay trên địa bàn huyện có 11 điểm bưu điện văn hoá xã và 1 bưu cục trung tâm tại thị trấn Nghĩa Hành, tổng số thuê bao điện thoại gần 65.400 thuê bao các loại, bình quân 793 thuê bao/100 dân. Tổng diện tích đất công trình bưu chính viễn thông là 0,55 ha.

**2.5.8. Quản lý chất thải rắn, nghĩa trang**

- Khu bãi thải, xử lý rác thải: Tổng diện tích đất bãi thải và xử lý rác thải là 9,7 ha, phân bố tại địa bàn các xã Hành Dũng *(9,15 ha)*; Hành Phước *(0,05 ha)*; Hạnh Thiện *(0,05 ha)* và Hành Thịnh *(0,06 ha)*, trong đó khu vực xã Hành Dũng là diện tích thuộc khu liên hợp xử lý rác thải nguy hại. Hiện nay rác thải của các hộ dân đã được thu gom và đổ tại các thùng rác đặt dọc các tuyến đường chính và các khu dân cư, sau đó được thu gom bằng phương tiện xe cơ giới của công ty Môi trường đô thị với lưu lượng là 1-2 lần/1 tuần. Tỷ lệ thu gom rác thải đạt 90%. Đối với rác thải y tế, hiện nay rác thải của Bệnh viện đa khoa Nghĩa Hành và chất thải y tế được thu gom và xử lí riêng biệt.

- Hiện trạng Nghĩa trang, nghĩa địa: Tổng diện tích đất nghĩa trang nghĩa địa trên địa bàn là 418,87 ha. Do tồn tại của lịch sử và tập quán sinh hoạt của người dân, nên đặc điểm phân bố đất làm nghĩa trang trên địa bàn huyện phần lớn phân bố rải rác trên các cánh đồng và khuôn viên hộ gia đình gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan của khu vực. Mặt khác, chất thải, nước thải rò rỉ từ các khu mộ này cũng là một trong những nguồn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước ngầm khu vực. Tuy nhiên, vấn đề di dời giải tỏa nghĩa địa, nghĩa trang nhân dân là công tác khó khăn, nhạy cảm về tín ngưỡng và tôn giáo cần được quan tâm của các cấp ngành địa phương trong quá trình quy hoạch, chỉnh trang khu dân cư.

**2.5.9. Chợ và trung tâm thương mại**

Trên địa bàn huyện Nghĩa Hành có 15 chợ xã và 1 chợ trung tâm huyện. Trong đó có 4 xã có 2 chợ, gồm các xã Hành Minh, Hành Phước, Hành Thịnh và Hành Thiện; có 8 xã, thị trấn có 1 chợ, gồm các xã Hành Thuận, Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Trung, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Đức và TT Chợ Chùa.

Tổng diện tích đất chợ là 3,87 ha, bình quân diện tích đất/chợ khoảng 2.580 m2, một số chợ có diện tích nhỏ hơn 1.000 m2. So với yêu cầu diện tích của chợ hạng III khoảng 2000- 3000 m2/chợ *(TCVN:9211-2012)* thì có 07 chợ chưa đảm bảo diện tích; tuy nhiên theo quy định về tiêu chí nông thôn mới chợ phải phù hợp quy hoạch thì cơ bản vẫn đảm bảo tiêu chí nông thôn mới theo quy định. Đối với chợ trung tâm huyện (Chợ Chùa) hiện có diện tích diện tích đáp ứng quy mô chợ Hạng II *(5.600 m2/5.000 m2)*.

Hiện nay, trên địa bàn chưa có các trung tâm thương mại, tuy nhiên đã có hệ thống siêu thị và các cửa hàng bán lẻ phát triển rộng khắp đáp ứng đủ hàng hóa nhu yếu phẩm, vật tư phục vụ cho sản xuất, xây dựng và sinh hoạt của người dân.

# **2.6. Đánh giá chung**

*a)**Những kết quả đạt được*

- Kinh tế của huyện có những chuyển biến tích cực, tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm của huyện khá. Giá trị sản xuất và thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng qua các năm.

+ Trong nông nghiệp, nông thôn: Đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung và có khối lượng hàng hoá lớn *(vùng lúa, vùng nguyên liệu dăm giấy, vùng cây ăn quả)*; chăn nuôi từng bước phát triển theo hướng tập trung, quy mô trang trại; kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã đạt được một số kết quả nhất định *(đẩy nhanh công tác dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tăng thu nhập trên đơn vị diện tích, phát triển vùng trồng cây ăn quả, mô hình trồng lúa hữu cơ, cải tạo đàn bò thịt, chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại…)*; thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

+ Công nghiệp – xây dựng: Công nghiệp xây dựng đã có sự đầu tư phát triển; cụm công nghiệp Đồng Dinh đang từng bước thu hút đầu tư lấp đầy, Đã quy hoạch cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh…. Hệ thống kết cấu hạ tầng không ngừng được đầu tư phát triển; giao thông kết nối thuận lợi, hà tầng thủy lợi phát triển mạnh, thu hút đầu tư xây dựng và phát triển dân cư đô thị *(Khu dân cư Đồng Dinh, Đồng Xít…)* đã tạo điều kiện để khai thác quỹ đất, chỉnh trang đô thị, tăng thu ngân sách địa phương.

+ Thương mại, dịch vụ; du lịch: Hoạt động thương mại dịch vụ từng bước phát triển đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người dân, thị trường hàng hóa ngày càng được mở rộng, các hình thức kinh doanh tiện lợi *(siêu thị, cửa hàng tiện lợi)* từng bước hình thành và phát triển, kết cấu hạ tầng thương mại không ngừng được đầu tư xây dựng thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên dịa bàn.

- Thị trấn Chợ Chùa đã được lập quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, thu hút các dự án phát triển khu dân cư đô thị *(Đồng Dinh, Đồng Xít, Đồng Chợ)*, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện đầu tư và thu hút đầu tư cũng như công tác quản lý, kiểm soát xây dựng, là điều kiện để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển, gia tăng giá trị đất đai.

- Tinh thần đoàn kết thống nhất trong hệ thống chính trị được tăng cường, quan hệ phối hợp đồng bộ chặt chẽ hơn. Công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn có nhiều chuyển biến tích cực, kỷ luật kỷ cương và trách nhiệm người đứng đầu được tăng cường, đã phát huy các nguồn lực, tạo được sự đồng thuận xã hội chung trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

*b) Những hạn chế cần khắc phục*

- Sản xuất nông nghiệp dần bước vào chiều sâu nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có các sản phẩm chủ lực mang thương hiệu địa phương; việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển cây ăn quả, kinh tế trang trại... tuy có chuyển biến tích cực, đúng định hướng nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra; việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất chưa nhiều.

- Tổ chức sản xuất ở nông thôn còn nhiều hạn chế, HTX kiểu mới đã hình thành ở nhiều địa phương song hoạt động yếu, một vài nơi chỉ là hình thức để đảm bảo tiêu chí nông thôn mới; liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị chưa phát triển.

- Thu hút dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn chậm, đăc biệt là bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch còn hạn chế.

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn nhiều bất cập, đào tạo nghề chưa thật sự gắn liền với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững.

# III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

Trong những năm qua biến đổi khí hậu (BĐKH) đã gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Khí hậu trái đất nóng lên đã làm cho thời tiết, khí hậu không còn diễn biến theo quy luật có thể dự báo trước mà luôn diễn ra bất thường không thể lường trước được các hiện tượng khí hậu cực đoan như: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn gây lũ lụt, nắng nóng gây hạn hán, rét đậm.....

Đặc biệt diễn biến bất thường của thời tiết làm cho mùa mưa kết thúc sớm hơn nhưng mưa sẽ tập trung và thường xuất hiện nhiều trận mưa lớn với cường độ cao gây ngập lụt, xói mòn rửa trôi đất, phá hủy công trình xây dựng... Điển hình như năm 2020, Chỉ trong vòng 40 ngày *(từ 05/10 đến 15/11/2020),* dưới tác động của biến đổi khí hậu đã có liên tiếp xuất hiện 08 cơn bão xảy ra trên Biển Đông, trong đó có 02 cơn bão *(số 6 và số 9)* đổ bộ trực tiếp ảnh hưởng lớn đến địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt sau hoàn lưu bão lượng mưa trung bình khoảng 200-400 mm, có nơi trên 400 mm, cá biệt 600 mm/đợt trong vòng 2-3 ngày. Bão và mưa lũ, sạt lở đất đã gây thiệt hại lớn về người và tại sản, 381 ngôi nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 186.249 ngôi nhà bị hư hỏng, tổng giá trị thiệt hại về kinh tế 4.930,17 tỷ đồng. Huyện Nghĩa Hành, khu vực gần sông Vệ với tác động của mưa lớn làm thay đổi dòng chảy gây sạt lở đất rất nghiêm trọng. Đặc biệt khu vực An Chỉ Tây xã Hành Phước điểm sạt lở dài gần 1 km ăn sâu vào cả đường giao thông, làm mất đi hàng chục ha đất sản xuất mỗi năm, gây nguy hiểm đến tài sản và tính mạng của người dân sinh sống gần bờ sông.

Biến đổi khí hậu, bên cạnh việc gây mưa lớn và tập trung vào mùa mưa, vào mua khô do nhiệt độ tăng thời gian mùa khô kéo dài hơn. Trong năm 2020, nhiệt độ trung bình toàn cầu từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2020 cao hơn khoảng 1,2 °C so với đường nhiệt cơ sở năm 1850–1900 - đây là mức được sử dụng làm giá trị ước tính của thời kỳ tiền công nghiệp. Theo dự báo của trung tâm khí tượng quốc gia, trong thời gian tới, do nhiệt độ tăng cao; lượng mưa so với trung bình nhiều năm khu vực Miền Trung, Tây Nguyên có khả năng ở mức thấp hơn 20% - 40% *(trong đó lượng mưa theo mùa vào mùa mưa sẽ tăng 0-5% và mùa khô sẽ giảm 5-6%)*. Đáng lưu ý, lượng nước trữ tại các hồ chứa ở một số khu vực chỉ đạt 40% - 50%, thậm chí có nơi đạt 10% - 20% dung tích thiết kế… kéo theo đó sẽ xảy ra hạn hán nặng vào mùa khô, gây mất rừng, mất nguồn sinh thủy, làm cho đất đai thiếu nước, bạc màu dẫn đến có nguy cơ hoang mạc hóa. Về thực trạng thoái hóa đất, theo kết quả điều tra đánh giá thoái hóa đất lần đầu của tỉnh Quảng Ngãi *(Quyết định 709/QĐ-UBND)* cho thấy, trên đia bàn huyên mức đổ ảnh hưởng chưa lớn; có 9,4 ha bị thoái hóa nặng, 2.591,01 ha thoái hóa trung bình và 3.049,97 ha thoái hóa nhẹ.

Do vậy, để ứng phó biến đổi khí hậu, việc phân vùng định hướng bố trí sử dụng đất cần chú ý dựa vào đánh giá rủi ro liên quan đến khí hậu và không gian môi trường:

+ Duy trì bảo vệ thảm phủ rừng để bảo đảm nguồn sinh thủy.

+ Nghiên cứu, đầu tư khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và tài nguyên nước dưới đất.

+ Đầu tư hệ thống kè dọc hai bên bờ sông *(sông Vệ, sông Phước Giang, sông Hiệp Phổ)* để hạn chế sạt lở đất.

+ Có giải pháp canh tác trên đất dốc phù hợp, thực hiện bố trí cây trồng theo thích nghi đất đai.

+ Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện các dự án cần tính toán lồng ghép biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu, ngăn ngừa rủi ro sạt lở, xói mòn rửa trôi đất, ngập cục bộ do mưa lũ…

# Phần II

# TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

# I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

# **1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.**

**1.1.1. Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai**

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật của trung ương liên quan đến lĩnh vực đất đai, trong những năm qua UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều văn bản về lĩnh vực quản lý, sử dụng đất như: Chỉ thị về triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 trong toàn tỉnh; Quyết định ban hành quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh về ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh về bồi thường thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai công tác đo đạc, cấp giấy CNQSD đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh về ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành  
chính trong lĩnh vực đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố;…

Trên cơ sở Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành của Trung tương và cấp tỉnh, UBND huyện Nghĩa Hành giao cho phòng Tư pháp phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai, phổ biến tuyên truyền Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho cán bộ, công chức huyện và UBND các xã, thị trấn. Bên cạnh đó, bằng nhiều hình thức như truyền thanh, thư viện, tủ sách pháp luật tại các xã để tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp dân cư về pháp luật nói chung và pháp luật về đất đai nói riêng.

Phối hợp với Chi cục thuế khu vực Nghĩa Hành - Minh Long triển khai tuyên truyền rộng rãi đến toàn thể cán bộ, công chức ngành Thuế để nắm bắt nội dung cơ bản của Luật Đất đai và người nộp thuế biết, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước *(Nghị định số 45/2014/NĐ- CP, Thông tư  số 76/2014/TT- BTC về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 46/2014/NĐ- CP, Thông tư số 77/2014/TT- BTC về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Thông tư số 333/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 77/2014/TT-BTC, Thông tư số 332/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2014/TT-BTC về thu tiền sử dụng đất…)*.

UBND huyện đã công bố, công khai 28 thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai ban hành kèm theo Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 23/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo qui định. Các thủ tục hành chính được thực hiện tại phòng Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện Nghĩa Hành; tình hình thực hiện các thủ tục hành chính đúng quy định, tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính và trả hồ sơ đúng thời gian quy định.

Qua triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đất đã giúp nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân được nâng cao trong việc chấp hành và thực hiện chính sách pháp luật về đất đai; đặc biệt là đội ngũ làm công tác chuyên môn quản lý Nhà nước về đất đai từ huyện đến xã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ nên cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác trong tình hình hiện nay.

Từ việc nhận thức đúng quy định pháp luật giúp cho việc thực hiện các quyền của công dân đối với đất đai một cách đầy đủ hơn; công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng cũng đã có chuyển biến rõ rệt, hạn chế tối đa sai phạm trong tổ chức thực hiện quy định pháp luật, góp phần khai thác và phát huy có hiệu quả nguồn lực đất đai phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định xã hội, bảo vệ môi trường... Hầu hết đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất xây dựng, đất ở đã được giao và cho thuê được đưa vào sử dụng ổn định lâu dài. Các quyền của người sử dụng đất được mở rộng và được Nhà nước bảo đảm theo quy định.

**1.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính**

Thực hiện Chỉ thị 364/HĐBT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng *(nay là Thủ tướng Chính phủ)* về việc giải quyết những tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã và thành lập bản đồ địa giới hành chính các cấp. Hồ sơ địa giới hành chính các cấp trong huyện gồm:

- Hồ sơ địa giới hành chính các xã, thị trấn *(gọi tắt là cấp xã)* có: Biên bản xác định địa giới hành chính; Văn bản miêu tả địa giới hành chính và lý lịch hệ thống mốc giới: Bao gồm các văn bản miêu tả về kỹ thuật, các yếu tố đường địa giới, các loại biên bản có liên quan về đường đi của địa giới, sơ đồ hệ thống mốc địa giới, các văn bản kỹ thuật khác ...; Bản đồ địa giới hành chính thể hiện cụ thể rõ ràng đường đi địa giới các cấp, đồng thời thể hiện vị trí tọa độ mốc địa giới, các loại đã được cắm ngoài thực địa và Quyết định về địa giới hành chính.

- Hồ sơ địa giới hành chính huyện Nghĩa Hành gồm hồ sơ địa giới hành chính cấp xã, bản thống kê tổng hợp các tài liệu về địa giới hành chính cấp xã.

Năm 2012, thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” và Quy định kỹ thuật về xác định địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, bản đồ ĐGHC các cấp và đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước thẩm định. Ngày 10/8/2015, Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 3641/BNV-CQĐP công nhận đưa vào lưu trữ, quản lý sử dụng bộ hồ sơ, bản đồ ĐGHC các cấp của tỉnh Quảng Ngãi.

Để phát huy tác dụng của bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính mới chỉnh lý, bổ sung và đưa công tác quản lý địa giới hành chính đi vào nề nếp, ổn định, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 13/9/2017 Về việc quản lý, sử dụng hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có huyện Nghĩa Hành để các cấp, ngành địa phương tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Có thể thấy rằng, hồ sơ địa giới hành chính là những tài liệu quan trọng nhằm phục vụ công tác quản lý địa giới hành chính trong huyện. Do vậy không được sử dụng thường xuyên trong công tác hàng ngày, được các cấp lưu trữ ở nơi đảm bảo tính bảo mật và an toàn, quản lý sử dụng đúng theo quy định của pháp luật.

**1.1.3 Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất**

  a) Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính

Việc đo đạc lập bản đồ địa chính trên địa bàn huyện được tiến hành đo với tỷ lệ khác nhau theo các chương trình dự án khác nhau:

- Thực hiện Dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (dự án VLAP), đã tiến hành đo bản đồ địa chính với các tỷ lệ 1/1.000 *(đối với khu dân cư)* và 1/2.000 đối với đất sản xuất nông nghiệp với tổng số có 352 tờ bản đồ địa chính các loại. Ngoài ra huyện cũng đã thực hiện việc đo đạc bản đồ đất lâm nghiệp tại các xã có rừng *(xã Hành Dũng mới đo một phần)*. Nhìn chung việc đo đạc lập bản đồ địa chính đã tạo thuận lợi cho việc thực hiện các công tác quản lý về đất đai đặc biệt là trong việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, đền bù tái định cư…

b) Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất: Được thực hiện định kỳ 5 năm ở tất cả các xã, thị trấn trong phạm vi toàn huyện theo quy định của pháp luật về đất đai. Qua các đợt tổng kiểm kê đất đai 5 năm vào các năm 2009, năm 2014, năm 2019 đều tiến hành xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất các xã và huyện. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện được lập trên cơ sở tổng hợp của 12 xã, thị trấn.

c) Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất: Được xây dựng từ kết quả lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ (đầu 2011-2015) của huyện và các xã, thị trấn. Huyện đã lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành đến năm 2020; bản đồ quy hoạch sử dụng đến năm 2020 của 12 xã, thị trấn. Đồng thời vào năm 2015 huyên đã thực hiện lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 *(phê duyệt năm 2019)*.

d) Điều tra, đánh giá tài nguyên đất: Việc điều tra đánh giá tài nguyên đất trên địa bàn huyện được thực hiện theo chương trình Điều tra, xây dựng bản đồ đất tỉnh Quảng Ngãi tỷ lệ 1/50.000 theo hệ thống phân loại FAO-UNESCO và Điều tra xây dựng bản đồ đất tỉnh Quảng Ngãi tỷ lệ 1/100.000, do Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp xây dựng trong đó có huyện Nghĩa Hành.

e) Điều tra xây dựng giá đất: Công tác điều tra xây dựng giá đất được tiến hành theo định kỳ 05 năm. Năm 2014, UBND tỉnh đã tổ chức điều tra xây dựng khung giá đất cho giai đoạn 2015-2019, Ban hành tại Quyết định số 7/2014/QĐ-UBND Quảng Ngãi, ngày 31/12/2014 Ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm *(2015 - 2019)* và năm 2019 UBND tỉnh đã tổ chức điều tra xây dựng khung giá đất cho giai đoạn 2020-2024, Ban hành tại Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020. Đồng thời hàng năm trên cơ sở thay đổi giá đất trên thị trường UBND tỉnh phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất nhằm đảm bảo sát với thực tế. Việc điều tra xây dựng giá và ban hành giá đất làm cơ sở để xác định giá trị đất, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về đất đai.

**1.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

a) Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và lập kế hoạch sử dụng đất:

- Về lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

+ Thực hiện Luật đất đai năm 2003, Huyện Nghĩa Hành đã tổ chức lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu *(2011-2015)*, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 23/4/2014. Đồng thời tổ chức lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu *(2011-2015)* cấp xã theo quy định *(UBND huyện phê duyệt quy hoạch sử dụng đất các xã, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thị trấn Chợ Chùa)*.

+ Tiếp đến năm 2015, trên cơ sở Luật Đất đai 2013; các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và văn bản cho chủ trương của cấp tỉnh về việc triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện, UBND huyện Nghĩa Hành đã triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND tỉnh;

- Về lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm: Từ năm 2015 đến năm 2020 huyện thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định của Luât Đất đai, làm cơ sở cho công tác giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất… trên địa bàn huyện theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, để phục vụ cho nhu cầu quản lý đất đai theo quy định pháp luật, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh trên cơ sở chỉ tiêu quy hoach kỳ trước UBND huyên Nghĩa Hành đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 24/2/2021.

b) Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Hàng năm UBND huyện ban hành các quyết định, chương trình công tác trên địa bàn để triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và bên cạnh đó Hội đồng nhân dân huyện tổ chức giám sát việc chấp hành pháp luật trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương, đặc biệt ngành chuyên môn thường xuyên thanh tra, kiểm tra hàng quý, hàng tháng về việc chấp hành chế độ quản lý sử dụng đất nhằm phát hiện những yếu kém trong quản lý và sử dụng đất không đúng mục đích để có những biện pháp khắc phục kịp thời.

c) Công tác công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Sau khi quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, UBND huyện và các địa phương đã thực hiện công bố công khai quy hoạch kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định *(công bố, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất được in treo tại UBND các xã và lập Pano để công khai tại một số khu vực công cộng, tạo thuận lợi cho nhân dân nắm bắt kịp thời)*. Tuy nhiên, để mang lại hiệu quả thiết thực đòi hỏi các cấp chính quyền, trực tiếp là ngành chuyên môn hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện đúng quy hoạch và sử dụng đất đúng mục đích, công tác này cần được thường xuyên quan tâm và kiểm tra thực hiện.

Nhận xét: Công tác quản lý nhà nước về đất đai dựa trên cơ sở quy hoạch kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, đảm bảo việc phân bổ và sử dụng quỹ đất ngày càng hợp lý và có hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

1.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

a) Giao đất: Đất nông nghiệp đã được giao cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng lâu dài, đối với các loại đất chuyên dùng cũng đã được tiến hành giao hoặc cho thuê sử dụng theo đúng pháp luật quy định; theo số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của huyện Nghĩa Hành cho thấy:

- Diện tích giao cho đối tượng sử dụng là 18.356,93 ha, chiếm 78,29% diện tích tự nhiên của toàn huyện bao gồm:

+ Giao cho hộ gia đình cá nhân cá nhân sử dụng 16.912,93 ha, chiếm 92,13%, diện tích giao để sử dụng.

+ Giao cho tổ chức trong nước sử dụng 1.429,77, chiếm 7,79 % *(Tổ chức kinh tế 295,09 ha; cơ quan đơn vị của nhà nước 1.092,7ha; Tổ chức sự nghiệp công lập 41,98 ha)* .

+ Giao cho cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo 14,23 ha.

- Diện tích giao để quản lý 5.091,62 ha, chiếm 21,71% diện tích tự nhiên *(UBND xã quản lỳ 2.325,99ha; cộng đồng dân cư và tổ chức khác 1.865,63 ha)*.

b) Công tác thu hồi giao đất, cho thuê đất: Việc thu hồi đất đã triển khai thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt. Riêng trong trong 5 năm 2016-2020, đã thực hiện việc thu hồi đât để xây dựng 42 công trình, dự án[[4]](#footnote-4); thực hiện giao đất cho tổ chức có thu tiền 01 dự án *(khu dân cư Đồng Dinh)* diện tích 89.701 m2*;* cho 09 tổ chức thuê đất với diện tích 97.634,4m2.

c) Công tác chuyển mục đích sử dụng đất: hàng năm phòng Tài nguyên và Môi trường của huyện, văn phòng đăng ký đất đai tỉnh chi nhánh Nghĩa Hành, Sở Tai nguyên và môi trường căn cứ vào hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của đối tượng sử dụng để tham mưu cho UBND huyện, UBND tỉnh ra quyết định cho phép chuyển mục đích đối với các tổ chức và hộ gia đình cá nhân.

Trong 5 năm 2016-2020 đã cho phép chuyển mục đích sang đất ở với diện tích 7,16 ha *(hộ gia đình cá nhân có 65 trường hợp với diện tích là 2,72 ha và 04 dự án khu dân cư có chuyển mục đích sử dụng đất từ các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp sang đất ở, với tổng diện tích 4,44 ha)*[[5]](#footnote-5); Có 14 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020 với tổng diện tích chuyển mục đích là 38,93 ha *(chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp sang mục đích đất thủy lợi là 0,31 ha ở xã Hành Tín Tây để thực hiện công trình: Tiểu dự án sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn hồ chứa nước Đập Làng, tại huyện Nghĩa Hành).*

Đối với đất lâm nghiệp: Đã thực hiện chuyển 198,78 ha sang mục đích khác, trong đó; điều chỉnh từ rừng phòng hộ chuyển ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp 0,51 ha *(tại Khoảnh 1; lô 179, Tiểu khu 294, xã Hành Tín Tây để thực hiện xây dựng đập thủy lợi);* điều chỉnh từ rừng sản xuất chuyển ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp là 198,27 ha/09 xã có rừng để thực hiện quy hoạch nghĩa địa, quy hoạch các mỏ khai thác đất, khu di tích lịch sử các khu trang trại và đất quốc phòng….

Nhìn chung, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn được thực hiện đảm bảo theo đúng trình tự và luật pháp trên cơ sở quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

**1.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất**

Công tác quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất, có nhu cầu tái định cư UBND huyện giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện thực hiện xây dựng phương án đền bù hỗ trợ, lập dự án tái định cư; Trong 5 năm 2016-2020 đã thực hiện bố trí tái định cư cho 11 trường hợp thuộc 2 dự án Khu dân cư Đồng Chợ (4 hộ) và dự án xây dựng Chợ Chùa (7 hộ) với diện tích 0,12 ha.

Nhìn chung, công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Các Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 và Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

**1.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Đối với công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được các cấp chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn tích cực chủ động trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đáp ứng được mục tiêu đề ra, tạo điều kiện cho người sử dụng đất có giấy tờ hợp pháp để thực hiện các quyền theo quy định. Đặc biệt là kết quả cấp giấy chứng nhận làm cơ sở giúp cho công tác quản lý đất đai ngày càng chặt chẽ, thuận tiện, đồng thời tạo nền tảng cho việc quản lý đất đai theo hướng hiện đại hóa, quản lý đất đai theo phương pháp công nghệ số, tiến tới hội nhập với trình độ khoa học tiên tiến của các nước phát triển.

- Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu, lập hồ sơ địa chính cơ bản đã hoàn thành 03 cấp tỉnh, huyện, xã, hình thành một hệ thống thông tin đất đai để đưa vào quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác sử dụng theo quy định, phục vụ cơ bản nhu cầu công việc và nhu cầu của nhân dân; xây dựng được mô hình bản đồ địa chính dùng chung cho các đơn vị được phép sử dụng bản đồ địa chính theo quy định.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Đến nay đã thực hiện cơ bản hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và tiếp tục tiến hành việc cấp biến động; tính từ năm 2016 đến nay đã thực hiện cấp 865 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu với diện tích 1.589,67 ha, trong đó đất ở là 42,12 ha.

**1.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai**

Công tác thống kê đất đai, kiểm kê đất đai được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật; thống kê theo định kỳ hàng năm, kiểm kê theo định kỳ 5 năm. Từ năm 2011 đến nay, huyện đã thực hiện tốt công tác thống kê đất đai hàng năm và tổng kiểm kê vào các năm 2014, năm 2019 đúng tiến độ cũng như đảm bảo chất lượng, thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các thông tư 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007; Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 15/5/2014; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Hoàn thành số liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đấtphục vụ kịp thời cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và làm cơ sở cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

**1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai**

  Đất đai là lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp đòi hỏi cần có một hệ thống thông tin riêng để quản lý và vận hành. Trong đó, hệ thống thông tin đất đai phải được xây dựng và quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương; bảo đảm phục vụ kịp thời cho công tác quản lý nhà nước; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm tính an toàn, bảo mật và an ninh quốc gia. Các thông tin, dữ liệu về đất đai được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thường xuyên; đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai phải đảm bảo đúng mục đích, tuân thủ theo các quy định của luật đất đai 2013. Để đáp ứng các yêu cầu trên, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) đề thực hiện dự án này UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 về việc ban hành đơn giá xây dựng, cập nhật cơ sở dữ điệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Thực hiện xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đất đai thống nhất từ cấp tỉnh đến cơ sở trong đó:

- Cấp tỉnh: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thực hiện việc đăng ký cấp giấy chứng nhận và xử lý biến động đối với hồ sơ của tổ chức. Thẩm định trực tiếp hồ sơ trên phần mềm và thực hiện in giấy chứng nhận đối với hồ sơ do các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại các Huyện, thị, Thành phố thực hiện và trình ký. Chi cục quản lý đất đai sử dụng phần mềm để giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính, công tác cập nhật biến động thường xuyên, thống kê tổng hợp dữ liệu để phục vụ công tác.

- Cấp huyện: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc đăng ký cấp GCN và xử lý biến động đối với hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân. Luân chuyển hồ sơ cho phòng Tài nguyên và Môi trường *(hồ sơ cấp mới, chuyển mục đích sử dụng đất…)* và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh *(hồ sơ biến động…)* để thẩm định. Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện tra cứu, tổng hợp thông tin để phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

- Cấp xã: Cán bộ địa chính thực hiện tra cứu *(thông tin hồ sơ, thông tin thửa đất, lịch sử biến động thửa đất…)*, tổng hợp các thông tin đất đai trên trang thông tin điện tử phục vụ cho công tác quản lý đất đai tại địa phương.

- Lãnh đạo các cấp: Thực hiện tra cứu nhanh về các thông tin đất đai *(tình hình cấp GCN, tình hình biến động đất đai, kết quả xử lý hồ sơ…).*

- Người dân: Tra cứu thông tin thửa đất từ trang thông tin điện tử *(tờ, thửa, diện tích, mục đích sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất…).*

**1.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất.**

Hệ thống thuế có liên quan đến đất đai hiện nay được xác định bao gồm: Thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế nhà đất và các khoản thu tiền sử dụng đất. Việc thực hiện các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trên địa bàn huyện được giao cho ngành thuế và căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành của Trung ương và địa phương để tổ chức thực hiện. Hàng năm một phần nguồn thu được trích lại để phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

Để có cơ sở cho việc thực hiện Quản lý tài chính về đất đai đúng quy định của Pháp luật, trên cơ sở Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; UBND tỉnh Ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm. Trong 5 năm 2016-2020 có 1007 tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn toàn huyện *(về sử dụng đất có 919 trường hợp và thuê đất có 188 trường hợp)* với diện tích 997,87 ha và tổng số tiền gần 208 tỷ đồng.

Nhìn chung các khoản thu liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn chiếm phần không nhỏ trong thu ngân sách, nguồn thu chủ yếu là thu tiền sử dụng đất đối với những diện tích đã giao, cho thuê và đấu giá đất. Qua đây cho thấy việc phát huy nguồn lực từ đất đã bước đầu có hiệu quả, việc giao đất, cho thuê đất và đấu giá đất tăng dần qua các năm.

**1.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất**

  Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đã được UBND huyện chỉ đạo thực hiện thông qua nghiệp vụ quản lý các hoạt động chuyển mục đích, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất,… đảm bảo quyền lợi người sử dụng đất và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Nhìn chung, vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai được thể hiện khá rõ, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, đảm bảo cơ sở pháp lý để người sử dụng đất thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình.

**1.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai**

 Hàng năm UBND tỉnh giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai tại các địa phương; UBND huyện giao cho cơ quan thanh tra huyện xây dựng kế hoạch thanh tra tại các đơn vị trong đó có nội dung thanh tra về chấp hành các quy định pháp luật về đất đai; đã hướng trọng tâm vào giải quyết những bức xúc, khiếu kiện của nhân dân, nhất là lĩnh vực đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ bản...

Qua công tác thanh tra, kiểm tra trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo dõi và kiểm tra việc tổ chức thực hiện, ngăn ngừa các hành vi sử dụng đất trái phép, trái quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhờ đó phát hiện vi phạm, uốn nắn, nhắc nhở kịp thời, đồng thời xử lý kiên quyết đối với các trường hợp cố tình vi phạm với các hình thức như thu hồi đất, truy thu tiền sử dụng đất hoặc xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai, điều chỉnh hoặc huỷ bỏ các dự án đã được công bố mà không phù hợp hoặc không thực hiện được; đề xuất với cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất đã giao, đã cho thuê không đúng đối tượng, đất mà nhà nước giao, cho thuê nhưng không sử dụng, sử dụng không hiệu quả, sử dụng sai mục đích, đất của các dự án mà chủ đầu tư không khả năng thực hiện …đưa công tác quản lý đất đai tại các địa phương ngày một hiệu quả hơn, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất được nâng lên rõ rệt.

Các vi phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đất đai như sử dụng đất sai mục đích, bỏ hoang không sử dụng, lấn chiếm, xây dựng khi chưa đầy đủ thủ tục về đất đai…đã được xử lý và chấn chỉnh, ngăn chặn. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết đơn thư, khiếu nại liên quan đến lĩnh vực đất đai đầy đủ kịp thời, đúng quy định, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

**1.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai.**

  Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thực hiện kịp thời. UBND huyện đã chỉ đạo giao nhiệm vụ Phòng Tư pháp phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu tổ chức hội nghị, mở các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn huyện. Thực hiện xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ khi tham gia các hoạt động có liên quan đến sử dụng đất.

Ngoài ra, UBND huyện đã chỉ đạo Trung tâm truyền thông-Văn hóa-Thể thao tổ chức tuyên truyền bằng xe thông tin lưu động, xây dựng panô, băng-rôn tuyên truyền trực quan về chính sách pháp luật đất đai hiện hành. Thực hiện công khai quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đến các tổ chức cá nhân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, in treo pano bản đồ tại các khu vực có đông dân cư, tại UBND huyện và UBND các xã để mọi người được biết thực hiện sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt.

**1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai.**

Đối với các vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của huyện; thanh tra huyện, phòng TN&MT và các ngành chức năng có liên quan đã tham mưu cho UBND huyện, ban hành Quyết định giải quyết và tham gia thẩm tra xác minh những vụ việc ngoài thẩm quyền để đề xuất UBND tỉnh xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tố tụng hành chính, tố tụng dân sự; công bố công khai kết quả giải quyết, thường xuyên đối thoại giữa chính quyền với người dân về giải quyết các vướng mắc có liên quan đến đất đai.

Riêng trong năm 2020, đã thực hiện tiếp công dân với 221 lượt/317 người/221, trong đó có 03 vụ tiếp đoàn chủ yếu liên quan đến vấn đề đất rừng tại xã Hành Dũng và Hành Đức, qua tiếp công dân UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản, thông báo kết luận ... qua đó giải thích, trả lời các nội dung kiến nghị, thông báo nội dung đã giải quyết, đồng thời chỉ đạo các địa phương thực hiện giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Tiếp nhận đơn thư có 251 đơn/232 vụ khiếu nại tố cáo, tranh chấp, phản ánh trong đó có 30 đơn/30 vụ thuộc thẩm quyền, đã giải quyết 29 vụ, đạt 96,67%; đơn thư thuộc thẩm quyền hòa giải cấp xã có 64 đơn/61 vụ, hòa giải thành công 52 vụ đạt 85,25%, chuyển cấp có thẩm quyền giải quyết 121 đơn/121 vụ. Trả lại hướng dẫn thực hiện 7 đơn và chờ thụ lý theo quy định 29 đơn/13 vụ.

Việc giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân thực hiện đúng quy định của pháp luật, đạt kết quả cao; góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**1.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai**

Hoạt động dịch vụ về đất đai trên địa bàn huyện được thực hiện bởi các đơn vị sự nghiệp là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai của tỉnh và tổ chức phát triển quỹ đất *(Ban Quản lý dự án đầu tư và phát triển qũy đất).*  Trong đó:

-  Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nghĩa Hành thực hiện đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp được ủy quyền theo quy định; xây dựng, quản lý, cập nhật, đo đạc, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; cung cấp thông tin đất đai theo quy định cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thực hiện các dịch vụ khác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phù hợp với năng lực theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức phát triển quỹ đất *(Ban quản lý dự án đầu tư và phát triển quỹ đất huyện)* thực hiện tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra còn có các tổ chức hoạt động dịch vụ về đất đai trong và ngoài huyện tham gia vào các lĩnh vực như lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, đo đạc bản đồ, khảo sát đánh giá thích nghi đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, định giá đất…

Nhìn chung các hoạt động dịch vụ đất đai trên địa bàn huyện đều được thống nhất quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

# **1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân**

## 1.2.1. Những kết quả đạt được

Những kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trong những năm qua đã góp phần rất lớn, đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai dần dần đi vào nề nếp theo đúng quy định của luật Đất đai, thể hiện trên một số mặt:

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được lập theo quy định của pháp luật hiện hành làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai đúng quy hoạch, kế hoạch và pháp luật, từng thửa đất đã được quy hoạch vào sử dụng đúng mục đích có hiệu quả.

- Việc giao đất, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển mục đích sử dụng đất được tiến hành tương đối đồng bộ, đảm bảo các bước, quy trình công khai, dân chủ. Những vướng mắc, kiến nghị của nhân dân đều được giải quyết kịp thời.

- Diện tích đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất ở nông thôn và đất ở đô thị đã được giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Người dân đã và đang thực sự làm chủ trên mảnh đất được giao, yên tâm đầu tư vào sản xuất, sử dụng đất hợp lý hơn, làm tăng giá trị sản phẩm góp phần vào xây dựng nông thôn mới, đô thị xanh, sạch, đẹp.

- Hệ thống hồ sơ địa chính đã được xây dựng phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước về đất đai và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Trật tự kỷ cương trong việc quản lý sử dụng đất từng bước được củng cố vững chắc, tạo sự công bằng, đồng thuận trong xã hội.

- Các tranh chấp khiếu nại của người dân đã được các cấp chính quyền quan tâm giải quyết, góp phần vào việc ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn ở từng địa phương nhất là vùng nông thôn.

## 1.2.2. Những tồn tại cần được khắc phục

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý đất đai còn những mặt hạn chế cần được khắc phục như:

- Việc phổ biến Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật tuy đã được quan tâm nhưng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa cụ thể, sát với thực tiễn từng địa phương, thủ tục hành chính trong quá trình giải quyết các hồ sơ đất đai được cải cách từng bước nhưng còn chậm, đặc biệt việc giải quyết thủ tục cấp đất cho các tổ chức, cộng đồng dân cư.

- Yêu cầu bộ máy quản lý tinh gọn, trong khi khối lượng công việc lớn và phức tạp, cơ sở dữ liệu đất đai đã từng bước được cập nhật nhưng chưa hoàn thiện, phương tiện kỹ thuật và kinh phí còn hạn chế, trình độ chuyên môn cán bộ địa chính ở cấp xã chưa ngang tầm với nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

- Các văn bản quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được các Bộ, Ngành, Trung ương cũng như cấp tỉnh quan tâm điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng quá trình triển khai thực hiện vẫn còn nhiều vướng mắc, giá đất chưa theo kịp với giá thị trường.

- Năng lực của một số nhà đầu tư còn hạn chế nên một số dự án phát triển dân cư đô thị, sản xuất kinh doanh, kinh tế trang trại triển khai chậm, có dự án không thực hiện được buộc phải thu hồi *(Nhà máy xử lý rác thải rắn sinh hoạt An Định - Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Hoàng Long)*… làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất.

- Tình trạng vi phạm pháp luật đất đai vẫn còn xảy ra như lấn chiếm đất công, sử dụng đất không đúng mục đích, chuyển nhượng đất trái pháp luật, vi phạm quy hoạch ... đang ngày càng phức tạp hơn.

# **1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai**

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật và thông tin đất đai; Nhu cầu về đất đai cho đô thị hoá và phát triển khu dân cư tăng, dẫn đến giá trị của đất ngày càng tăng, kéo theo những mặt trái. Do đó, công tác tuyên truyền giáo dục cho mọi người có ý thức trong quản lý và sử dụng tiết kiệm nguồn lực đất đai cho phát triển của cộng đồng, xã hội theo hướng bền vững là một việc làm hết sức cần thiết.

- Tập trung củng cố, kiện toàn và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ địa chính của cấp xã.

- Có tiêu chí lựa chọn và thẩm định nhà đầu tư và công khai tiêu chuẩn xét duyệt minh bạch, rõ ràng *(mục đích sử dụng đất, mật độ xây dựng, tầng cao công trình, năng lực tài chính, kinh nghiệm, tiến độ đầu tư, phương thức kinh doanh,… ).*

- Công tác kê khai đăng ký đất đai: Nhằm hoàn thành việc đăng ký sử dụng đất cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nêu rõ những quyền lợi nghĩa vụ, cái được và mất khi thực hiện việc đăng ký đất đai, từ đó có biện pháp tăng cường cung cấp dịch vụ đăng ký đất đai thuận lợi cho người dân.

- Cấp tỉnh tiếp tục hoàn thiện giá đất phù hợp và sát với giá thị trường nhằm hạn chế tình trạng khiếu kiện.

- Sớm hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, vận hành trên cơ sở phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm quản lý chặt chẽ quỹ đất, phục vụ thật tốt người đang sử dụng hoặc có nhu cầu sử dụng đất.

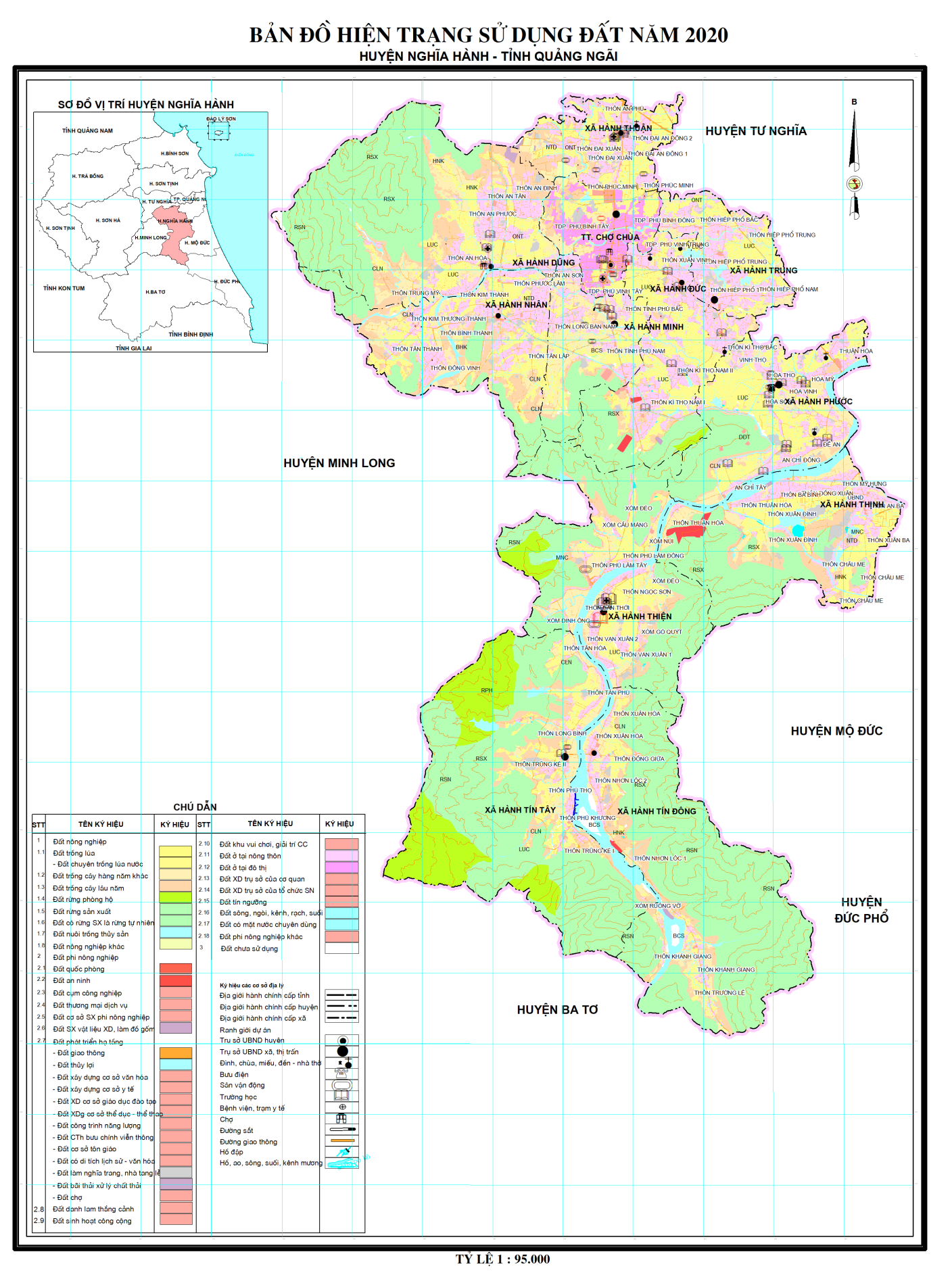
# II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

# **2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất** *(chi tiết xem biểu 01/CH).*

Theo kết quả thống kê đất đai ngày 31/12/2020, tổng diện tích đất tự nhiên (DTTN) toàn huyện năm 2020 là 23.448,55 ha. Chi tiết các loại đất qua biểu sau:

Biểu 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020

| **Số TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích** *(ha)* | **Cơ cấu** *(%)* |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **23.448,55** | **100,00** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **19.646,80** | **83,79** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.562,77 | 15,19 |
| *-* | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *3.398,02* | *14,49* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.979,68 | 12,71 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2.836,33 | 12,10 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.021,96 | 4,36 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 9.194,87 | 39,21 |
| *-* | *Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | *RSN* | *1.805,86* | *7,70* |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 18,64 | 0,08 |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 32,55 | 0,14 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.688,49** | **15,73** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 57,77 | 0,25 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 1,00 | 0,00 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 13,54 | 0,06 |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 1,63 | 0,01 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 17,27 | 0,07 |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | SKX | 14,39 | 0,06 |
| 2.7 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.525,42 | 6,51 |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |
| - | Đất giao thông | DGT | 578,79 | 2,47 |
| - | Đất thuỷ lợi | DTL | 433,64 | 1,85 |
| - | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 1,42 | 0,01 |
| - | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 3,32 | 0,01 |
| - | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 33,79 | 0,14 |
| - | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 26,53 | 0,11 |
| - | Đất công trình năng lượng | DNL | 0,42 | 0,00 |
| - | Đất công trình bưu chính, viễn thông | DBV | 0,55 | 0,00 |
| - | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 6,07 | 0,03 |
| - | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 9,70 | 0,04 |
| - | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 8,45 | 0,04 |
| - | Đất làm nghĩa trang | NTD | 418,87 | 1,79 |
| - | Đất chợ | DCH | 3,87 | 0,02 |
| 2.8 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 9,33 | 0,04 |
| 2.9 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 1,16 | 0,00 |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1.007,91 | 4,30 |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | ODT | 101,61 | 0,43 |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 9,64 | 0,04 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 5,01 | 0,02 |
| 2.14 | Đất tín ngưỡng | TIN | 5,79 | 0,02 |
| 2.15 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 840,17 | 3,58 |
| 2.16 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 72,83 | 0,31 |
| 2.17 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 4,02 | 0,02 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **113,26** | **0,48** |



## 2.1.1. Chia theo đối tượng sử dụng và quản lý

***a) Hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng sử dụng***

Tổng diện tích các loại đất do các đối tượng sử dụng 18.356,94ha, chiếm 78,29% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 16.600,2 ha, đất phi nông nghiệp 1.756,74 ha. Trong đó:

- Hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng: 16.912,93 ha, chiếm 72,13% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 15.810,68 ha *(chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp 8.723,11 ha và đất lâm nghiệp 7.070,12 ha)* và đất phi nông nghiệp 1.102,35 ha *(đất ở tại nông thôn và đô thị).*

- Các tổ chức trong nước sử dụng 1.429,76 ha, chiếm 6,1% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 789,51 ha và đất phi nông nghiệp 640,25 ha. Trong đó:

+ Các tổ chức kinh tế sử dụng 295,09 ha, chiếm 1,26% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 241,77 ha *(đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác)* và đất phi nông nghiệp 53,32 ha *(chủ yếu là đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất có mục đích công cộng).*

+ Các cơ quan, đơn vị của nhà nước sử dụng 1.092,69 ha, chiếm 4,66% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 547,74 ha và đất phi nông nghiệp 544,95 ha *(đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất quốc phòng; đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất làm nghĩa trang; đất phi nông nghiệp khác…).*

+ Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng 41,98 ha, chiếm 0,18% tổng DTTN toàn huyện; toàn bộ là đất phi nông nghiệp *(đất xây dựng công trình sự nghiệp).*

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng 14,23 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên, chủ yếu là đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Như vậy, phần lớn diện tích đất của huyện đã có chủ sử dụng, chiếm 78,3% DTTN toàn huyện. Trong đó: Đất nông nghiệp đã được giao cho các đối tượng sử dụng chiếm trên 84,49% tổng diện tích đất nông nghiệp. Đây là cơ sở để đầu tư sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung: Vùng lúa, vùng cây ăn quả, phát triển nguyên liệu giấy, phát triển kinh tế trang trại… là điều kiện để nâng cao thu nhập, giảm nghèo.

#### Diện tích đất phi nông nghiệp đã được giao cho các đối tượng sử dụng chiếm 47,6% tổng diện tích đất phi nông nghiệp. Chủ yếu là đất ở và đất các công trình sự nghiệp đảm bảo cho người dân ổn định đời sống và hưởng thụ các phúc lợi xã hội.

#### b) Chia theo đối tượng quản lý

Diện tích đất do các đối tượng quản lý 5.091,63 ha, chiếm 21,71% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 3.046,61 ha; đất phi nông nghiệp 1.931,76 ha *(chủ yếu là đất có mục đích công cộng, đất sông suối, mặt nước chuyên dùng…)* và đất chưa sử dụng 113,26 ha. Trong đó:

- UBND cấp xã, thị trấn quản lý 3.236,00 ha, chiếm gần 13,76% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 1.912,90 ha; đất phi nông nghiệp 1.199,84 ha (*chủ yếu là đất chuyên dùng có mục đích công cộng, đất sông suối…)* và đất chưa sử dụng 113,26 ha.

- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý 1.865,63 ha, chiếm 7,96% tổng DTTN toàn huyện; bao gồm, đất nông nghiệp 1.133,71 ha; đất phi nông nghiệp 731,92 ha *(chủ yếu là đất chuyên dùng có mục đích công cộng, đất sông suối…)*.

## 2.1.2. Hiện trạng sử dụng đất chia theo mục đích sử dụng

***a) Đất nông nghiệp:*** Năm 2020, huyện có 19.646,80 ha, chiếm 83,79% tổng DTTN, hầu hết đất nông nghiệp đã được giao cho các hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức sử dụng. Đây là cơ sở để sản xuất nông nghiệp theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh lương thực. Đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung: vùng lúa, vùng cây ăn quả, rừng nguyên liệu, phát triển kinh tế trang trại … Trong đó:

- Đất trồng lúa: Có 3.562,77 ha, chiếm 15,19% tổng DTTN, phân bố hầu hết ở tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, các xã có diện tích lớn như Hành Phước (508,89 ha)*,* Hành Đức (470,17 ha), Hành Thịnh (367,73 ha); Hành Dũng (329,32 ha), Hành Nhân (318,47 ha)... Trong đó:

Đất chuyên trồng lúa nước (02 vụ trở lên): Nhờ chủ động được nước tưới từ hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham nên địa bàn có diện tích lúa 2 vụ khá lớn với 3.398,02 ha, chiếm 14,49% tổng DTTN và 95,38% diện tích đất trồng lúa, với quy mô trên là cơ sở để phát triển cánh đồng mẫu lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng; phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Có 2.979,68 ha, chiếm 12,71% tổng DTTN. Phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Tập trung ở các xã Hành Nhân (505,74 ha), Hành Dũng (417,88 ha), Hành Minh (358,7 ha), Hành Trung (333,46 ha)... xã Hành Thuận có diện tích ít nhất dưới 100 ha... Cây trồng cây hàng năm chủ yếu là đất ngô, rau, lạc, đậu các loại, cỏ chăn nuôi...

- Đất trồng cây lâu năm: Có 2.836,33 ha, chiếm 12,1% tổng DTTN. Phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, trong đó các xã có diện tích lớn như Hành Thịnh (380,62 ha); Hành Dũng (345,32 ha); Hành Tín Tây (317,94 ha); Hành Nhân (307,49 ha... cây lâu năm trên địa bàn chủ yếu là cây ăn quả, keo nguyên liệu trồng trên đất lâm nghiệp; hiện tại trên địa bàn huyện đang hình thành vùng quy hoạch phát triển cây ăn quả với các cây trồng chủ lực là nhóm cây có múi (bưởi, bam, chanh), mãng cầu, chuối... đa dạng hóa cây trồng phát triển trang trại cây ăn quả đang là hướng đi phù hợp cho một số khu vực các xã vùng cao phía Tây của huyện.

- Đất rừng phòng hộ: Có 1.021,96 ha, chiếm 4,36% diện tích tự nhiên, phân bố trên địa bàn 03 xã là Hành Tín Tây (894,16 ha);Hành Thiện (105,87 ha) và xã Hành Đức (21,93 ha), đây là diện tích phòng hộ tại các công trình thủy lợi *(Hồ Hóc Cài, Hồ Cây Queen, Hồ Đập Làng, khu vực Suối Đá...)* toàn bộ diện tích là đất rừng trồng phòng hộ.

- Đất rừng sản xuất: Có 9.194,87 ha, chiếm 39,21% diện tích tự nhiên. Rừng sản xuất phân bố trên địa bàn 09 xã, trong đó diện tích lớn nhất là Hành Tín Đông (2.462,71 ha)*,* tiếp đến là Hành Tín Tây (2.016,86 ha); Hành Dũng (1.541,99 ha)*;* Hành Thiện (1.281,45 ha)... chủ yều là rừng trồng sản xuất chiếm 60% diện tích, đây là nguồn nguyên liệu chính cung cấp cho công nghiệp chế biến dăm của huyện.

-Đất nuôi trồng thủy sản: Có 18,64 ha, chiếm 0,08% DTTN, 100% là nuôi trồng nước ngọt, có 11/12 xã, thị trấn có diện tích đất nuôi trồng thủy sản. chủ yếu là diện tích ao nuôi của hộ gia đình và các cơ sở sản xuất thuế đất mặt nước để nuôi trồng.

- Đất nông nghiệp khác: Có 32,55 ha, chiếm 0,14% DTTN; phân bố trên địa bàn 05 xã gồm: Hành Thuận, Hành Tín Đông, Hành Minh, Hành Đức, Hành Thiện; đây là diện tích các trang trại chăn nuôi, trồng cây ăn quả.

***b) Đất phi nông nghiệp***

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2020: Có 3.688,49 ha, chiếm 15,73% DTTN. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Có 57,77 ha, chiếm 0,25% tổng DTTN. Phân bố ở các xã: Hành Thịnh (38,81 ha), Hành Đức (14,66 ha), Hành Tín Đông (4,3 ha).

- Đất an ninh: Có 1,00 ha, chủ yếu là các trụ sở công an huyện 0,91 ha, công an xã Hành Thuận *(đã xây dựng chưa cấp giấy chứng nhận)*, các xã, thị trấn còn lại diện tích nằm trong khuôn viên UBND xã.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích có 13,54 ha, chiểm 0,06% tổng DTTN; là đất cụm công nghiệp Đồng Dinh tại thị trấn Chợ Chùa.

- Đất thương mại, dịch vụ: Có 1,63 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN, phân bố tại địa bàn 06 xã, thị trấn gồm Chợ Chùa, Hành Thuận, Hành Minh, Hành Thiện, Hành Phước, Hành Trung *(các cơ sở kinh doanh xăng dầu, HTX...)*.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có 17,27 ha, chiếm 0,07% tổng DTTN; phân bố trên địa bàn 08 xã thị trấn là diện tích các cơ sở sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, cở sở chế biến nông sản, thực phẩm...

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: Có 14,93 ha, chiếm 0,06% tổng DTTN, phân bố tại địa bàn 05 xã gồm: Hành Tín Đông, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Thịnh, Hành Trung, chủ yếu là các cơ sở làm gạch, khai thác cát, đất làm vật liệu thông thường.

- Đất phát triển hạ tầng cập quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã *(sau đây gọi là Đất phát triển hạ tầng)*: Có 1.525,42 ha, chiếm 6,51% tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các xã, thị trấn. Chủ yếu là đất giao thông (578,79ha), đất thủy lợi (433,64 ha), đất làm nghĩa trang (418,87ha), đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo có (33,79 ha), đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (26,53 ha), đất làm nghĩa trang...

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Có 9,33 ha, chiếm 0,04% tổng DTTN, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn. Chủ yếu là diện tích đất xây dựng nhà văn hóa các thôn, tổ dân phố.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Có 1,16 ha, phân bố tại địa bàn 03 xã, thị trấn gồm thị trấn Chợ Chùa (0,8 ha); xã Hành Thuận (0,18 ha); xã Hành Thiện (0,18 ha). Đất khu vui chơi giải trí công cộng chủ yếu là công viên cây xanh và khu vui chơi thiếu nhi.

- Đất ở tại nông thôn: Có 1.007,91 ha, chiếm 4,30% tổng DTTN, xã Hành Đức có diện tích lớn nhất với 315,57 ha, tiếp đến là xã Hành Dũng 149,96 ha, là Hành Tín Đông và Hành Tín Tây (khoảng 42-43 ha)

- Đất ở tại đô thị: Có 101,61 ha, chiếm 0,43% tổng DTTN là diện tích đất ở của thị trấn Chợ Chùa, trong đó có một số khu vực là đất ở trong các dự án phát triển dân cư thương mại như Nghĩa Hành New Center (Shiamond City)

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có 9,64 ha, chiếm 0,04% tổng DTTN. Phân bố ở tất cả các xã, thị trấn. Chủ yếu là diện tích xây dựng trụ sở các cơ quan nhà nước của huyện và trụ sở UBND các xã, thị trấn.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Có 5,01 ha, chiếm 0,02% tổng DTTN, chủ yếu là trụ sở cơ quan các tổ chức sự nghiệp trên địa bàn huyện, phân bố trên địa bàn 08 xã, thị trấn.

- Đất tín ngưỡng: Có 5,79 ha, chiếm 0,02% tổng DTTN.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Có 840,11 ha, chiếm 3,58% tổng DTTN.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 72,83 ha, chiếm 0,31% diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp khác: Có 4,02 ha, chiếm 0,02% tổng DTTN.

*c) Đất chưa sử dụng*

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2020 còn 113,26 ha, chiếm 0,48% tổng DTTN, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn, toàn bộ diện tích là đất bằng chưa sử dụng.

# **2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước**

## 2.2.1. Biến động giai đoạn 2011-2020

***a) Biến động diện tích tự nhiên toàn huyện***

Tổng diện tích tự nhiên tăng năm 2020 tăng 8,66 ha, so với năm 2015 nhưng giảm 20,33 ha so với năm 2010, nguyên nhân do sai số trong kiểm kê đất theo các phần mềm thống kê, kiểm kê khác nhau *(TK Tool, TK Destop).* Bên cạnh đó năm 2017, ranh giới hành chính của huyện Nghĩa Hành có sự thay đổi do Hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính mới chỉnh lý bổ sung, được Bộ Nội vụ thống nhất đưa vào lưu trữ, quản lý, sử dụng tại Công văn số 3641/BNV-CQĐP ngày 10/8/2015, ranh giới thay đổi tại một số xã nên dẫn đến sai lệch về diện tích tự nhiên của xã, cũng như toàn huyện. Chi tiết các loại đất qua biểu sau:

Biểu 4: Biến động đất đai giai đoạn 2011-2020 của huyện Nghĩa Hành

| **Số  thứ tự** | **Loại đất** | **Mã** | **Diện tích năm 2010** *(ha)* | **Diện tích năm 2015** *(ha)* | **Diện tích năm 2020** *(ha)* | **So sánh tăng,**  **giảm (-)** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **So với năm 2010** | **So với năm 2015** |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **23.468,88** | **23.439,89** | **23.448,55** | **-20,33** | **8,66** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **17.610,06** | **19.586,56** | **19.646,80** | **2.036,74** | **60,24** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.324,96 | 3.590,69 | 3.562,77 | 237,81 | -27,92 |
| - | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | LUC | *3.050,89* | 3.417,12 | 3.398,02 | 347,13 | -19,10 |
| 1,2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.274,93 | 2.999,28 | 2.979,68 | 704,75 | -19,60 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2.693,03 | 2.619,30 | 2.836,33 | 143,30 | 217,03 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.007,00 | 1.054,95 | 1.021,96 | 14,96 | -32,99 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 8.291,13 | 9.263,13 | 9.194,87 | 903,74 | -68,26 |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 15,21 | 25,11 | 18,64 | 3,43 | -6,47 |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 3,8 | 34,10 | 32,55 | 28,75 | -1,55 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **4.150,67** | **3.650,90** | **3.688,49** | **-462,18** | **37,59** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 15,28 | 57,47 | 57,77 | 42,49 | 0,30 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 0,84 | 0,84 | 1,00 | 0,16 | 0,16 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 8,85 | 9,19 | 13,54 | 4,69 | 4,35 |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 1,47 | 1,47 | 1,63 | 0,16 | 0,16 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 19,75 | 17,36 | 17,27 | -2,48 | -0,09 |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | SKX | 3,41 | 15,21 | 14,39 | 10,98 | -0,82 |
| 2.7 | Đất hạ tầng phát cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.679,56 | 1.515,55 | 1.525,42 | -154,14 | 9,87 |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| - | Đất giao thông | DGT | 558,58 | 554,69 | 578,79 | 20,21 | 24,10 |
| - | Đất thuỷ lợi | DTL | 558,01 | 443,88 | 433,64 | -124,37 | -10,24 |
| - | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 1,42 | 1,42 | 1,42 | 0,00 | 0,00 |
| - | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 3,43 | 3,32 | 3,32 | -0,11 | 0,00 |
| - | Đất XD cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 35,73 | 33,32 | 33,79 | -1,94 | 0,47 |
| - | Đất XD cơ sở thể dục thể thao | DTT | 26,89 | 25,72 | 26,53 | -0,36 | 0,81 |
| - | Đất công trình năng lượng | DNL | 0,97 | 0,42 | 0,42 | -0,55 | 0,00 |
| - | Đất công trình bưu chính, viễn thông | DBV | 0,69 | 0,55 | 0,55 | -0,14 | 0,00 |
| - | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 2,51 | 6,09 | 6,07 | 3,56 | -0,02 |
| - | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 17,92 | 18,97 | 9,70 | -8,22 | -9,27 |
| - | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 4,76 | 7,96 | 8,45 | 3,69 | 0,49 |
| - | Đất làm nghĩa trang | NTD | 466,30 | 416,10 | 418,87 | -47,43 | 2,77 |
| - | Đất chợ | DCH | 2,35 | 3,11 | 3,87 | 1,52 | 0,76 |
| 2.9 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 0,32 | 9,41 | 9,33 | 9,01 | -0,08 |
| 2.10 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV |  | 0,64 | 1,16 | 1,16 | 0,52 |
| 2.11 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 879,02 | 974,69 | 1.007,91 | 128,89 | 33,22 |
| 2.12 | Đất ở tại đô thị | ODT | 129,07 | 82,64 | 101,61 | -27,46 | 18,97 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 9,21 | 9,46 | 9,64 | 0,43 | 0,18 |
| 2.14 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 5,19 | 5,19 | 5,01 | -0,18 | -0,18 |
| 2.15 | Đất tín ngưỡng | TIN | 5,04 | 5,89 | 5,79 | 0,75 | -0,10 |
| 2.16 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 1.336,27 | 878,54 | 840,17 | -496,10 | -38,37 |
| 2.17 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 57,09 | 66,45 | 72,83 | 15,74 | 6,38 |
| 2.18 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 0,30 | 0,90 | 4,02 | 3,72 | 3,12 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **1.708,15** | **202,43** | **113,26** | **-1.594,89** | **-89,17** |

##### Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghĩa Hành

***b) Biến động diện tích đất nông nghiệp***

Diện tích đất nông nghiệp năm 2020: Có 19.646,8 ha, tăng 2.036,74 ha so với năm 2010 và tăng 60,24 ha so với năm 2015. Thực tế giai đoạn 2011-2020, đất nông nghiệp có giảm để chuyển sang xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng như dự án khu dân cư Đồng Dinh, khu dân cư Nam Đồng Xít, Khu dân cư Đồng Chợ, mở rộng đất ở nông thôn, xây dựng hệ thống giao thông *(đường dẫn vào đường cao tốc, đường Quảng Ngãi – Nghĩa Hành, đường tránh phía Đông)*, hệ thống kênh mương thủy lợi hồ Đập Làng…các công trình nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nhưng đồng thời với đó đã thực hiện khai thác diện tích đất chưa sử dụng đưa và sử dụng cho mục đích phát triển nông nghiệp, trồng cây lâu năm.

- Đất trồng lúa: Có 3.562,77 ha, tăng 237,81 ha so với năm 2010 và giảm 27,92 ha so với năm 2015. Thực tế giai đoạn 2011-2015, ngoài việc mở rộng đất lúa từ đất trồng cây hàng năm khác 57,79 ha; đất bằng chưa sử dụng 5,54 ha và và diện tích tăng còn lại do sai số đo đạc bản đồ địa chính trước đây so với số liệu đo đạc bản đồ địa chính theo dự án VLAP. Đồng thời giai đoạn 2016-2020 diện tích giảm do thực hiện các dự án phát triển dân cư và kết cấu hạ tầng *(khu dân cư Đồng Dinh, Khu dân cư Đồng Xít, Khu dân cư Đồng Chợ, đường dẫn vào đường cao tốc, đường Quảng Ngãi – Nghĩa Hành, hạ tầng nông thôn mới...)*.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Có 2.979,68 ha, tăng 704,75 ha so với năm 2010 và giảm 19,6 ha so với năm 2015. Trong đó giai đoạn 2011-2015 ngoài việc mở rộng diện tích còn thực hiện điều chỉnh diện tích tăng sau khi đo đạc bản đồ địa chính theo dự án VLAP và giải đoạn 2016-2020 việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng cây ăn quả, đồng thời chuyển một số diện tích để thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đất ở... làm cho diện tích giảm xuống.

- Đất trồng cây lâu năm: Có 2.836,33 ha, tăng 143,3 ha so với năm 2010 và tăng 217,03 ha so với năm 2015, chủ yếu là chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây hàng năm sang trồng cây lâu năm và mở rộng diện tích đất cây lâu năm trên đất chưa sử dụng thực hiện theo quy hoạch phát triển cây ăn quả, chuyển đổi đất trồng keo nguyên liệu trên đất sản xuất nông nghiệp *(điều chỉnh chỉ tiêu thống kê đất rừng)*.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích có 1.021,96 ha, tăng 14,96 ha so với năm 2010 và giảm 32,99 ha so với năm 2015, diện tích có sự biến động do phương pháp xác định theo kiểm kê hiện trạng rừng mới.

- Đất rừng sản xuất: Có 9194,87 ha, tăng 903,74 ha so với năm 2010 và giảm 68,26 ha so với năm 2015, trong đó giai đoạn 2011- 2015 diện tích tăng chủ yếu do phương pháp thống kế đất lâm nghiệp (*đất đồi núi chưa sử dụng được thống kê vào đất rừng)* và thực hiện việc trồng rừng phủ xanh đồi núi trọc; diện tích giảm giai đoạn 2015-2020 do chuyển sang đất quốc phòng, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng *(thống kê, kiểm kê các loại đất khác trên đất lâm nghiệp như giao thông, sông suối, cây lâu năm…)*, chuyển sang đất công trình thủy lợi, đất sản xuất vật liệu xây dựng ….

- Đất nuôi trồng thuỷ sản: Có 18,64 ha, tăng 3,43 ha so với năm 2010 và giảm 6,47 ha so với năm 2015, diện tích giảm tại xã Hành Thịnh do có sự chênh lệch do phương pháp kiểm kê *(đất ao nuôi trong các hộ gia đình).*

- Đất nông nghiệp khác: Có 32,55 ha, tăng 28,75 ha so với năm 2010 và giảm 1,55 ha so với năm 2015, trong đó giai đoạn 2011-2015 tăng do thực hiện mở rộng phát triển trang trại tại các xã Hành Đức, Hành Minh, Hành Thuận, Hành Thịnh; giai đoạn 2016-2020 giảm do xác định lại diện tích có sự chênh lệch tại xã Hành Minh, Hành Thịnh so với kiểm kê đất đai năm 2014.

***c) Biến động diện tích đất phi nông nghiệp***

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2020 có 3.688,49 ha, giảm 462,18 ha so với năm 2010 và tăng 37,59 ha so với năm 2015.

Theo báo cáo kiểm kê đất đai năm 2014, diện tích đất phi nông nghiệp giảm so với năm 2010 chủ yếu giảm trong đất thủy lợi, đất sông suối *(điều chỉnh địa giới hành chính, đo đạc lại bản đồ)*, đến năm 2014 thay đổi phương pháp tính diện tích.

Diện tích tăng so với năm 2015, do xây dựng các dự án, cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện từ năm 2016-2020. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Năm 2020 có 57,77 ha, tăng 42,49 ha so với năm 2010, tăng do thực hiện quy hoạch thao trường bắn tại Hành Đức, Hành Thịnh và tăng 0,3 ha so với năm 2015 điều chỉnh sai số trong kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

- Đất an ninh: Có tăng 1,00 ha, tăng 0,16 ha so với năm 2010 và năm 2015 do xây dựng trụ sở công an xã Hành Thuận.

- Đất cụm công nghiệp: Có 13,54 ha, tăng 4,69 ha so với năm 2010 và tăng 4,35 ha so với năm 2015, diện tích tăng do thực hiện mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh theo quy hoạch.

- Đất thương mại, dịch vụ: Có 1,63 ha, tăng 0,16 ha so với năm 2010 và 2015 diện tích tăng do quy hoạch xây dựng cửa hàng vật tư nông nghiệp tại xã Hành Thuận, cửa hàng xăng dầu…

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Giảm 2,84 ha so với năm 2010 và giảm 0,09 ha so với năm 2015, giảm do phương pháp kiểm kê.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: Tăng 10,98 ha so với năm 2010 và giảm 0,82 ha so với năm 2015. Giai đoạn 2011-2015, diện tích tăng do mở rộng đất sản xuất vật liệu xây dựng chủ yếu là các cơ sở sản xuất gạch, khai thác vật liệu cát, đất san nền. Giai đoạn 2016-2020, diện tích giảm sau khi khai thác trả lại mặt bằng.

- Đất phát triển hạ tầng: Có 1.525,42 ha, giảm 154,14 ha so với năm 2010 và tăng 9,87 ha so với năm 2015. Thực tế giai đoạn 2011-2015, diện tích đất phát triển hạ tầng tăng do xây dựng các công trình công cộng. Đến năm 2020 diện tích giảm so với năm 2010 là do giảm nhiều ở diện tích đất thủy lợi do thay đổi trong quy định loại đất giữa đất có mặt nước chuyên dùng và đất thủy lợi trong 2 kỳ kiểm kê 2009 và 2014.

Diện tích tăng so với năm 2015, do giai đoạn 2016-2020 xây dựng các công trình như: Nâng cấpđường Quảng Ngãi - Chợ Chùa, xây dựng đường dẫn vào đường cao tốc, Cầu Suối Rau, Cầu Hành Tín, hệ thống kênh thủy lợi nội đồng, các công trình nhà văn hóa xã, Chợ mới Hành Thuận, Chợ Chùa – TT Chợ Chùa…

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Tăng 9,01 ha so với năm 2010 và giảm 0,08 ha so với năm 2015. Diện tích tăng trong giai đoạn 2011-2015 do xây dựng các nhà văn hóa thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới và nhà văn hóa các tổ dân phố tại thị trấn chợ chùa. Giai đoạn 2016-2020 diện tích giảm do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Tăng 1,16 ha so với năm 2010 và tăng 0,52 ha so với năm 2015, do tăng diện tích đất khu vui chơi giải trí tại trung tâm các xã: Hành Thiện, Hành Thuận, TT Chợ Chùa.

- Đất ở tại nông thôn: Tăng 128,89 ha so với năm 2010 và tăng 33,22 ha so với năm 2015, do nhân dân chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở và xây dựng các khu dân cư nông thôn, diện tích tăng nhiều tại các xã Hành Dũng, Hành Trung. Ngoài ra, trong kỳ kiểm kê 2014 có sự tăng diện tích lớn do thực hiện viêc chỉnh lý hồ sơ địa chính trong quá trình đo đạc bản đồ VLAP.

- Đất ở tại đô thị: giảm 27,46 ha so với năm 2010 (*do kỳ kiểm kê 2014 thống kê diện tích đất ở riêng, diện tích đất trồng cây lâu năm cùng thửa với đất ở riêng nên có sự chu chuyển giảm này)* và tăng 18,97 ha so với năm 2015, do thực hiện dự án khu dân cư Đồng Dinh, khu dân cư Đồng Chợ, chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân sang đất ở đô thị.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Tăng 0,43 ha so với năm 2010 và tăng 0,18 ha so với năm 2015, do xây dựng trụ sở thị trấn Chợ Chùa.

Các loại đất khác trong đất phi nông nghiệp biến động tăng, giảm chủ yếu là do kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 sử dụng phương pháp mới để tính toán diện tích nên có sự chênh lệch, biến động đặc biệt là đất sông suối, mặt nước chuyên dùng.

***d) Biến động diện tích đất chưa sử dụng***

Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2020 còn 113,26 ha, giảm 1.594,89 ha so với năm 2010 và giảm 89,17 ha so với năm 2015. Chủ yếu là khai thác vào sử dụng cho đất nông nghiệp là để trồng rừng nguyên liệu, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn các công trình thủy lợi *(Hồ Hóc Cài, Hồ Đập Làng, Hồ Cây Queen, Khu vực đầu nguồn suối Đá)*, điều chỉnh số liệu kiểm kê đất đai *(đất chưa sử dụng sang đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm và đất rừng).*

## 2.2.2. Xu thế biến động các loại đất

*Biểu đồ 1: Xu thế biến động sử dụng các loại đất chính qua các năm*

***- Đất nông nghiệp:*** Giai đoạn 2011-2020, đất nông nghiệp có xu thế biến động tăng, bình quân tăng trên 200 ha/năm, trong đó:

+ Giai đoạn 2011-2015, diện tích tăng mạnh bình quân tăng gần 400 ha/năm và tăng ở tất cả các loại đất, trong đó đất rừng sản xuất tăng lớn nhất, tiếp đến là đất trồng cây hàng năm. Nguyên nhân tăng chủ yếu ngoài việc thực hiện mở rộng diện tích từ đất chưa sử dụng, thì phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai mới cũng dẫn đến có sự biến động tăng trong đất nông nghiệp.

+ Giai đoạn 2016-2020, diện tích đất nông nghiệp cũng có chiều hướng tăng nhưng chỉ tăng ở đất trồng cây lâu năm do thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh phát triển cây ăn quả.

***- Đất phi nông nghiệp:*** Giai đoạn 2011-2020, đất phi nông nghiệp có xu hướng giảm, trong đó:

+ Giai đoạn 2011-2015: Diện tích giảm mạnh, bình quân giảm gần 100 ha/năm do năm 2014 thực hiện kiểm kê hiện trạng sử dụng đất theo phương pháp mới đã điều chỉnh diện tích đất thủy lợi, đất sông suối… theo hướng giảm.

+ Giai đoạn 2016-2020 diện tích có xu hướng tăng nhưng không lớn, bình quân tăng 7,52 ha/năm; trong đó chủ yếu là tăng đất phát triển hạ tầng, đất ở tại nông thôn và đât ở tại đô thị.

***- Đất chưa sử dụng:*** Giai đoạn 2011-2020, đất chưa sử dụng có xu thế giảm, bình quân giảm gần 160 ha/năm, trong đó: Giai đoạn 2011-2015 bình quân giảm trên 300 ha/năm (*điều chỉnh diện tích theo phương pháp kiểm kê hiện trạng)*; giai đoạn 2016-2020 xu hướng giảm chậm lại bình quân giảm gần 18 ha/năm.

# 2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất

## 2.3.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

***a) Hiệu quả kinh tế***

- Đất nông nghiệp: Nhìn chung những năm qua đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Nghĩa Hành đang được sử dụng theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, sử dụng giống mới, đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm gắn với nhu cầu thị trường nên đạt hiệu quả ngày càng cao.

Giá trị sản xuất *(giá SS 2010)* bình quân trên 1 ha đất sản xuất đã tăng từ 38,2 triệu đồng/ha năm 2010 lên 56,64 triệu đồng/ha năm 2015 và lên 81,6 triệu đồng/ha năm 2020. Đến năm 2020, giá trị sản xuất nông nghiệp trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp *(theo giá hiện hành*) đạt 160 - 170 triệu đồng. Đất nông nghiệp đang sử dụng 19.646,8 ha, chiếm 83,79 % DTTN toàn huyện, trong đó đất cho sản xuất nông nghiệp, trang trại, thủy sản 9.429,97 ha, chiếm 40,22% DTTN.

+ Đối với đất trồng lúa nước: Nhờ ứng dụng các kỹ thuật về thâm canh như: giống mới, tăng cường phân bón hợp lý, chủ động nước tưới nên sản xuất lúa đạt năng suất cao, tăng từ 55 tạ/ha năm 2015 lên 65 tạ/ha năm 2020, cao hơn mức bình quân chung của tỉnh *(khoảng 60 tạ/ha)*. Duy trì ổn định diện tích lúa 2 vụ trên 3.500 ha, thực hiện luân canh cây màu trong vụ mùa để tăng hiệu quả sử dụng đất.

+ Đối với đất trồng cây hàng năm khác: Với diện tích 2.979,68 ha, được gieo trồng các loại cây trồng cạn như: ngô, sắn, lạc, mía, rau các loại, đậu các loại … Tổng diện tích gieo trồng trên 5,1 ngàn ha; Hệ số sử dụng đất 1,73 lần. Năng suất các loại cây hàng năm tương đối cao: ngô đạt từ 65-66 tạ/ ha, sắn khoảng 250- 260 tạ/ ha, lạc khoảng 23-24 tạ/ ha, cao hơn mức bình quân chung của tỉnh.

+ Đối với đất trồng cây lâu năm: Nhìn chung sử dụng đất cây lâu năm trên địa bàn huyện Nghĩa Hành hiệu quả còn khiêm tốn. Diện tích đất trồng cây lâu năm là 2.836,33 ha, trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư theo kiểu vườn tạp, trồng cau, cây ăn quả kết hợp thả gà hoặc chăn nuôi gia súc khoảng 1.560 ha; diện tích còn lại chủ yếu trồng cây keo lai, trồng điều cho năng suất thấp. Gần đây thực hiện đề án phát triển cây ăn quả, nhiều hộ gia đình đã đưa một số cây trồng có giá trị kinh tế cao như bưởi da xanh, chôm chôm, sầu riêng, chuối… tại các xã Hành Thiện, Hành Nhân… bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế đặc biệt là bưởi da xanh, sầu riêng, chôm chôm, tuy nhiên do Quảng Ngãi nói chung và huyện Nghĩa Hành nói riêng nằm trong vùng tâm bão nên cũng chịu ảnh hưởng lớn, cần có giải pháp trồng các đai chắn gió… để hạn chế thiệt hại.

+ Đối với đất rừng: Diện tích đất rừng sản xuất là 9.194,87 ha, trong đó rừng tự nhiên có 1.085,86 ha, còn lại là đất để trồng rừng kinh tế. Đất có rừng tăng lên, bao gồm cả việc trồng mới rừng trên đất trống đồi núi trọc và khoanh nuôi tái sinh rừng góp phần nâng cao mức sống cho một bộ phận dân cư, cải thiện môi trường và chống xói mòn đất…. Với diện tích rừng trồng sản xuất trên 5.000 ha *(diện tích còn lại là Đất đang sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng sản xuất)*, đảm bảo một phần nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến dăm của huyện.

- Đối với đất phi nông nghiệp: Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp - TTCN, thương mại - dịch vụ - du lịch; chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn, ... đã tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng bình quân hàng năm thời kỳ 2011-2020 đạt trên 12% (*công nghiệp xây dựng tăng trên 14,6%, thương mại dịch vụ tăng 18,87%)*. Đồng thời thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp đến năm 2020 cơ cấu lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm 76,67% giá trị sản xuất của toàn huyện.

Cùng với việc phát triển các cụm công nghiệp, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, với các dự án phát triển đô thị của tỉnh *(khu dân cư Đồng Dinh, Khu dân cư Đồng Xít, Đồng Chợ)* đã thu hút đầu tư đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, nâng tầm giá trị đất đai, mở rộng chỉnh trang đô thị theo hướng hiện đại.

***b) Hiệu quả xã hội***

- Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội ở đô thị từng bước được đầu tư hoàn thiện, hạ tầng nông thôn mới không ngừng được đầu tư, tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội hướng đến phát triển đô thị văn minh, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đã giải quyết được nhu cầu đất ở cho nhân dân *(dân số tăng tự nhiên)* và xây dựng các khu tái định cư, giải quyết nhà ở cho các hộ dân phải di dời chỗ ở khi thực hiện các dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng các công trình công cộng, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sử dụng linh hoạt đất lúa, phát triển cây ăn quả… làm tăng hiệu quả sử dụng đất; Việc hình thành và thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp *(thu hút đầu tư nhà máy may Vinatex…)*, thu hút đầu tư phát triển kinh tế trang trại *(trang trại Xuân An)* đã tạo điều kiện giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 18 triệu đồng năm 2015 lên 43,58 triệu đồng năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn tiếp cận đa chiều từ 13,72% năm 2015 xuống còn 4,5% năm 2020, hàng năm giải quyết việc làm mới cho trên 3.000 lao động.

- Đã tôn tạo nhiều di tích lịch sử - văn hoá, bảo tồn văn hoá dân tộc để phát triển du lịch trong những năm tới.

***c) Hiệu quả môi trường***

- Môi trường trong khu dân cư được cải thiện, nhiều khu dân cư nông thôn, khu trung tâm xã đã được đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, trồng nhiều cây xanh để cải thiện môi trường sống. Đặc biệt đến nay 100% xã đạt tiêu chí nông thôn mới về môi trường, rác thải, sinh hoạt, rác thải nguy hại được thu gom và xử lý đúng quy định tại khu xử lý rác tập trung.

- Khu đô thị trung tâm huyện được nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, công tác thu gom chất thải, rác thải ngày càng tốt hơn đã làm cho môi trường đô thị ngày càng trong sạch.

- Môi trường đất được cải thiện nhờ ngày càng hướng vào sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn. Bên cạnh đó việc trồng rừng phủ xanh đồi núi trọc đã hạn chế việc rửa trôi, xói mòn đất.

**2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất**

***a) Cơ cấu sử dụng đất***

Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sử dụng đất huyện Nghĩa Hành thời kỳ 2011-2020 chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng diện tích đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp giảm tỷ trong đất chưa sử dụng *(tỷ trọng đất đưa vào sử dụng tăng từ 92,72% năm 2010 lên 99,52 năm 2020)*, giảm nhanh tỷ trọng đất chưa sử dụng *(từ 7,28% năm 2010 xuống chỉ còn 4,08 % năm 2020)*.

Cơ cấu sử dụng đất chuyển dịch theo hướng khai thác đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành, lĩnh vực kinh tế xã hội, tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao trong những năm qua. Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất đến năm 2020 như sau:

- Đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao trong tổng diện tích tự nhiên, chiếm 83,79 % diện tích tự nhiên toàn huyện;

- Đất phi nông nghiệp chiếm 15,73 % DTTN (3.688,49 ha),

- Đất chưa sử dụng chiếm 0,48 % DTTN (113,26 ha).

So với cơ cấu sử dụng đất chung toàn tỉnh Quảng Ngãi *(đất nông nghiệp 88,28 %, đất phi nông nghiệp 11,01%, đất chưa sử dụng 0,71 %)* thì cơ cấu sử dụng đất huyện Nghĩa Hành có tỷ lệ diện tích đất phi nông nghiệp cao hơn *(15,73%)* chứng tỏ việc đầu tư khai thác quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư nông thôn và đô thị với tỷ lệ cao hơn so với bình quân chung toàn tỉnh, phù hợp với đặc điểm của huyện đồng bằng.

***b) Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội***

Quá trình phát triển nhanh kinh tế - xã hội của huyện theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong những năm qua kéo theo việc thay đổi rất lớn trong việc bố trí sử dụng các loại đất.

Trong những năm qua việc sử dụng nguồn tài nguyên đất đai là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, và nguồn tăng thu ngân sách lớn trên địa bàn huyện. Nhờ những chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước cũng như sự chỉ đạo sát sao từ cấp tỉnh đến cơ sở, đất đai trên địa bàn đã được khai thác sử dụng ngày càng hợp lý hơn, thể hiện trên một số loại đất:

*-* Đất nông nghiệp (đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp) tuy phải chuyển một phần để xây dựng phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư, khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung và xây dựng kết cấu hạ tầng.. nhưng diện tích vẫn có chiều hướng tăng do khai thác có hiệu quả đất chưa sử dụng vào sản xuất, đồng thời việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản.

*+* Đất trồng lúa: Diện tích đất trồng lúa toàn huyện là 3.562,77 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước 3.398,02 ha; đất trồng lúa nước còn lại 164,75 ha. Diện tích đất chuyên trồng lúa nước được duy trì ổn định, phù hợp với thực tế sản xuất của địa phương, khai thác có hiệu quả hệ thống kênh mương thủy lợi Thạch Nham, đồng thời việc thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn đã tạo thuận lợi cho việc thâm canh, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, năng suất lúa đã tăng từ 55 tạ/ha năm 2015 lên 66 tạ/ha năm 2020, bên cạnh đó việc thực hiện sử dụng linh hoạt đất lúa kết hợp với trồng luân canh cây hàng năm *(lạc, ngô, dưa, đậu các loại…)* đã tăng hiệu quả sử dụng đất trên 1 đơn vị diện tích.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đất trồng cây lâu năm tăng khá, đặc biệt việc thực hiện đề án phát triển cây ăn quả đã bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

*+* Đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ: Với tổng diện tích đất rừng 10.216,83 ha, tăng 918,7 ha so với năm 2010, cho thấy việc đẩy nhanh phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ, tăng hiệu quản bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

*+* Đất nông nghiệp khác: Diện tích đất nông nghiệp khác tăng từ 3,8 ha năm 2010 lên 32,55 ha năm 2020 cho thấy việc thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại là hướng đi phù hợp trong việc thay đổi phương thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp góp phần tăng hiệu quả khai thác nguồn lực đất đai.

*-* Đất phi nông nghiệp:Theo thống kê hiện trạng sử dụng đất đến năm 2020 đất phi nông nghiệp giảm so với năm 2010, chủ yếu là đất sông suối *(diện tích giảm do thay đổi phương pháp thống kê và ranh giới hành chính)*, riêng các nhóm đất phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội như đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp *(đất cụm công nghiệp, đất thương mại, đất khai thác vật liệu xây dựng),* đất phát triển hạ tầng kỹ thuật *(giao thông, năng lượng)*, đất phát triển dân cư … có xu hướng tăng. Các loại đất phi nông nghiệp được sử dụng tương đối hợp lý thể hiện trên một số mặt:

+ Đất quốc phòng, an ninh: Được bố trí sử dụng phù hợp với yêu cầu quốc phòng và an ninh trật tự xã hội.

*+* Đất sử dụng cụm công nghiệp, thương mại, cơ sở sản xuất kinh doanh: Cụm công nghiệp Đồng Dinh đã mở rộng quy mô từ 8,85 ha lên 13,54 ha; quy hoạch các điểm khai thác vật liệu xây dựng phục vụ cho nhu cầu xây dựng và san gạt mặt bằng để phát triển hạ tầng đô thị, nông thôn, phát triển các khu dân cư đô thị Đồng Dinh, Đồng Xít, Đồng Chợ….

*+* Đất dành cho phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:Đất cho hạ tầng giao thông được mở rộng phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển tạo thuận lợi trong việc kết nối liên vùng *(Đường dẫn vào đường cao tốc, đường Quảng Ngãi – Nghĩa Hành, các tuyến đường tỉnh)* và nội vùng *(hạ tầng giao thông nông thôn mới)* tăng cường giao lưu kinh tế trong và ngoại huyện. Đất thủy lợi có xu hướng giảm nhưng vẫn tăng hiệu quả sử dụng do việc thực hiện kiến cố hóa hệ thống kênh mương đã tiết kiệm được một phần đất đai cho sản xuất.

*+* Đất dành cho các lĩnh vực phát triển hạ tầng xã hội: y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục - thể thao và các công trình phúc lợi khác cũng được đầu tư mở rộng đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng khám chữa bệnh và đời sống vật chất tinh thần của nhân dân. Đất cho phát triển hạ tầng chợ như chợ trung tâm huyện, chợ xã được sử dụng hợp lý cơ bản đáp ứng được nhu cầu của địa phương. Riêng đối với đất làm nghĩa trang về cơ bản các khu đất nghĩa trang nhân dân ở huyện được hình thành từ lâu đời, nhìn chung là hợp lý. Tuy nhiên có một số nghĩa địa có vị trí nằm đan xen với các khu dân cư nên có mức độ phù hợp thấp. Về lâu dài cần nghiên cứu quy hoạch một số khu nghĩa trang tập trung để cải táng, giải phóng mặt bằng những khu nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán trong các khu dân cư.

+ Đất đô thị: Đô thị Chợ Chùa đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung xây dựng và chương trình phát triển đô thị; UBND huyện đã phê duyệt quy hoạch chi tiết khu trung tâm, đạt tiêu chí đô thị loại V, kết cấu hạ tầng đang được đầu tư xây dựng, mạng lưới các khu dân cư đang từng bước chỉnh trang cũng như xây dựng mới (*Các khu dân cư mới như Đồng Dinh, Đồng Xít, Đồng Chợ)* nhưng về cơ bản vẫn chưa hoàn thiện, cần tiếp tục đầu tư xây dựng trong tương lai.

+ Đất khu dân cư nông thôn: Các khu dân cư nông thôn được hình thành từ lâu đời, phân bố tập trung phù hợp. Tuy nhiên có một số khu vực dân cư nằm trong vùng có nguy cơ sạt lở bờ sông… cần thực hiện đầu tư xây kè chống sạt lở để đảm bảo ổn định lâu dài.

***c) Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại địa bàn huyện Nghĩa Hành.***

Trong giai đoạn 2011-2020, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của trung ương, UBND tỉnh đã áp dụng, ban hành nhiều chính sách, giải pháp liên quan đến vấn đề đầu tư vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật, đòn bẩy kinh tế... trong sử dụng đất và đối với người sử dụng đất tại địa phương phù hợp với từng thời kỳ, sát với yêu cầu của thực tiễn phát triển, để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh trong đó có huyện Nghĩa Hành nổi bật như:

- Giai đoạn 2011 đến tháng 8 năm 2016; đã ban hành và thực hiện Các Quyết định như Quyết định số [52/2013/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/quyet-dinh-52-2013-qd-ubnd-quy-dinh-chinh-sach-ho-tro-dau-tu-quang-ngai-214952.aspx) ngày 22/11/2013 ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, số [22/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/quyet-dinh-22-2015-qd-ubnd-2015-sua-doi-chinh-sach-ho-tro-dau-tu-quang-ngai-276324.aspx) ngày 18/5/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số [52/2013/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=52/2013/Q%C4%90-UBND&match=True&area=2&lan=1); số [42/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/quyet-dinh-42-2015-qd-ubnd-xa-hoi-hoa-giao-duc-y-te-van-hoa-the-duc-moi-truong-quang-ngai-288327.aspx) ngày 24/8/2015 ban hành một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số [48/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/quyet-dinh-48-2015-qd-ubnd-mien-giam-tien-thue-dat-tai-khu-vuc-do-thi-quang-ngai-293247.aspx) ngày 09/10/2015 về việc quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất tại khu vực đô thị đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và số [45/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/quyet-dinh-45-2015-qd-ubnd-ho-tro-dac-thu-doanh-nghiep-hop-tac-xa-dau-tu-nong-nghiep-quang-ngai-293255.aspx) ngày 31/8/2015 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020.

- Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND, ngày 29/7/2016 Ban hành Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi, có hiệu lực từ tháng 8 năm 2016 để thay thế cho các quyết định ở trên, với các nội dung có liên quan đến sử dụng đất như ưu đãi về giá thuê đất; Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và khu tái định cư của dự án; Hỗ trợ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng… ưu đãi đầu tư cho các dự án khuyến khích xã hội hóa như hỗ trợ chi phí thuê đất, đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ các dự án đầu tư vào nông nghiệp nông thôn *(phát triển chăn nuôi, sản xuất rau an toàn, dược liệu…)*

Với những chính sách trên đã tạo thuận lợi cho nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh trong đó có huyện Nghĩa Hành thu hút đầu tư phát triển với nhiều dự án quan trọng làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, phát triển kinh tế, an sinh xã hội như: Thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Đồng Dinh, các khu dân cư đô thị Đồng Dinh, Nam Đồng Xít, hạ tầng thường mại *(chợ Chợ Chùa)*, Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật Võ Hồng Sơn, Trang trại nuôi heo sạch Xuân An, phát triển hạ tầng nông thôn theo chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới với phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm...

Có thể thấy rằng, trong 10 năm 2011-2020 tổng mức đầu tư toàn xã hội trên địa bàn huyện đã tăng năm sau cao hơn năm trước, từ trên 200 tỷ năm 2011 lên 417 tỷ năm 2015 và lên 848 tỷ đồng năm 2020, tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân đạt 15,54%. Tổng thu ngân sách địa phương bình quân hàng năm của huyện đạt 500-600 tỷ, trong đó nguồn thu từ đất đai bình quân hàng năm đạt khoảng 12-15% tổng thu, góp phần vào việc chi cho đầu tư phát triển, tăng hiệu quả sử dụng đất.

# 2.4. Những tồn tại chủ yếu trong sử dụng đất, nguyên nhân chính, giải pháp khắc phục, những kinh nghiệm về sử dụng đất

## 2.4.1. Một số tồn tại chủ yếu trong sử dụng đất

- Mất đất sản xuất nông nghiệp nhất là đất lúa, đất rừng cho các mục đích phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hoá đã, đang và sẽ là vấn đề cần được quan tâm nhiều trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn huyện từ nay đến năm 2030 và các năm tiếp theo. Vì hiện nay qũy đất chưa sử dụng của huyện còn rất ít và khả năng mở rộng tương đối hạn chế do nằm ở các vị trí ít thuận lợi, cho nên để đáp ứng nhu cầu để mở rộng và phát triển đô thị, mở rộng khu dân cư nông thôn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ... trong giai đoạn tới chủ yếu là từ đất nông nghiệp.

- Tình trạng một số dự án trên địa bàn đã được giao đất nhưng chậm triển khai thực hiện *(Nhà máy xử lý rác thải rắn sinh hoạt An Định - Quảng Ngãi)*, dẫn đến lãng phí đất. Việc sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng đất phân tán, manh mún vẫn còn ở một số nhóm đất, địa phương.. là thực tế rất khó có thể đạt được hiệu quả cao trong việc khai thác tiềm năng đất đai.

- Các công trình dự án về cụm công nghiệp, dân cư đô thị tập trung chủ yếu ở khu vực gần trung tâm, khu vực đông dân cư. Khi xây dựng phải giải tỏa ảnh hưởng đến cuộc sống của một bộ phận dân cư, cùng với chính sách bồi thường tái định cư của Nhà nước luôn thay đổi, giá đền bù chưa sát với giá thị trường, cùng với đó giá trị đất đai ngày càng tăng *(kể cả tăng ảo)* và đôi lúc khó kiểm soát… dẫn đến mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, phát sinh những khiếu kiện, tranh chấp làm ảnh hưởng đến đời sống dân cư và trật tự xã hội.

- Nhận thức của người dân về các chính sách, Luật đất đai chưa đồng đều, một vài nơi chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai nhất là sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng trái phép, làm hạn chế quyền sử dụng đất người khác *(chắn lối đi…)*.

- Một số tồn tại của việc phát triển dân cư tự phát trước đây; việc tiêu chuẩn quy họach liên tục thay đổi, nguồn vốn đầu tư hạn chế … dẫn đến đầu tư thiếu động bộ nhất là hạ tầng kỹ thuật giao thông, cấp thoát nước, cấp điện gây lãng phí nguồn lực.

## 2.4.2. Nguyên nhân của những tồn tại nêu trên và giải pháp khắc phục

***a) Một số nguyên nhân chính***

- Nhu cầu phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đô thị hóa … ngày càng cao là nguyên nhân khách quan, là xu thế tất yếu dẫn đến việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp.

- Nhận thức của người dân về pháp luật trong khai thác sử dụng đất còn có những hạn chế nhất định.

- Công tác thẩm định dự án, thẩm định năng lực của nhà đầu tư còn có những hạn chế nhất định dẫn đến một số dự án chậm tiến độ; tình trạng đầu cơ đất đai, đẩy giá đất tăng cao đang diễn ra ở một số nơi và khó kiểm soát gây lãng phí nguồn lực đất đai và tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Công tác tổ chức cán bộ trong ngành tài nguyên và môi trường chưa ổn định, đặc biệt đối với cán bộ địa chính cấp xã, thị trấn hay luân chuyển đã ảnh hưởng không tốt đến chất lượng quản lý đất đai tại cơ sở.

***b) Giải pháp khắc phục***

- Quy hoạch đồng bộ, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy định pháp luật; tăng cường đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi để tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm trên 1 đơn vị diện tích.

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân về pháp luật đất đai, công khai trước quần chúng nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để nâng cao ý thức sử dụng đất của người dân theo quy hoạch và theo pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư cho nhân dân sau khi thu hồi đất để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, tránh tình trạng quy hoạch treo.

- Tập trung vốn đầu tư xây dựng và hoàn thiện các công trình trọng điểm của huyện về giao thông, cấp, thoát nước đô thị; xây dựng hạ tầng các khu dân cư đô thị mở rộng, mở rộng các cụm công nghiệp, xây dựng khu sản xuất kinh doanh tập trung để phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp dân dụng, thương mại – dịch vụ.... tiêu thụ nguyên liệu sẵn có tại địa phương, tạo thêm nhiều việc làm để chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế của huyện.

- Tiến hành quy hoạch chỉnh trang đô thị *(đã và đang thực hiện)* và khu dân cư nông thôn. Cắm mốc quy hoạch theo quy định; trước mắt là chỉ giới giao thông tất cả các tuyến đường trên địa bàn huyện. Quản lý chặt chẽ việc xây dựng nhà ở phải đúng chỉ giới xây dựng; sớm đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường có lưu lượng xe, người đi lại cao.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định trong quản lý, sử dụng đất và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.

# III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

# 3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

## 3.1.1. Khái quát chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi được phê duyệt tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Đây là một trong những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch và pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ tăng trưởng kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của huyện đến năm 2020. Với tổng diện tích tự nhiên 23.468,88 ha, đến năm 2020 quỹ đất của huyện sẽ được phân bổ như sau:

- Đất nông nghiệp: 18.741,70 ha, chiếm 79,86% diện tích tự nhiên;

- Đất phi nông nghiệp: 4.687,35 ha, chiếm 19,97% diện tích tự nhiên;

- Đất chưa sử dụng: 39,83 ha, chiếm 0,17 % diện tích tự nhiên.

Theo đó, trong thời kỳ 2011-2020, sẽ chuyển 495,04 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (*riêng diện tích đất trồng lúa sẽ chuyển 65,42ha*) và sẽ khai hoang, cải tạo đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất nông nghiệp 1.624,56 ha *(Đất trồng cây lâu năm 4,38 ha, rừng phòng hộ 15 ha, rừng sản xuất 1.122,34 ha và đất nông nghiệp khác 482,84 ha)*; khai thác đất chưa sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp 43,76 ha.

Tuy nhiên, sau 5 năm triển khai thực hiện, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện cho giai đoạn 2016-2020, do thay đổi trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI *(nhiệm kỳ 2015-2020)* đặt ra, đồng thời với đó tỉnh cũng thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp tỉnh trong đó có phân khai chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2016-2020 đối với cấp huyện trong đó có Nghĩa Hành. Vì vậy, UBND huyện đã lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 28/6/2019. Theo phương án điều chỉnh này, quỹ đất của huyện đến năm 2020 có diện tích là 23.439,89 ha, được chia thành 3 nhóm đất chính:

- Đất nông nghiệp: 19.443,86 ha, chiếm 82,95% diện tích tự nhiên;

- Đất phi nông nghiệp: 3.794,44 ha, chiếm 16,19% diện tích tự nhiên;

- Đất chưa sử dụng: 201,59 ha, chiếm 0,86% diện tích tự nhiên.

Để đạt được các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch, trong giai đoạn 2016-2020, huyện sẽ chuyển 150,17 ha đất nông nghiệp *(trong đó diện tích đất trồng lúa nước 23,15 ha)* sang đất phi nông nghiệp; và dự kiến khai thác 0,98 ha đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp.

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất và khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng đã thực hiện đến cuối năm 2020 như sau:

## 3.1.2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đã thực hiện đến cuối năm 2020

Diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện đến cuối năm 2020 chính là kết quả thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt. Vì vậy, so sánh các chỉ tiêu hiện trạng sử dụng (HTSD) đất năm 2020 với chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt đến năm 2020 chính là đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020.

Biểu 5: Kết quả thực hiện quy hoạch SD đất đến năm 2020

| **TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích QH được duyệt (QĐ 524/QĐ-UBND ngày 28/6/2019)** | **Kết quả thực hiện** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích (ha)** | **So sánh** | |
| **Tăng (+); Giảm (-)** | **Tỷ lệ (%)** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)=(5)-(4)** | **(7)=(5)/(4)\*100%** |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **23.439,89** | **23.448,55** | **8,66** | **100,04** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **19.443,86** | **19.646,80** | **202,94** | **101,04** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.569,02 | 3.562,77 | -6,25 | 99,82 |
| - | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | LUC | 3.396,32 | 3.398,02 | 1,70 | 100,05 |
| 1,2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.978,27 | 2.979,68 | 1,41 | 100,05 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2.445,90 | 2.836,33 | 390,43 | 115,96 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.054,95 | 1.021,96 | -32,99 | 96,87 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 9.329,53 | 9.194,87 | -134,66 | 98,56 |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 25,12 | 18,64 | -6,48 | 74,20 |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 41,07 | 32,55 | -8,52 | 79,25 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.794,44** | **3.688,49** | **-105,95** | **97,21** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 96,85 | 57,77 | -39,08 | 59,65 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 1,14 | 1,00 | -0,14 | 87,72 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 13,19 | 13,54 | 0,35 | 102,65 |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 33,44 | 1,63 | -31,81 | 4,87 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 17,35 | 17,27 | -0,08 | 99,54 |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | SKX | 15,21 | 14,39 | -0,82 | 94,61 |
| 2.7 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.127,41 | 1.525,42 | 398,01 | 135,30 |
| *-* | *Đất giao thông* | *DGT* | *567,52* | *578,79* | 11,27 | 101,99 |
| *-* | *Đất thuỷ lợi* | *DTL* | *489,62* | *433,64* | -55,98 | 88,57 |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* | *2,42* | *1,42* | -1,00 | 58,68 |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | *3,32* | *3,32* | - | 100,00 |
| *-* | *Đất XD cơ sở giáo dục và đào tạo* | *DGD* | *33,97* | *33,79* | -0,18 | 99,47 |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao* | *DTT* | *24,56* | *26,53* | 1,97 | 108,02 |
| *-* | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *0,42* | *0,42* | - | 100,00 |
| *-* | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | *0,54* | *0,55* | 0,01 | 101,85 |
| *-* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *8,09* | *6,07* | -2,02 | 75,03 |
| *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | *18,99* | *9,70* | -9,29 | 51,08 |
| *-* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *8,93* | *8,45* | -0,48 | 94,62 |
| *-* | *Đất làm nghĩa trang* | *NTD* | *421,32* | *418,87* | -2,45 | 99,42 |
| *-* | *Đất chợ* | *DCH* | *5,04* | *3,87* | -1,17 | 76,79 |
| 2.8 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 11,77 | 9,33 | -2,44 | 79,27 |
| 2.9 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 0,64 | 1,16 | 0,52 | 181,25 |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 976,71 | 1.007,91 | 31,20 | 103,19 |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | ODT | 83,79 | 101,61 | 17,82 | 121,27 |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 10,93 | 9,64 | -1,29 | 88,20 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 5,09 | 5,01 | -0,08 | 98,43 |
| 2.14 | Đất tín ngưỡng | TIN | 5,63 | 5,79 | 0,16 | 102,84 |
| 2.15 | Đất sông, ngòi, kênh rạch, suối | SON | 870,39 | 840,17 | -30,22 | 96,53 |
| 2.16 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 66,67 | 72,83 | 6,16 | 109,24 |
| 2.17 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 0,90 | 4,02 | 3,12 | 446,67 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **201,59** | **113,26** | **-88,33** | **56,18** |

*Nguồn: - Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;*

*- Thống kê đất đai năm 2020 - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghĩa Hành.*

***a) Về tổng diện tích tự nhiên:*** Diện tích tự nhiên thực hiện cao hơn 8,66 ha so với điều chỉnh quy hoạch được duyệt do ranh giới hành chính của huyện Nghĩa Hành có sự thay đổi; trong năm 2017, hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính của huyện mới chỉnh lý bổ sung, được Bộ Nội vụ thống nhất đưa vào lưu trữ, quản lý, sử dụng tại Công văn số 3641/BNV-CQĐP ngày 10/8/2015, ranh giới thay đổi tại một số xã nên dẫn đến sai lệch về diện tích tự nhiên của xã, cũng như toàn huyện. Bên cạnh có sai số trong phần mềm thống kê, kiểm kê.

***b) Đất nông nghiệp***

Thực hiện 19.646,80 ha/19.443,86 ha, đạt 108,14% so với chỉ tiêu điều chỉnh QHSD đất được phê duyệt *(cao hơn 202,94 ha)*. Diện tích đất nông nghiệp thực hiện cao hơn không phải do khai thác đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp mà do chưa chuyển sang đất phi nông nghiệp, tập trung ở một số dự án lớn như: Cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh, Mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh, Hồ chứa nước suối Đá, các hhu dân cư như Bãi Nha, Xuân Ba, Mỹ Hưng xã Hành Thịnh; Khu dân cư chợ Đại An xã Hành Thuận; khu dân cư trung tâm xã Hành Thiện.... Trong đó:

- Đất trồng lúa: Thực hiện 3.562,77 ha/3.569,02 ha, đạt 99,82%, thấp hơn 6,25 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được được phê duyệt, diện tích đất trồng lúa giảm 23,15 ha để thực hiện công trình, dự án; kết quả thực hiện giảm 29,4 ha. Nhìn chung, chỉ tiêu đất trồng lúa đạt thấp hơn không phải do huyện thực hiện chuyển đất lúa sang đất phi nông nghiệp ngoài kế hoạch đã được phê duyệt mà do điều chỉnh diện tích theo số liệu kiểm kê 2019.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Thực hiện 2.979,68 ha/2.978,27 ha, đạt 100,05%, cao hơn 1,41 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được được phê duyệt, diện tích đất trồng cây hàng năm giảm 15,91 ha để thực hiện công trình, dự án; kết quả thực hiện 14,5 ha. Diện tích cao hơn so với quy hoạch được phê duyệt chủ yếu là chưa thực hiện một số dự án có chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm.

- Đất trồng cây lâu năm: Thực hiện 2.836,33 ha/2.445,9 ha, đạt 115,96%, cao hơn 390,43 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt, diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 176,02 ha *(sang đất rừng sản xuất 148,75 ha, đất nông nghiệp khác 1,5 ha và đất phi nông nghiệp 25,82 ha)*; kết quả chưa thực hiện chuyển đổi sang đất rừng theo quy hoạch 3 loại rừng, diện tích còn lại do cập nhật theo số liệu kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

- Đất rừng phòng hộ: Thực hiện 1.021,96 ha/1.054,95 ha, đạt 96,87 %, thấp hơn 32,99 ha do chưa thực hiện chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp theo quy hoạch 3 loại rừng[[6]](#footnote-6).

- Đất rừng sản xuất: Thực hiện 9.194,87 ha/9.329,53 ha, đạt 98,56%, thấp hơn 134,66 ha, do thực hiện chuyển sang đất quốc phòng *(thao trường quân sự)*, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng *(thống kế, kiểm kê các loại đất khác trên đất lâm nghiệp như giao thông, sông suối…)*, chuyển sang đất công trình thủy lợi, đất khai thác vật liệu xây dựng, một số đất khác không phải rừng trong lâm phần như đường giao thông, sông suối.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Thực hiện 18,64 ha/35,12 ha, đạt 74,2%, thấp hơn điều chỉnh quy hoạch 6,48 ha, diện tích thấp hơn do điều chỉnh theo số liệu kiểm kê hiện trạng sử dụng đất năm 2019

- Đất nông nghiệp khác: Thực hiện 32,55 ha/41,07 ha, đạt 79,25%, thấp hơn điều chỉnh quy hoạch 8,52 ha, Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt, diện tích đất nông nghiệp khác tăng 6,97 ha, thưc tế diện tích không tăng mà còn giảm do điều chỉnh lại diện tích theo số liệu kiểm kê hiện trạng năm 2019.

***c) Đất phi nông nghiệp:*** Thực hiện 3.688,49 ha/3.794,44 ha, đạt 97,21%, thấp hơn 105,95 ha so với điều chỉnh QHSD đất được phê duyệt. Chủ yếu là chưa thực hiện một số dự án như: Đất quốc phòng, Cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh, Mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh, Hồ chứa nước suối Đá, các hhu dân cư như Bãi Nha, Xuân Ba, Mỹ Hưng xã Hành Thịnh; Khu dân cư chợ Đại An xã Hành Thuận; khu dân cư trung tâm xã Hành Thiện.

- Đất quốc phòng: Thực hiện 57,77 ha/96,85 ha, đạt 59,65% thấp hơn 39,08 ha. Theo điểu chỉnh quy hoạch dự kiến đất quốc phòng tăng 39,38 ha để thực hiện các dự án thao trường, bãi tập của cơ quan Quân sự huyện và Trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban CHQS huyện Nghĩa Hành *(xã Hành Thịnh)* đến nay đã thực hiện nhưng tiếp tục đưa vào chu chuyển quỹ đất vì vậy làm tăng diện tích lên 2 lần.

- Đất an ninh: Thực hiện 1 ha/1,14 ha, đạt 87,72%, thấp hơn 0,14 ha. Theo điều chỉnh quy hoạch diện tích dự kiến mở rộng là 0,3 ha để xây dựng nhà làm việc công an thị trấn Chợ Chùa nhưng thực tế chỉ thực hiện 0,16 ha, trong đó xây dựng nhà làm việc công an xã Hành Thịnh 0,09 ha *(bổ sung để thực hiện đề án đưa công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã)* và nhà làm việc công an thị trấn Chợ Chùa 0,07 ha.

- Đất cụm công nghiệp: Thực hiện 13,54 ha/13,19 ha, đạt 102,65%, cao hơn 0,35 ha. Theo điều chỉnh quy hoạch diện tích dự kiến quy hoạch tăng thêm 4 ha để mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh, thực tế mở rộng lớn hơn so với quy hoạch 0,35 ha *(bổ sung diện tích nhà máy Vinatex)*.

- Đất thương mại, dịch vụ: Thực hiện 1,64 ha/33,44 ha, đạt 4,87%, thấp hơn 31,81 ha. Diện tích thực hiện thấp do đã thực hiện dự án khu du lịch Suối Chí *(xã Hành Tín Đông)* nhưng số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2020 chưa thống kê vào đất thương mại.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Thực hiện 17,27 ha/17,35 ha, đạt 99,54%, thấp hơn 0,08 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch không đề xuất danh mục công trình, dự án đất cơ sở sản xuất, diện tích thấp hơn do sai số trong kiểm kê năm 2019.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: Thực hiện 14,39 ha/15,21 ha, thấp hơn 0,82 ha. Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, giai đoạn 2016-2020, đất sản xuất vật liệu xây dựng của huyện không biến động. Diện tích thấp hơn là do sai số trong kiểm kê đất đai năm 2019.

- Đất phát triển hạ tầng: Thực hiện 1.525,42 ha/1.127,41 ha, đạt 135,3%, cao hơn 398,01 ha so với điều chỉnh QHSD đất được phê duyệt. Diện tích đất hạ tầng đạt cao do thực hiện các dự án về giao thông, hạ tầng nông thôn mới, hạ tầng đô thị *(đường tránh phía Đông, đường tránh lũ Hành Tín Đông - Hành Thiện – Hành Thịnh, Hạ tầng các khu dân cư Đồng Dinh, Đồng Xít, Đồng Chợ, Kè chống sạt lở bờ Nam Sông Vệ* …*)*

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Thực hiện 9,33 ha/11,77 ha, đạt 79,27%, thấp hơn 2,44 ha. Diện tích thấp hơn do chuyển một số công trình nhà sinh hoạt cộng đồng thôn không còn sử dụng do sáp nhập thôn sang đất khác, bên cạnh đó một số công trình dự kiến quy hoạch thực tế xây dựng có quy mô nhỏ hơn.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Thực hiện 1,16 ha/0,64 ha, đạt 181,25%, cao hơn 0,52 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch không có danh mục công trình mở rộng diện tích đất khu vui chơi giải trí, diện tích thực hiện cao hơn là do thực hiện các hạng mục công viên trong các dự án khu dân cư đô thị, khu trung tâm xã *(các danh mục công trình khu dân cư đề xuất tổng mặt bằng bao gồm cả hạ tầng trong khu dân cư)*.

- Đất ở tại nông thôn: Thực hiện 1.007,91 ha/976,71 ha, đạt 103,19%, cao hơn 31,20 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đất ở tại nông thôn được đề xuất tăng 6,75 ha để mở rộng khu dân cư. Kết quả đã thực hiện 31,20 ha. Diện tích đạt cao hơn là do có sự sai khác khi thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019.

- Đất ở tại đô thị: Thực hiện 101,61 ha/83,79 ha, đạt 121,27%, cao hơn 17,82 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch diện tích đất ở đô thị đề xuất tăng lên 4,81 ha, thực tế tăng 17,82 ha, ngoài việc thực hiện các dự án khu dân cư đô thị như Đồng Dinh, Đồng Xít, Đồng Chợ, chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân làm tăng diện tích, còn do có sự sai khác khi thực hiện kiểm kê đất đai năm 2019.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Thực hiện 9,64 ha/10,93 ha, đạt 88,20%, thấp hơn 1,29 ha, diện tích thấp hơn do thực hiện điều chỉnh số liệu thống kê đúng với mục đích sử dụng đất *(một số xã nhà sinh hoạt cộng đồng thống kê vào đất trụ sở)* theo số liệu kiểm kê 2019, đồng thời thực hiện xử lý một số công trình trụ sở dôi dư sang đấu giá quyền sử dụng đất.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Thực hiện 5,01 ha/5,09 ha; đạt 98,32%, thấp hơn 0,08 ha. Diện tích thấp hơn do điều chỉnh theo số liệu kiểm kê hiện trạng sử dụng năm 2020

- Đất tín ngưỡng: Thực hiện 5,63ha/5,79 ha, cao hơn 0,15 ha. Do điều chỉnh số liệu kiểm kê 2019 ở một số khoanh đất xác định sai trong kỳ kiểm kê trước tại các xã Hành Trung, Hành Nhân.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Thực hiện 840,17 ha/870,39 ha, đạt 96,53%, thấp hơn 30,22 ha. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được được phê duyệt giảm 8,36 ha để thực hiện công trình, dự án; kết quả thực hiện giảm 38,58 ha. Diện tích thực tế thấp hơn quy hoạch được phê duyệt chủ yếu là cập nhật kết quả kiểm kê năm 2019 do xác định lại ranh giới tiếp giáp với khu vực các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Minh Long; chuyển sang cây hàng năm, đất chưa sử dụng *(các khu vực bãi bồi ven sông)*.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Thực hiện 72,83 ha/66,67 ha, đạt 109,24%, cao hơn 6,16 ha. Diện tích thực hiện cao hơn do cập nhật theo số liệu kiểm kê 2019.

- Đất phi nông nghiệp khác: Thực hiện 4,02 ha/0,9 ha, đạt 446,67%, cao hơn 3,12 ha. Diện tích thực hiện cao hơn do cập nhật theo số liệu kiểm kê 2019 *(đất dự phòng phát triển hạ tầng trong các dự án khu dân cư).*.

***d). Đất chưa sử dụng*:** Thực hiện 113,26 ha/201,59 ha, thấp hơn 88,33 ha. Tỷ lệ đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đạt 177,99%, cho thấy giai đoạn 2016-2020, huyện đã khai thác tốt đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp *(trồng cây lâu năm, trồng rừng)*.

# **3.1.3. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2011-2020** *(Chi tiết xem phụ biểu 03)*

***a) Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:*** Diện tích thực hiện 263,31/415,4 ha, đạt 63,39% so với quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt *(thấp hơn 152,09 ha),* cụ thể:

- Đất trồng lúa: Chuyển 40,98/67,87 ha, đạt 60,38% so với quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt *(thấp hơn 26,89 ha).*

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích thực hiện 74,02 ha/15,92 ha; thực hiện đạt 465,24% *(cao hơn 58,11 ha)*. Diện tích thực hiện cao hơn do giai đoạn 2011 – 2015 không đề xuất chuyển mục đích loại đất này trong khi một việc thực hiện nhiều danh mục công trình về phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, hạ tầng giao thông lớn, bên cạnh đó việc điều chỉnh số liệu kiểm kê cũng làm biến động lớn loại đất này.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển 91,48/124,33 ha, đạt 73,58% *(thấp hơn 32,85 ha).*

- Quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch không đề xuất chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên trong kỳ đã thực hiện chuyển mục đích 0,15 ha.

Như vậy, so với phương án quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được duyệt; trong những năm qua, mức độ chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển không gian đô thị, mở rộng khu dân cư nông thôn, xây dựng cụm công nghiệp, khu du lịch… vẫn đạt ở mức thấp, cho thấy một số dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp lớn vẫn chưa thực hiện được.

***b) Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:*** Diện tích thực hiện 156,33 ha/45,13 ha, đạt 346,4% *(cao hơn 111,2 ha)* so với quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt chủ yếu là đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng do điều chỉnh số liệu kiểm kê hiện trạng sử dụng đất *(rà soát kiểm kê đất rừng).*

***c) Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở:*** Diện tíchthực hiện 6 ha/2,76 ha, đạt 217,39% so với quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt *(cao hơn 3,24 ha)*, diên tích cao hơn chủ yếu do thực hiện đấu giá một số công trình công cộng theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm và điều chỉnh số liệu kiểm kê hiện trạng sử dụng đất*.*

# **3.1.4. Đánh giá kết quả khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp thời kỳ 2011-2020** *(Chi tiết xem phụ biểu 04)*

Tổng diện tích đất chưa sử dụng khai thác sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp 1.691 ha/878,12 ha, đạt 192,57% so với quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt, cao hơn 812,88 ha *(diện tích đưa vào sử dụng cao hơn nhiều so với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được duyệt ngoài việc khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng thì việc điều chỉnh số liệu qua 2 kỳ kiểm kê hiện trạng sử dụng đất cũng làm giảm diện tích đất chưa sử dụng)*. Trong đó, giai đoạn 2011 -2021 là 1.599,65 ha/877,14 ha và giai đoạn 2016-2020 là 91,45 ha/0,98 ha. Đưa vào sử dụng các mục đích:

- Đất chưa sử dụng khai thác vào mục đích nông nghiệp 1.670,10 ha/835,02 ha, đạt 200,01%, bao gồm: Khai thác sử dụng sản xuất lúa 5,54 ha, đất trồng cây hàng năm 751,34 ha, đất trồng cây lâu năm 272,46 ha, đất rừng phòng hộ 11,12 ha và rừng sản xuất 629,64 ha. Diện tich đưa vào sử dụng lớn chủ yếu do điều chỉnh số liệu kiểm kê hiện trạng sử dụng đất.

- Đất chưa sử dụng khai thác vào mục đích phi nông nghiệp 20,9/43,1 ha, đạt 48,49%, bao gồm: đất làm vật lệu xây dựng 1,81 ha; đất phát triển hạ tầng các cấp 6,01 ha; đất sông ngòi, kênh rạch, suối 6,02 ha.

# **3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.**

## 3.2.1. Những mặt đạt được

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 – 2020 *(điểu chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020)* của huyện đạt kết quả khá, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, ̣phát triển hạ tầng, các cơ sở sản xuất, dịch vụ, mở rộng đô thị, khu dân cư nông thôn. Trong đó:

- Đối với nhóm đất nông nghiệp: có 03/08 chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt: đất chuyên trồng lúa đạt 100,05%; đất trồng cây hàng năm khác đạt 100,05%; đất trồng cây lâu năm 115,96%. Đất sản xuất nông nghiệp *(lúa, cây hàng năm, cây lâu năm)* được sử dụng khá triệt để, hợp lý và hiệu quả, các chỉ tiêu đều giảm thấp hơn so với chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt. Việc chuyển mục đích đất nông nghiệp sử dụng sang các mục đích phi nông nghiệp đạt kết quả chưa cao, một số công trình đang từng bước triển khai hoặc một số công trình diện tích thực hiện thấp hơn nhiều so với diện tích công trình dự án đăng ký chuyển mục đích.

- Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:

+ Có 13/30 *(43,33%)* chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đạt bằng hoặc cao hơn với chỉ tiêu được duyệt: đất cụm công nghiệp; đất phát triển hạ tầng; đất xây dựng cơ sở y tế; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao; đất năng lượng; đất bưu chính viễn thông; đất khu vui chơi giải trí công cộng; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị, đất tín ngưỡng, đất có mặt nước chuyên dùng; đất phi nông nghiệp khác.

+ Có 13/30 *(43,33%)* chỉ tiêu của đất phi nông nghiệp đạt ở mức 70 - 99% chỉ tiêu được duyệt là: đất an ninh; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; đất thủy lợi; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo; đất di tích lịch sử, văn hóa; đất tôn giáo; đất làm nghĩa trang; đất chợ; đất sinh hoạt cộng đồng; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất trụ sở đơn vị sự nghiệp; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

+ Có 3/30 *(10%)* chỉ tiêu của đất phi nông nghiệp đạt ở mức 50 - 70% chỉ tiêu được duyệt là: đất quốc phòng; đất xây dựng cơ sở văn hóa; đất bãi thải, xử lý đất thải.

+ Chỉ tiêu đất thương mại đạt dưới 50% *(3,34%)*.

- Đối với chỉ tiêu đất chưa sử dụng: Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đã khai thác có hiệu quả quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đáp ứng nhu cầu đất sản xuất và tăng cường bảo vệ môi trường sinh thái.

Nhìn chung việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới khu dân cư nông thôn và đô thị. Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu mục đích sử dụng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất trồng lúa.

Giải quyết được nhu cầu đất ở cho người dân do dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học hoặc tái định cư khi giải tỏa để xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế, tạo điều kiện tốt hơn cho nhân dân ổn định cuộc sống.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thực sự trở thành công cụ pháp lý hết sức quan trọng cho quản lý Nhà nước về đất đai; nhất là đối với công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Các cấp chính quyền và ngành quản lý đất đai đã chú trọng, tăng cường quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch; kiên quyết xử lý và ngăn chặn tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc tăng cường quản lý đối với thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần quan trọng đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương đi vào nề nếp.

## 3.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân

Quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước, bên cạnh  
những kết quả đã đạt được, đảm bảo đúng tiến độ về mặt thời gian cũng như các  
nội dung kế hoạch đề ra, còn tồn tại một số vấn đề bất cập như:

- Xác định lại diện tích trong kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 kéo theo các chỉ tiêu kết quả thực hiện không phản ánh đúng thực tế như: đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất quốc phòng, đất an ninh, đất khu công nghiệp, đất thương mại; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất xây dựng cơ sở văn hóa; đất có di tích lịch sử văn hóa, đất cơ sở tôn giáo, đất sông, ngòi, suối, kênh rạch...

- Tình hình phát triển kinh tế xã hội những năm vừa qua của tỉnh Quảng Ngãi và huyện Nghĩa Hành có nhiều biến động kéo theo nhu cầu sử dụng đất của các ngành thay đổi, do đó một số công trình, dự án không còn phù hợp và một số dự án phát sinh so với quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

- Phương án quy hoạch chưa dự báo sát tình hình thực tế, còn mang nặng tính chủ quan; quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; thiếu tính đồng bộ trong các quy hoạch *(quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất*…*)* dẫn đến chồng chéo… nên phải nhiều lần điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phù hợp với thực tiễn.

- Do thiếu vốn đầu tư nên nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đã không thực hiện  
theo kế hoạch hoặc thực hiện với tiến độ chậm. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các chỉ tiêu sử dụng đất không đạt quy hoạch phê duyệt.

- Các nhà đầu tư sau khi được thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình còn chậm làm các thủ tục theo quy định để Nhà nước thu hồi, giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình, dự án.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả, trong đó có hai khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện nhất là những công trình dự án từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và sự bất cập khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến công trình, dự án kéo dài tiến độ thực hiện.

- Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch ở một số địa phương đặc biệt là trong khu vực đô thị chưa được quan tâm đúng mức, vẫn còn xảy ra tình trạng lấn chiếm đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép hoặc không xin phép, tọa độ mốc giới quy hoạch đô thị chưa được xác định ngoài thực địa dẫn đến việc đo đạc xác định mốc giới tùy tiện ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và gây lãng phí trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Thủ tục hành chính trong việc thu hồi đất giao đất, cho thuê đất, thu hồi  
đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất còn phức tạp, chậm được cải cách.

# 3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới

Quy hoạch sử dụng đất phải được lập và phê duyệt sát với thực tiễn trên cơ sở phân tích, dự báo có tính khoa học nhu cầu đầu tư các dự án đầu tư có sử dụng đất và có tính đến sự vận động của thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản.Việc xác định nhu cầu sử dụng đất cần cân nhắc kỹ, phù hợp với khả năng bố trí nguồn vốn để thực hiện, tránh tình trạng dự án treo, làm lãng phí nguồn tài nguyên đất và ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của người dân.

Cần phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong việc lập và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác đảm bảo đồng bộ, thống nhất; nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch các ngành phải phù hợp với khả năng đáp ứng quỹ đất của quy hoạch sử dụng đất.

Muốn quy hoạch sử dụng đất thực sự là công cụ pháp lý quan trọng cho quản lý Nhà nước về đất đai thì phải tăng cường quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh, kiên quyết các hành vi vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Các cấp, các ngành cần huy động mọi nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện  
các công trình, dự án đã đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch  
sử dụng đất để đạt được mục tiêu phát triển của từng ngành, lĩnh vực đề ra; góp  
phần thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh trong từng giai đoạn phát triển.

Quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan đến sử dụng đất phải  
thống nhất với quy hoạch sử dụng đất và ngược lại quy hoạch sử dụng đất phải  
được xây dựng, tổng hợp trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực theo quy định của Luật Đất đai. Các ngành cần phối hợp chặt chẽ với ngành Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định nhu cầu sử dụng đất và trong việc xây dựng quy hoạch phát triển ngành.

Đổi mới công tác lập quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng tiếp cận phương pháp tiên tiến; quan tâm đến vấn đề kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu; tạo sự đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng; có phân tích không gian nhu cầu sử dụng đất; công khai và tham vấn các bên liên quan trong quá trình lập quy hoạch.

# IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

Việc đánh giá đúng tiềm năng đất đai về số lượng và chất lượng thích hợp với từng mục đích sử dụng có ý nghĩa quan trọng, nhằm tạo ra những căn cứ chính xác định hướng sử dụng đất trên cơ sở khai thác sử dụng quỹ đất đai hợp lý, hiệu quả, phù hợp với các thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Về mặt tổng quan có thể nhận thấy trong tổng quỹ đất tự nhiên của huyện, diện tích đất đã khai thác đưa vào sử dụng cho các mục đích dân sinh kinh tế là 23.335,29 ha, chiếm 99,52% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó:

Đất nông nghiệp có 19.646,8 ha, chiếm 83,79% diện tích tự nhiên. Năng suất sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi cao hơn mức bình quân chung của tỉnh, tuy nhiên hiệu quả sản xuất vẫn chưa cao, cần có những giải pháp hữu hiệu nhằm điều chỉnh những bất hợp lý trong cơ cấu cây trồng vật nuôi, kết hợp với những ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phù hợp với yêu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu ngày càng khốc liệt.

Đất phi nông nghiệp hiện chỉ có 3.688,49 ha, chiếm 15,73% diện tích đất tự nhiên, mặc dù huyện đã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, nhưng nhu cầu đầu tư phát triển hạ tầng khu dân cư nông thôn, hạ tầng đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp, thương mại dịch vụ còn rất lớn cần phải phân bổ quỹ đất để phát triển nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đặt ra cho thời kỳ 2021-2030.

Đất chưa sử dụng được xem là nguồn tiềm năng có thể khai thác vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay qũy đất này còn rất ít và khả năng khai thác sử dụng tương đối hạn chế *(chủ yếu là đất bãi bồi ven sông; đất nằm* *rải rác, manh mún trong khu sản xuất)*; diện tích còn 113,26 ha, chiếm 0,48% diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó tập trung chủ yếu ở xã Hành Tín Đông (50,4 ha), còn lại ở các xã khác bình quân khoảng 7-8 ha/xã.

# **4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp**

## 4.1.1. Tiềm năng đối với đất sản xuất nông nghiệp

Đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, Để sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững và bảo vệ tài nguyên đất, tránh xói mòn rửa trôi đất canh tác thì đất sản xuất nông nghiệp chỉ nên giới hạn sản xuất trong khoảng độ dốc và tầng dày lớp đất canh tác như sau :

- Về độ dốc : Đất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp chỉ lấy đến độ dốc cấp III (8-15 độ) để trồng cây lâu năm.

Về độ dày tầng đất canh tác, địa hình tương đối :

+ Đất trồng lúa nước: phát triển trên các vùng đất có địa hình tương đối thấp đến cao, có nguồn nước tưới tự chảy.

+ Cây hàng năm khác : độ dốc dưới 8 độ, có tầng canh tác dày từ 30 cm trở lên.

+ Đất trồng cây cây lâu năm: độ dốc dưới 15 độ, có tầng canh tác dày trên 50 cm.

+ Đất đồng cỏ chăn nuôi: tận dụng các vùng đất bằng đến độ dốc 15 độ, tầng đất mỏng để cải tạo dần làm đồng cỏ chăn thả (dê, bò, trâu) để phát triển chăn nuôi gia súc có sừng.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: phát triển trên các vùng đất có địa hình trũng, thấp, gần nguồn cấp nước và dễ thoát nước, ...

Căn cứ vào yêu cầu sinh lý, sinh thái của các loại cây trồng chính trên địa bàn huyện, trong tỉnh và các vùng lân cận về khí hậu, đất đai, chế độ nước, độ dốc, tầng dày lớp đất canh tác,... theo tiêu chuẩn phân hạng thích nghi đất đai của FAO để xác định quỹ đất có khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp, nông - lâm kết hợp toàn huyện.

+ Đất lâm nghiệp: Ngoài những vùng đất thích hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp khác; những vùng đất còn lại (có độ dốc trên 15 độ, tầng đất canh tác mỏng dưới 30 cm) đều dành cho phát triển lâm nghiệp.

Căn cứ vào kết quả dự án “ Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất lần đầu; Điều tra, phân hạng đất lần đầu; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Quảng Ngãi thì diện tích điều tra, đánh giá mức độ thích hợp, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện Nghĩa Hành như sau:

Biểu 6: Tổng hợp mức độ thích hợp của mục đích sử dụng đất hiện tại

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục đích sử dụng** | **Mức độ thích hợp hiện tại (ha)** | | | **Tổng số *(ha)*** |
| **Rất thích hợp (H1)** | **Thích hợp (H2)** | **Ít thích hợp (H3)** |
|  | **Tổng cộng** | **6.246,20** | **10.657,40** | **2.711,30** | **19.615,20** |
| 1 | Lúa | 1.084,50 | 1.983,00 | 495,4 | 3.562,90 |
| 2 | Cây hàng năm | 1.702,40 | 1.109,60 | 173,4 | 2.985,50 |
| 3 | Cây lâu năm | 974,4 | 1.736,30 | 131,4 | 2.842,10 |
| 4 | Rừng phòng hộ | 915,8 | 106,1 |  | 1.022,00 |
| 5 | Rừng sản xuất | 1.551,70 | 5.722,40 | 1.909,90 | 9.184,10 |
| 6 | Nuôi trồng thủy sản | 17,4 |  | 1,2 | 18,6 |

##### Nguồn: Báo cáo Điều tra Phân hạng đất nông nghiệp lần đầu tỉnh Quảng Ngãi - Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2021 (diện tích điều tra không tính đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng).

Diện tích đất rất thích hợp (H1) có 6.246,2 ha, chiếm 31,84% tổng diện tích điều tra. Diện tích đất thích hợp (H2) có 10.657,4 ha, chiếm 54,33% tổng diện tích điều tra. Diện tích đất ít thích hợp có 2.711,3 ha, chiếm 13,82% tổng diện tích điều tra.

Năm 2020, diện tích đất nông nghiệp huyện đang sử dụng 19.646,8 ha. Tiềm năng đất đai có khả năng khai thác vào mục đích nông nghiệp *(sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp khác)* huyện đã khai thác hết. Trong những năm tới diện tích đất nông nghiệp sẽ giảm dần do quá trình đô thị hóa, phát triển khu dân cư nông thôn, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng,... vì vậy phải phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

# **4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp**

Đối với huyện Nghĩa Hành, tiềm năng mở rộng đất phi nông nghiệp còn nhiều nhằm đáp ứng nhu cầu đô thị hoá, công nghiệp hoá để phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện cũng như tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên diện tích đất phi nông nghiệp mở rộng chủ yếu lấy từ đất nông nghiệp *(đất trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm khác, đất trồng lúa).*

## 4.2.1. Tiềm năng phát triển công nghiệp

Nghĩa Hành với vị trí gần thành phố Quảng Ngãi, hạ tầng giao thông kết nối thuận lợi, đồng thời có nguồn nguyên liệu nông lâm sản, khoáng sản làm vật liệu xây dựng và nguồn lực lao động khá dồi dào là tiềm năng để phát triển công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp phụ trợ *(dệt may, da dày, sản xuất hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng…)*.

Theo Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, tại Nghĩa Hành sẽ hình thành và phát triển 2 cụm công nghiệp, trong đó: Cụm công nghiệp Đồng Dinh hiện tại đã hình thành và phát triển với diện tích sử dụng đất 13,54 ha và quy mô mở rộng đạt 30 ha vào năm 2030; với các ngành hàng chính là: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ, trang trí nội thất; sản xuất hàng dệt và may mặc; nhà công nghiệp, phân bón; sản xuất vật liệu xây dựng và ngành công nghiệp phụ trợ; mộc dân dụng; chế biến nông - lâm sản; nguyên liệu giấy, ván ghép và Cụm cộng nghiệp Hành Đức - Hành Minh có diện tích mặt bằng dự kiến 23,7 ha, ngành hàng thu hút đầu tư gồm chế biến nông lâm sản và sản xuất vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó với lợi thế là địa phương có nhiều ngành nghề truyền thống nên có huyện có tiềm năng trong việc thu hút đầu tư để hình thành và phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp.

Ngoại ra với tiềm năng lớn về nguồn nguyên vật liệu xây dựng thông thương *(đất san lập, đá làm vật liệu, cát làm vật liệu)* giúp cho huyện trong việc thu hút đầu tư phát triển công nghiệp khai thác vật liệu xây dựng phục vụ cho nhu cầu xây dựng kết cấu hạ của địa phương trong giai đoạn 2021- 2030, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu vật liệu cho việc xây dựng tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Bình Định đi qua địa bàn huyện.

## 4.2.2. Tiềm năng phát triển đô thị, các khu dân cư nông thôn

Tiềm năng đất đai để phát triển đô thị, xây dựng các khu dân cư trên địa bàn được xác định dựa trên các tiêu chí *(mức độ thuận lợi)*, bao gồm:

- Vị trí phân bố không gian.

- Các yếu tố điều kiện tự nhiên, bao gồm: Độ dốc địa hình, địa chất, cường độ chịu nén của đất, thủy văn và khí hậu.

- Công năng của đất *(sức chịu tải về dân số, các loại công trình kiến trúc)*.

- Điều kiện cơ sở hạ tầng và phương thức sử dụng đất đai hiện tại.

Đối với tiềm năng phát triển đô thị: Khi nghiên cứu đánh giá thực trạng quỹ đất đai, đối chiếu so sánh với các tiêu chí về mức độ thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi cho thấy tiềm năng đất đai thích hợp để phát triển, mở rộng không gian đô thị thị trấn Chợ Chùa. Theo quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành và Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chùa, quy hoạch đến năm 2030 theo chuẩn đô thị loại V, với tổng diện tích đất đô thị là 753,46 ha, trong đó đất xây dựng đô thị 330,46 ha, chiếm 43,7% *(dân dụng 167,73 ha và đất ngoài dân dụng 162,73 ha),* để đạt được quy mô trên ngoài việc chỉnh trang khu vực nội thị để đảm bảo cảnh quan, đồng thời kết hợp với việc mở rộng không gian đô thị theo các trục giao thông chính là trục tỉnh lộ 624 và tỉnh lộ 628, tiếp tục phát triển các khu dân cư đô thị như: Đồng Dinh giai đoạn 2, Khu dân cư dọc đường tránh Đông (ĐH59c)…

Đối với khu dân cư nông thôn: Căn cứ quy định về hạn mức đất ở theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019, nhu cầu đất ở trong tương lai và thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn của huyện, trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu, thực hiện rà soát qũy đất xen kẽ trong khu dân cư để quy hoạch chỉnh trang cải tạo, sắp xếp lại dân cư theo hướng hình thành khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu với trọng tâm là quy hoạch xây dựng các khu trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung, thực hiện khép kín các khu dân cư trên cơ sở khai thác lợi thế về hạ tầng giao thông kết nối, các hạ tầng kỹ thuật - xã hội chung để nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng hiện có, khai thác có hiệu quả quỹ đất, tăng thu ngân sách địa phương. Bên cạnh đó, thực hiện việc quy hoạch các khu tái định cư phục vụ cho nhu cầu của các hộ gia đình cá nhân mất đất khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng.

## 4.2.3. Tiềm năng đất đai phục vụ cho việc phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch

Với lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên cũng như cảnh quan thiên nhiên *(Suối nước nóng Hành Nhân, Suối chí – Hành Tín Đông, Bàu Hữu – Hành Trung, Cánh đồng sen La Băng – Hành Thịnh…)*, các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng *(Quần thể di tích Trường Lũy, Làng cổ Thiên Xuân, Trụ sở Ủy ban kháng chiến Nam Trung Bộ*, *di tích lịch sử Khánh Giang - Trường Lệ, di tích chiến thắng tại núi Đình Cương, Đình Làng An Đinh…)* cùng với văn hóa bài chòi và lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc... bên cạnh đó với hệ thống các vườn cây ăn quả đặc sản tạo cho Nghĩa Hành có nhiều thuận lợi để phát triển ngành du lịch với nhiều loại hình đa dạng như: du lịch sinh thái cộng động, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, lễ hội.

Khai thác sự đa dạng, phong phú về tài nguyên du lịch sẽ là thế mạnh góp phần tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ của huyện trong tương lai. Vì vậy, trong những năm tới các khu vực thị trấn Chợ Chùa, các khu trung tâm cụm xã, trung tâm xã… tiếp tục được ưu tiên đầu tư phát triển mạnh về cơ sở hạ tầng, các công trình vui chơi giải trí, phục vụ cho du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Ngoài ra, các hoạt động dịch vụ thương mại của huyện sẽ tiếp tục được đầu tư phát triển tập trung ở khu vực trung tâm, khu vực đô thị với hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng, trung tâm thương mại, công viên văn hóa; hệ thống dịch vụ có quy mô nhỏ sẽ được củng cố mở rộng, phát triển trong các khu dân cư...

# Phần III

# PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

# I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

# **1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.**

Giữ vững và nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới; tiếp tục hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu của huyện nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tăng năng suất lao động, tăng giá trị trên đơn vị diện tích, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh sản phẩm. Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo bước vững chắc để đẩy nhanh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại- dịch vụ. Tiếp tục gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tăng cường công tác quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng huyện Nghĩa Hành phát triển toàn diện, bền vững.

# 1.2. Quan điểm sử dụng đất

## 1.2.1. Khai thác triệt để và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất đai

Khai thác tối đa tiềm năng quỹ đất chưa sử dụng vào mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp. Thường xuyên rà soát và kiểm tra tình hình sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng quy hoạch, kế hoạch gây lãng phí quỹ đất, vi phạm luật đất đai. Quản lý và sử dụng đất phải theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 1.2.2. Đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển khu dân cư, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trên cơ sở chuyển đổi mục đích và điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất

- Trên cơ sở dự báo phát triển các ngành kinh tế - xã hội, tính toán nhu cầu sử dụng đất và bố trí đủ quỹ đất xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển khu dân cư với mức sống có chất lượng cao, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh một cách hợp lý và có hiệu quả cao.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất và điều chỉnh những bất hợp lý trong sử dụng đất đai: Cần xác định rõ mục đích sử dụng đất sau chuyển đổi để từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá hiệu quả về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường trước và sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng. Nguyên tắc chuyển đổi là mục đích sử dụng đất mới phải có hiệu quả cao hơn mục đích sử dụng đất cũ. Đối với những trường hợp bắt buộc phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất *(phục vụ an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia công cộng,...)* cần phải có những chính sách đền bù, giải toả phù hợp, đồng thời khai thác đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng để bù lại diện tích đất đã bị chuyển đổi mục đích sử dụng (đặc biệt đối với đất chuyên trồng lúa nước). Quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất phải tuân theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Đối với những vùng đất trong quá trình sử dụng xuất hiện những bất hợp lý, không phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới hoặc bị ảnh hưởng của thiên tai thì cần phải thực hiện điều chỉnh lại quy hoạch để làm cơ sở chuyển đổi mục đích sử dụng hợp lý và hiệu quả hơn.

## 1.2.3. Sử dụng hợp lý và bền vững quỹ đất sản xuất nông nghiệp trên cơ sở bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, giữ lại diện tích đất chuyên trồng lúa nước ở mức hợp lý góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia

- Đất sản xuất nông nghiệp: phải sử dụng cho phù hợp với khả năng thích nghi của từng loại cây trồng: cây lúa nước, cây hàng năm khác, cây lâu năm; cây có tưới, cây chịu hạn,… với từng loại đất và đặc điểm khí hậu của từng tiểu vùng. Vì vậy trong quá trình sử dụng đất cần thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với thực tiễn sản xuất, thị trường tiêu thụ và đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng *(giao thông, thuỷ lợi,.)* để việc sử dụng đất sản xuất nông nghiệp ngày càng hợp lý và bền vững, mang lại hiệu quả cao. Đối với những vùng đất dốc cần áp dụng phương pháp canh tác tiên tiến, tăng cường mật độ che phủ, hạn chế mức thấp nhất tình trạng xói mòn, rửa trôi đất. Đối với những vùng thiếu nước tưới cần chuyển đổi hệ thống cây trồng phù hợp, tăng diện tích cây trồng chịu hạn, bảo vệ thảm thực vật bề mặt để giữ ẩm cho đất.

- Diện tích đất chưa sử dụng của huyện còn rất ít do vậy để đáp ứng các nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tất yếu sẽ phải chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Nhằm đảm bảo ổn định đời sống của dân cư vấn đề an sinh xã hội phải cần được quan tâm nhất là việc bồi thường tái định cư, đào tạo, chuyển đổi nghề cho nông dân để tránh những hậu quả tiêu cực. Đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng vật nuôi, nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích.

## 1.2.4. Làm giàu và bảo vệ môi trường đất đai để sử dụng ổn định lâu dài

Để làm giàu và bảo vệ môi trường đất, trong quá trình canh tác phải hạn chế dùng các chất hoá học độc hại làm ảnh hưởng đến môi trường đất, huỷ diệt các vi sinh vật trong đất và ảnh hưởng đến chất lượng nông sản. Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải và nước thải để hạn chế ô nhiễm môi trường. Đầu tư nâng cấp các công kè để chống sạt lở làm mất đất; tăng cường bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng để hạn chế lũ lụt, rửa trôi đất canh tác và hạn chế làm đất bị thoái hóa, bạc màu. Khuyến khích nhân dân phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch. ,...

# 1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

## 1.3.1. Định hướng chung

Theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035, gồm 5 vùng kiểm soát phát triển chính tương ứng với vai trò tính chất của mỗi khu vực như sau:

- Vùng phát triển đô thị *(2 đô thị trong đó đô thị hiện hữu là Chợ Chùa và phát triển đô thị mới Hành Thiện sau năm 2030)* trong đó đến năm 2030 đô thị Chợ Chùa quy hoạch theo chuẩn đô thị loại 5, giữ vai trò vừa là đô thị hạt nhân, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Nghĩa Hành, là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực, là đô thị vệ tinh phía Tây Nam thành phố Quảng Ngãi.

- Vùng phát triển nông lâm thủy sản: Tập trung tái cơ cấu ngành theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng với trọng tâm là phát triển vùng trồng lúa chất lượng cao, vùng trồng cây ăn quả, vùng rau an toàn, vùng lâm nghiệp, vùng phát triển thủy sản và vùng kinh tế trang trại.

- Vùng phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch: Với định hướng du lịch sinh thái cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch nghỉ dướng, vui chơi giải trí.

- Vùng phát triển công nghiệp: Gồm cụm công nghiệp phía Bắc với trung tâm là cụm công nghiệp Đồng Dinh *(công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông lâm sản, hóa chất, cơ khí chế tạo, hàng tiêu dùng, công nghệ sinh học, các sản phẩm làng nghề truyền thống)* và vùng công nghiệp phía Nam với trung trâm là cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh *(chế biến nông lâm sản, cơ khí, vật liệu xây dựng)*

- Vùng phát triển điểm dân cư nông thôn: Mô hình trung tâm cụm xã, trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung đáp ứng tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.

*(Nguồn: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 định hướng đến năm 2035)*

## 1.3.2. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

## *a)* ***Đất đô thị (KDT)***

Đất đô thị được tính theo tổng diện tích tự nhiên của thị trấn Chợ Chùa với diện tích 753,46 ha, chiếm 3,21% diện tích tự nhiên toàn huyện, với tính chất vừa là đô thị hạt nhân, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Nghĩa Hành, là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực, là đô thị vệ tinh phía Tây Nam thành phố Quảng Ngãi, quy hoạch theo tiêu chuẩn đô thị loại V.

## *b) Khu sản xuất nông nghiệp (KNN)*

## - Khu vực chuyên trồng lúa nước của huyện tập trung ở trong vùng tưới chủ động của công trình thủy lợi Thạch Nham và một số công trình thủy lợi như hồ Hóc Cài, Cây Queen, Đập Làng, diện tích đất chuyên lúa phân bố hầu hết địa bàn các xã, thị trấn trong huyện, trong đó các tập trung lớn ở địa bàn các xã Hành Phước, Hành Đức, Hành Nhân, Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Dũng... Trong kỳ quy hoạch 2021-2030, ngoài việc chuyển sang để đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội *(hệ thống giao thông, phát triển đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp, khu tái định cư, khép kín khu dân cư…)* và một phần diện tích đất lỏm trong khu dân cư thiếu nước tưới sẽ chuyển sang đất ở để chỉnh trang khu dân cư. Đối với những vùng có chân ruộng cao, sản xuất lúa kém hiệu quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Dự kiến đất chuyên trồng lúa đến năm 2030 ổn định ở mức 3.311,88 ha.

## - Khu vực sản xuất cây lâu năm: Duy trì phát triển các vùng trồng cây lâu năm hiện có, thực hiện chuyển đổi giống và cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả tập trung với quy mô diện tích khoảng 700 ha vào năm 2025 và 950 - 1.000 ha vào năm 2030, trong đó vùng có quy mô lớn phân bố tại các xã Vùng phát triển tập trung được định hình tại các xã Hành Tín Tây, Hành Thịnh, Hành Tín Đông, Hành Nhân, Hành Thiện, Hành Thuận, Hành Dũng, Hành Đức các cây trồng chính gồm Bưởi da xanh, Sầu riêng, Chôm chôm, Mít. Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh để từng bước xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu trái cây Nghĩa Hành gắn phát triển vườn cây ăn quả kết hợp với du lịch cộng đồng, du lịch canh nông.

***c) Khu lâm nghiệp (KLN)***

*-* Khu vực rừng phòng hộ: Theo quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi thì khu vực rừng phòng hộ tập trung chủ yếu ở khu vực phía Tây Nam huyện tại các xã Hành Đức, Hành Thiện, Hành Tín Tây, chủ yếu là diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn của các công trình thủy lợi Hồ Hóc Cài, Hồ Cây Queen, Hồ Đập Làng, khu vực suối đá với tổng diện tích là 1.054,95 ha, chiếm 4,5% diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Khu vực rừng sản xuất:Theo quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi thì diện tích rừng sản xuất của huyện Nghĩa Hành phân bố trên địa bàn 9 xã gồm: Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Dũng, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Nhân, Hành Phước, Hành Đức, Hành Minh. Tổng diện tích sử dụng đất là 8.479,48 ha, trong đó đất có rừng tự nhiên là 1.804,72 ha, phân bố trên địa bàn 04 xã là Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Dũng, Hành Thiện.

***d) Khu phát triển công nghiệp (KPC)***

Khu phát triển công nghiệp trên địa bàn gồm 2 cụm công nghiệp gồm phía Bắc là cụm công nghiệp Đồng Dinh *(công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông lâm sản, hóa chất, cơ khí chế tạo, hàng tiêu dùng, công nghệ sinh học, các sản phẩm làng nghề truyền thống)* và vùng công nghiệp phía Nam với trung tâm là cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh *(chế biến nông lâm sản, cơ khí, vật liệu xây dựng)*. Tổng diện tích sử dụng đất khu cụm công nghiệp 53,7 ha.

***e) Khu đô thi (DTC)***

Khu đô thị gồm toàn bộ đất xây dựng khu đô thị hiện trạng và quy hoạch  
mở rộng tại thị trấn Chợ Chùa. Căn cứ quy hoạch chung và quy hoạch chi tết xây dựng thị trấn Chợ Chùa cũng như quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành, trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 khu đô thị Chợ Chùa sẽ phát triển trên cơ sở chỉnh trang đô thị hiện hữu kết hợp mở rộng theo các hương; theo trục Bắc - Nam bám theo đường ĐT 624 và đường Tránh Đông và theo hướng Đông Tây dọc theo đường tỉnh ĐT628 và đường huyện ĐH54*.* Tổng diện tích đất khu đô thị 405,13 ha.

***f) Khu dân cư nông thôn (DNT)***

Cơ bản giữ nguyên hình thái phân bố các điểm dân cư nông thôn *(thôn xóm)* truyền thống theo cụm, tuyến, điểm. Quy mô có 11 xã, với dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 82.564 người, chiếm 65% dân số toàn huyện. Khu dân cư nông thôn gồm đất ở tại nông thôn và đất xây dựng các công trình công cộng phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, các cơ quan có liên quan; đất phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân các xã. Khu dân cư nông thôn được bố trí theo hướng tập trung tại khu trung tâm xã và các thôn, gần vùng sản xuất, thuận tiện về giao thông, cung cấp, điện nước, cũng như việc tiếp cận các dịch vụ xã hội... Tổng diện tích khu dân cư nông thôn đến năm 2030 có trên 3.620,04 ha chiếm 15,44% diện tích tự nhiên toàn huyện.

***g) Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn (KON)***

Nằm trong khu dân cư nông thôn. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn phát triển tập trung ở khu trung tâm xã và các thôn, làng; dọc theo các tuyến đường giao thông. Các ngành nghề sản xuất phi nông nghiệp nông thôn tập trung vào chế biến nông sản, lâm sản, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí, ... trong gia đoạn quy hoạch dự kiến hình thành và phát triển làng nghề sản xuất phi nông nghiệp Hành Nhân, tổng diện tích khu ở, làng nghề phi nông nghiệp khoảng 19,23 ha, trong đó đất cho phát triển làng nghề có diện tích khoảng 17,96 ha.

# II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

# 2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, môi trường

Cắn cứ Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Nghĩa Hành Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành, đã đề xuất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và môi trường huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 định hướng đến 2030 như sau:

## 2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng **kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế;**

- Giá trị sản xuất theo giá so sánh năm 2010 tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt từ 9 - 10%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 từ 60 - 65 triệu đồng và đạt 95-100 triệu đồng vào năm 2030.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông - lâm - thủy sản chiếm từ: 21 - 22 %; CN, tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng chiếm từ: 30 - 31%; thương mại - dịch vụ chiếm từ: 47- 48%, và năm 2030 nông lâm thủy sản 16-17% công nghiệp xây dựng 31-32%; dịch vụ thương mại chiếm 51 - 52%

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 5 - 10% *(so với chỉ tiêu tỉnh giao)*

## 2.1.2. Chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 1,34%/năm *(tăng tự nhiên 0,9%/năm, tăng cơ học 0,44%/năm)* và giai đoạn 2016-2030 tăng bình quân 1,32%/năm *(tăng tự nhiên 0,8%/năm, tăng cơ học 0,52 %/năm)*, quy mô dân số đến năm 2025 là 88.547 người *(khu vực thành thị 10.500 người, khu vực nông thôn 78.047 người)*, đến năm 2030 là 95.064 người *(khu vực thành thị 12.500 người, khu vực nông thôn 82.564 người)*.

- Đến năm 2025, có 05 xã nông thôn mới nâng cao và 34/68 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và đến năm 2030 có 09 xã trở lên đạt nông thôn mới nâng cao và 80% trở lên khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ đô thị hóa của huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 là 12%, năm 2030 là 13%. Hoàn thành tiêu chí đô thị loại V *(trừ hạng mục Nhà tang lễ)* và phấn đấu đạt 5 - 10% chỉ tiêu đô thị loại IV, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản đạt 50% tiêu chí đô thị loại IV.

- Giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia 37/37 trường; các trường xây dựng mới đảm bảo đạt tiêu chuẩn của ngành và chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2025, có 04 - 05 bác sĩ/vạn dân và 30 giường bệnh/vạn dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95% và 98% năm 2030.

- Đến năm 2025, có 85 - 90% gia đình, 96 - 98% thôn, tổ dân phố văn hoá, 96 - 98% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá và 10 xã trở lên đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới và đến năm 2030 có trên 90% gia đình, 100% thôn, tổ dân phố văn hóa, 99% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65% tổng số lao động xã hội; đến năm 2030 đạt tỷ lệ 70% trở lên.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 5% theo chuẩn nghèo từng giai đoạn.

## 2.1.3. Chỉ tiêu về môi trường

- Đến năm 2025, tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia đạt 75%, nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đạt 95% và 100% rác thải nguy hại được xử lý theo đúng quy định. Đến năm 2030 tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch đạt 85-90%, 100% chất thải rắn và chất thải nguy hại, nước thải công nghiệp được xử lý đúng với tiêu chuẩn quy định. Duy trì 100% các khu dân cư nông thôn đạt tiêu chí về môi trường.

- Đầu tư đồng bộ hoàn thiện 80% hệ thống thoát nước, vỉa hè trên các trục đường chính trong khu đô thị vào năm 2025 và đạt từ 90% trở lên vào năm 2030.

- Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng đạt 44-46%.

- Phát triển kinh tế - xã hội theo hướng xanh, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

## **2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.**

*a) Khu vực kinh tế dịch vụ**(Thương mại, dịch vụ, du lịch)*

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ các ngành thương mại - dịch vụ phát triển. Tốc độ tăng bình quân hàng năm thời 2021-2030 đạt 10,8%; Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng gấp 1,3 - 1,4 lần mức tăng trưởng kinh tế của huyện. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ đến năm 2025 đạt 47-48% và 51-52% năm 2030; thu hút 35-40% lao động xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn những trường hợp vi phạm pháp luật, trốn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại. Quan tâm và tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ có nhiều ưu thế như: Vận tải, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, du lịch, dịch vụ chăm sóc sức khỏe,... Tăng cường phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức ngân hàng, tín dụng nhân dân phát triển nhằm huy động có hiệu quả các nguồn vốn, cung ứng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân.

- Bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử, danh thắng để phát triển du lịch như: Quần thể di tích Trường Lũy, Làng cổ Thiên Xuân, Trụ sở Ủy ban kháng chiến Nam Trung Bộ, di tích lịch sử Khánh Giang - Trường lệ, di tích chiến thắng tại núi Đình Cương, Đình Làng An Đinh…Triển khai các giải pháp cụ thể để liên kết, phát huy có hiệu quả tiềm năng du lịch của huyện, kết nối với các địa phương trong tỉnh, khu vực Duyên hải miền Trung để hình thành các điểm du lịch có chất lượng, thu hút khách du lịch đến huyện. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư như: Khu đô thị mới, khách sạn chất lượng cao, nhà phố thương mại, các chợ, trung tâm thương mại, khu du lịch Suối Chí, khu vui chơi giải trí, nông nghiệp công nghệ cao,... kêu gọi đầu tư vào các điểm du lịch như: Suối nước nóng - xã Hành Nhân, xóm Đèo, xã Hành Dũng, Bàu Hữu xã Hành Phước, Bàu Sen - La Băng xã Hành Thịnh…, các trang trại trồng cây ăn quả kết hợp du lịch cộng đồng.

*b) Khu vực kinh tế công nghiệp* (công nghiệp, xây dựng)

- Đối với công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến với công nghệ hiện đại, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường, tạo ra những sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, tạo động lực phát triển kinh tế cho huyện và cả tỉnh. Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng bình quân đạt trên 10%.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách về thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng hàng hóa, phát triển các ngành công nghiệp mà địa phương có thế mạnh như: Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, may mặc, da dày, thủ công mỹ nghệ.... trên cơ sở nguồn liệu nông lâm nghiệp của huyện và vùng lân cận; Công nghiệp sản xuất bao bì, giấy; Công nghiệp công nghệ sinh học và dược phẩm: sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, các loại dược phẩm, mỹ phẩm, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; Công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ nông nghiệp - nông thôn: cơ khí phục vụ nông nghiệp; sửa chữa, chế tạo máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Phát triển công nghiệp cấp nước, công nghiệp điện năng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng và thu hút lấp đầy các cụm công nghiệp theo quy hoạch cụ thể là: Đối với cụm công nghiệp Đồng Dinh, thực hiện mở rộng quy mô để đạt diện tích 30 ha, thu hút đầu tư lập đầy 60% diện tích đất công nghiệp cho thuê vào năm 2025 và đạt trên 80% năm 2030. Thực hiện đầu tư hạ tầng cụm cộng nghiệp Hành Đức - Hành Minh với quy mô diện tích 23,7 ha, hoàn thành đầu tư hạ tầng vào năm 2025 và thu hút đầu tư lấp đầy 60% diện tích đất công nghiệp cho thuê. Thu hút đầu tư nhà máy sản xuất kính cường lực tại xã Hành Thuận. Thu hút đầu tư phát triển làng nghề truyền thống tại xã Hành Nhân.

- Đối với lĩnh vực xây dựng: Tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, nông thôn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2011-2015 của tỉnh và huyện.

*c) Khu vực kinh tế nông nghiệp (nông, lâm nghiệp và thủy sản)*

Tiếp tục triển khai các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, hình thành các vùng chuyên canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm. Tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế, điều kiện của từng vùng và nhu cầu của thị trường gắn với các nhà máy chế biến đã và đang xây dựng trên địa bàn nhằm phát triển sản xuất ổn định, bền vững và nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích; chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Tiếp tục duy trì phát triển vùng sản xuất lúa theo hướng chất lượng cao. Chú trọng mở rộng và phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả với diện tích 700 ha vào năm 2025 và 900 – 1000 ha vào năm 2030. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện dồn điền, đổi thửa tập trung ruộng đất xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tăng cường đưa cơ giới hóa, công nghệ cao đặc biệt là công nghệ về giống, sản xuất theo hướng hữu cơ để đảm bảo vệ sinh an toàn, nâng cao chất lượng hàng hóa nông sản. Khai thác tiềm năng, lợi thế của nông nghiệp để nâng cao chất lượng, giá trị nông sản; tập trung quảng bá và từng bước xây dựng giá trị thương hiệu trái cây Nghĩa Hành.

Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp, an toàn dịch  
bệnh. Hỗ trợ nông dân đầu tư nhân rộng mô hình trang trại chăn nuôi quy  
mô lớn. Chú trọng phát triển chăn nuôi gia súc và một số vật nuôi đặc sản ở từng địa phương. Triển khai quyết liệt công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng; xử lý nghiêm các vụ vi phạm; đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất rừng bị lấn chiếm để chuyển cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng; hình thành vùng nguyên liệu gỗ cung cấp cho công nghiệp chế biến, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái cho khu vực huyện và các vùng lân cận.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy liên kết trong sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế  
- xã hội nông thôn. Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới; xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động sự tham gia tích cực của người dân, bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hợp lý để đầu tư, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nông thôn, nhựa hóa, bê tông hóa đường giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi và kênh mương nội đồng, giảm nghèo bền vững.

# **2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng**

**2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất**

Theo Văn bản số 2874/UBND-NNTN ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai chỉ tiêu sử dụng đất để lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, giai đoạn 2021 - 2030, phân cho địa bàn huyện Nghĩa Hành như sau:

Biểu 7: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2030

| **Số TT** | **Chỉ tiêu** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- |
|
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **19.338,86** |
|  | *Trong đó:* |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 3.529,02 |
| - | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | 3.366,32 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 3.295,90 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | 1.054,95 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | 9.309,53 |
|  | Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên | 1.804,72 |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | 30,12 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **3.949,44** |
|  | *Trong đó:* |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | 106,85 |
| 2.2 | Đất an ninh | 1,64 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | 63,54 |
| 2.4 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | 1147,66 |
|  | *Trong đó:* |  |
| *-* | *Đất giao thông* | *572,52* |
| *-* | *Đất thuỷ lợi* | *492,62* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *3,42* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *1,54* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo - đào tạo* | *4,42* |
| *-* | *Đất cơ sở thể dục - thể thao* | *4,32* |
| *-* | *Đất công trình năng lượng* | *36,97* |
| *-* | *Đất bưu chính viễn thông* | *26,56* |
| *-* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *10,09* |
| *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *41,99* |
| 2.5 | Đất ở tại nông thôn | 1.026,71 |
| 2.6 | Đất ở tại đô thị | 93,79 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **160,25** |
| **4** | **Đất đô thị\*** | **753,47** |

*Ghi chú: \* Không tính vào tổng diện tích tự nhiện*

UBND tỉnh đã phân bổ cho huyện Nghĩa Hành 27 chỉ tiêu gồm:

- Nhóm đất nông nghiệp có 08 chỉ tiêu *(đất nông nghiệp, đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất nuôi trồng thủy sản).*

- Nhóm đất phi nông nghiệp có 17 chỉ tiêu *(đất phi nông nghiệp; đất quốc phòng; đất an ninh; đất cụm công nghiệp; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; đất giao thông, đất thủy lợi; đất xây dựng cơ sở văn hóa; đất xây dựng cơ sở y tế; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo-đào tạo; đất cơ sở thể dục-thể thao; đất năng lượng, đất bưu chính viễn thông; đất có di tích lịch sử văn hóa; đất bãi thải, xử lý chất thải; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị).*

- Đất chưa sử dụng có 01 chỉ tiêu.

- Đất khác *(chỉ tiêu quan sát, không tính vào tổng diện diện tích tự nhiên của huyện):* 01 chỉ tiêu, đó là đất đô thị.

## 3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch được xác định trên cơ sở:

- Quy hoạch của các Bộ, Ngành có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021- 2025

- Quy hoạch tỉnh; phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh với các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội, phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển các vùng kinh tế động lực, tổ chức không gian lãnh thổ và các dự án có nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030.

- Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch của các Sở, Ngành có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2021-2030.

- Kết quả rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi trên địa bàn huyện Nghĩa Hành.

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện và kế hoạch đầu tư công trung hạn huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2021-2025.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành đến năm 2030;

- Chương trình phát triển đô thị thị trấn Chợ Chùa, Quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa;

- Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 định hướng đến năm 2030;

- Quy hoạch xây dựng các khu đô thị, khu dân cư nông thôn các xã và thị trấn Chợ Chùa.

- Kế hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành năm 2021.

- Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện.

- Căn cứ dự báo dân số toàn huyện Nghĩa Hành và dân số đô thị đến năm 2030.

- Tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất (*phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sử dụng giống mới, phương pháp canh tác trên các vùng đất dốc,…).*

- Nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện của các ngành, lĩnh vực đến năm 2030.

- Định mức sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công An, định mức sử dụng đất ở của tỉnh.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch như sau:

Biểu 8: Nhu cầu sử dụng đất mở rộng thêm của các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

| **Số TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích** *(ha)* | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đất trồng lúa | LUA | 10,33 | Xã Hành Dũng |
| 2 | Đất trồng cây hàng năm | HNK | 3,22 | Xã Hành Thiện |
| 3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 132,64 | Các xã Hành Dũng, Hành Thịnh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 32,99 | Xã Hành Tín Tây |
| 5 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 204,29 | Các xã Hành Dũng, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Nhân, Hành Phước, Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín Tây |
| 6 | Đất quốc phòng | CQP | 164,93 | Các xã Hành Đức, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Thịnh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 7 | Đất an ninh | CAN | 1,46 | Nhà làm việc công an các xã Hành Dũng, Hành Minh, Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 8 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 40,16 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Đức, Hành Minh |
| 9 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 123,93 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Phước, Hành Tín Tây |
| 10 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 20,69 | Các Xã Hành Thuận, Hành Nhân |
| 11 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 344,15 | Các xã Hành Nhân, Hành Minh, Hành Phước, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 12 | Đất giao thông | DGT | 155,87 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Dũng, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 13 | Đất thuỷ lợi | DTL | 62,86 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Dũng, Hành Đức, Hành Minh, Hành Phước Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 14 | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 3,02 | TT Chợ Chùa, xã Hành Đức |
| 15 | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 0,17 | Xã Hành Tín Đông |
| 16 | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo - đào tạo | DGD | 2,41 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Thuận, Hành Thiện |
| 17 | Đất cơ sở thể dục - thể thao | DTT | 13,69 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Dũng, Hành Trung, Hành Thiện, Hành Tín Tây |
| 18 | Đất công trình năng lượng | DNL | 0,86 | Các xã, thị trấn |
| 19 | Đất công trình bưu chính viễn thông | DBV | 0,01 | Xã Hành Minh |
| 20 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | DDT | 0,87 | Xã Hành Phước |
| 21 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 48,38 | Các xã Hành Dùng, Hành Thuận |
| 22 | Đất làm nghĩa trang | NTD | 27,18 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Dũng, Hành Đức, Hành Trung, Hành Tín Đông |
| 23 | Đất chợ | DCH | 1,32 | Các xã Hành Minh, Hành Thiện, Hành Tín Tây |
| 24 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 2,49 | Hành Dũng, Hành Đức, Hành Trung, Hành Nhân, Hành Phước, Hành Tín Đông |
| 25 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 23,15 | TT Chợ Chùa, các xã Hành Dũng, Hành Minh, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 26 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 204,75 | Tại các xã |
| 27 | Đất ở tại đô thị | ODT | 64,93 | Thị trấn Chợ Chùa |
| 28 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 0,49 | Thị trấn Chợ Chùa, các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây |
| 29 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 23,43 | Thị trấn Chợ Chùa, xã Hành Thiện |

## 2.2.3. Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

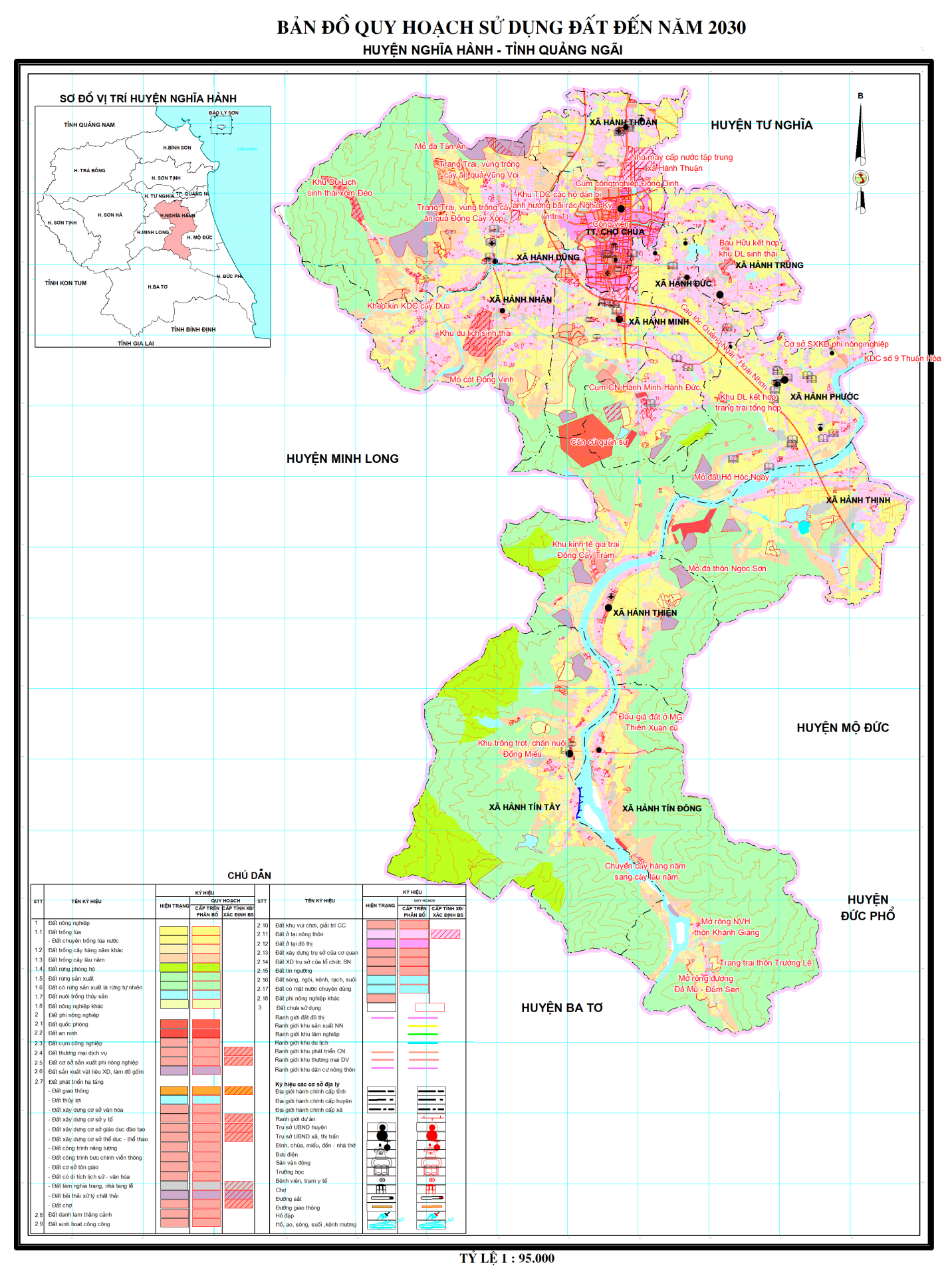
Căn cứ chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ của cấp trên cho huyện và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện Nghĩa Hành như sau *(Biểu 11 trang bên)*:

Biểu 9: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030

| **Số TT** | **Chỉ tiêu** | **Diện tích hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch đến năm 2030 (ha)** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích cấp tỉnh phân bổ** | **DT cấp huyện xác định, xác định bổ sung** | **Tổng số đến năm 2030** | **Diện tích tăng, giảm (-) so với năm 2020** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **6=(4+5)** | **7=(6-3)** |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** | **23.448,55** |  |  | **23.448,55** |  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **19.646,80** | **19.338,86** | **-885,42** | **18.453,44** | **-1.193,36** |
|  | *Trong đó* |  |  | **0,00** |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 3.562,77 | 3.529,02 | **-217,19** | 3.311,83 | -250,94 |
| - | Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước | 3.398,02 | 3.366,32 | **-199,64** | 3.166,68 | -231,34 |
| 1,2 | Đất trồng cây hàng năm khác | 2.979,68 |  | **2.614,72** | 2.614,72 | -364,96 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 2.836,33 | 2.395,90 | **345,58** | 2.741,48 | -94,85 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | 1.021,96 | 1.054,95 | **0,00** | 1.054,95 | 32,99 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | 9.194,87 | 9.309,53 | **-830,05** | 8.479,48 | -715,39 |
|  | Trong đó: Đất có rưng sản xuất là rừng tự nhiên | 1.804,72 | 1.804,72 | **0,00** | 1.804,72 |  |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | 18,64 | 30,12 | **-11,72** | 18,40 | -0,24 |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | 32,55 |  | **235,80** | 235,80 | 203,25 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **3.688,49** | **3.949,44** | **946,34** | **4.895,78** | **1.207,29** |
|  | *Trong đó* |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | 57,77 | 106,85 | 115,61 | 222,46 | 164,69 |
| 2.2 | Đất an ninh | 1 | 1,64 | 0,80 | 2,44 | 1,44 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | 13,54 | 63,54 | -10,31 | 53,23 | 39,69 |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | 1,63 |  | 125,26 | 125,26 | 123,63 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 17,27 |  | 36,04 | 36,04 | 18,77 |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | 14,39 |  | 358,54 | 358,54 | 344,15 |
| 2.7 | Đất hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | 1.525,42 | 1.147,66 | **639,15** | 1.786,81 | 261,39 |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| *-* | *Đất giao thông* | *578,79* | *572,52* | 149,09 | *721,61* | *142,82* |
| *-* | *Đất thuỷ lợi* | *433,64* | *492,62* | -16,36 | *476,26* | *42,62* |
| *-* | *Đất cơ sở văn hóa* | *1,42* | *3,42* | 0,73 | *4,15* | *2,73* |
| *-* | *Đất cơ sở y tế* | *3,32* | *1,54* | 1,84 | *3,38* | *0,06* |
| *-* | *Đất cơ sở giáo dục - đào tạo* | *33,79* | *4,42* | 28,65 | *33,07* | -0,72 |
| *-* | *Đất cơ sở thể dục - thể thao* | *26,53* | *4,32* | 35,41 | *39,73* | 13,20 |
| *-* | *Đất công trình năng lượng* | *0,42* | *36,97* | -35,69 | *1,28* | 0,86 |
| *-* | *Đất bưu chính viễn thông* | *0,55* | *26,56* | -26,03 | *0,53* | -0,02 |
| *-* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *6,07* | *10,09* | -3,15 | *6,94* | 0,87 |
| *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *9,7* | *41,99* | 16,09 | *58,08* | 48,38 |
| *-* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *8,45* |  | 8,08 | *8,08* | -0,37 |
| *-* | *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa* | *418,87* |  | 428,60 | *428,60* | 9,73 |
| *-* | *Đất chợ* | *3,87* |  | 5,10 | *5,10* | 1,23 |
| 2.8 | Đất sinh hoạt cộng đồng | 9,33 |  | 10,56 | 10,56 | 1,23 |
| 2.9 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | 1,16 |  | 24,31 | 24,31 | 23,15 |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | 1.007,91 | 1.026,71 | 167,66 | 1.194,37 | 186,46 |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | 101,61 | 93,79 | 41,31 | 135,10 | 33,49 |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 9,64 |  | 9,07 | 9,07 | -0,57 |
| 2.13 | Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp | 5,01 |  | 4,60 | 4,60 | -0,41 |
| 2.14 | Đất cơ sở tín ngưỡng | 5,79 |  | 5,71 | 5,71 | -0,08 |
| 2.15 | Đất sông ngòi, kênh rạch, suối | 840,17 |  | 829,09 | 829,09 | -11,08 |
| 2.16 | Đất có mặt nước CD | 72,83 |  | 54,74 | 54,74 | -18,09 |
| 2.17 | Đất phi nông nghiệp khác | 4,02 |  | 43,45 | 43,45 | 39,43 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **113,26** | **160,25** | **-60,92** | **99,33** | **-13,93** |
| **4** | **Đất đô thị\*** | **753,47** | **753,47** | **0,00** | **753,47** | **-** |
| **5** | **Đất khu sản xuất nông nghiệp\*** | **7.305,52** |  | **7.475,78** | **7.475,78** | **170,26** |
| **6** | **Khu lâm nghiệp\*** | **10.461,48** |  | **10.368,62** | **10.368,62** | **-92,86** |
| **7** | **Khu du lịch\*** | **31,6** |  | **179,20** | **179,20** | **147,60** |
| **8** | **Khu phát triển công nghiệp\*** | **30,81** |  | **57,91** | **57,91** | **27,10** |
| **9** | **Khu đô thị \*** |  |  | **405,14** | **405,14** | **405,14** |
| **10** | **Khu thương mại dịch vụ\*** |  |  | **16,39** | **16,39** | **16,39** |
| **11** | **Khu dân cư nông thôn\*** | **2.919,27** |  | **3.620,04** | **3.620,04** | **700,77** |
| **12** | **Khu ở làng nghề sản xuất phi nông nghiệp\*** |  |  | **19,23** | **19,23** | **19,23** |

*Ghi chú: - Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 03/CH.*

*- \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.*

****

**Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích các loại đất trong kỳ quy hoạch 2021-2030:**

**\* Diện tích đất tự nhiên toàn huyện:** Đến năm 2030 diện tích tự nhiên toàn huyện là 23.448,55 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2020.

## 2.2.3.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích năm 2020: 19.646,80 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 18.453,44 ha, giảm 1.193,36 ha so với năm 2020; Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 2030:19.338,86 ha.

+ Diện tích huyện xác định 18.453,44 ha, thấp hơn 885,42 ha so với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh, nguyên nhân xác định thấp hơn là bổ sung thêm một số danh mục công trình dự án có chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp chưa có trong chỉ tiêu của tỉnh như: Quy hoạch đất quốc phòng theo đăng ký của Bộ chỉ huy quân sự, định hướng đầu tư xây dựng đường cao tốc Quảng Ngãi - Bình Định, Hạ tầng và hạng mục phụ trợ khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ; đồng thời huyện bổ sung một số danh mục công trình dự án nhằm thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội *(hạ tầng đô thị Chợ Chùa, thu hút đầu tư phát triển khu dân cư đô thị, hạ tầng xây dựng nông thôn mới nâng cao, thu hút đầu tư phát triển du lịch, quy hoạch khai thác vật liệu xây dựng để phục vụ cho dư án đường cao tốc…)*

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 18.466,13 ha, giảm 1.200,67 ha, do chuyển sang đất quốc phòng 164,93 ha; đất an ninh 0,78 ha; đất cụm công nghiệp 32,69 ha; đất thương mại 99,09 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 16,57 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 344,15 ha; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã *(sau đây gọi là đất phát triển hạ tầng)* 244,28 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,92 ha; đất khu vui chơi giải trí 11,95 ha; đất ở nông thôn 191,94 ha; đất ở đô thị 55,81 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,43 ha; đất phi nông nghiệp khác 32,35 ha.

- Diện tích từ mục đích khác chuyển sang: 7,31 ha từ đất chưa sử dụng do mở rộng đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm và đất nông nghiệp khác tại các xã Hành Tín Đông, Hành Dũng, Hành Phước…

- Quy hoạch đến năm 2030: 18.453,44 ha, giảm 1.193,36 ha so với năm 2020 và thấp hơn chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ 885,42 ha, chi tiết đối với từng loại đất như sau:

***a) Đất trồng lúa***

- Diện tích năm 2020: 3.562,77 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 3.311,83 ha, giảm 250,94 ha so với hiện trạng năm 2020, trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 3.529,02 ha, diện tích cấp huyện xác định thấp hơn 217,19 ha so với phân bổ của tỉnh.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 3.301,50 ha, giảm 261,27 ha do chuyển sang đất cây lâu năm 19,87 ha *(phát triển cây ăn quả theo đề án của huyện tại các xã Hành Minh, Hành Dũng, Hành Tín Tây…);* đất nông nghiệp khác 21,63 ha *(Hành Thuận, Hành Đức, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Phước)*; Đất phi nông nghiệp 219,77 ha, gồm đất an ninh 0,38 ha *(xây dựng nhà làm việc công an các xã Hành Trung, Hành Thịnh, Hành Tín Tây)*; đất cụm công nghiệp 10,94 ha *(Đồng Dinh 10,18 ha, Hành Đức - Hành Minh 0,76 ha)*  đất thương mại, dịch vụ 2,82 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,53 ha; đất phát triển hạ tầng 83,59 ha *(đất giao thông 65,19 ha; đất thủy lợi 6,55 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 2,07 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,38 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 2,06 ha; đất công trình năng lượng 0,35 ha; đất có di tích lịch sử - văn hóa 0,35 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 4,99 ha; đất làm nghĩa trang 0,56 ha, đất chợ 0,09 ha)*; đất sinh hoạt cộng đồng 0,3 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,54 ha; đất ở tại nông thôn 68,16 ha *(chủ yếu các khu tái định cư, quy hoạch khu dân cư mới và khép kín khu dân cư)*; đất ở tại đô thị 36,99 ha *(khu đô thị Đồng Dinh giai đoạn 2, khu dân cư Bắc cầu Kênh; đất ở đô thị chỉnh trang theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa, Khu dân cư Chợ Chùa – Hành Thuận, Chợ Chùa – Hành Minh)*, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,29 ha *(mở rộng thư viện huyện, đất xây dựng nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã)*; đất phi nông nghiệp khác 13,23 ha *(đất dự phòng phát triển tại TT Chợ Chùa).*

- Diện tích từ mục đích khác chuyển sang: 10,33 ha từ đất trồng cây hàng năm khác tại xã Hành Dũng *(UBND xã kiến nghị hạ độ cao mặt ruộng để sản xuất lúa tại khu vực đồng Giá Reo – An Phước).*

Hiện nay, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho tình hình thiên tai, hạn hán ngày càng khốc liệt khiến sản xuất lúa nhất là diện tích 1 vụ gặp nhiều bất lợi và rủi ro. Bên cạnh đó, so sánh hiệu quả sản xuất lúa so với một số cây trồng trên cùng chân đất vẫn còn thấp.. đồng thời mức độ đảm bảo an ninh lương thực đối với sản xuất lúa ở Nghĩa Hành vẫn không phải là vấn đề cấp thiết. Do vậy. ngoài những vùng đất chuyên trồng lúa cho hiệu quả cao được giữ lại để sản xuất theo hướng chất lượng cao, hữu cơ…, diện tích còn lại cần thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp *(rau an toàn, hoa, cây ăn quả….)* theo hướng sử dụng linh hoạt đất lúa để nâng cao thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích, giảm áp lực tưới tiêu, phòng tránh sâu bệnh hại, cải tạo đất, góp phần hướng tới sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Quy hoạch đến năm 2030: 3.311,83 ha, giảm 250,94 ha so với năm 2020. *(Chi tiết phân bổ các xã xem Biểu 03/CH).*

***Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước***

- Diện tích năm 2020: 3.398,02 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 3.166,68 ha, giảm 231,34 ha so với năm 2020 trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 3.366,32 ha, huyện xác định bổ sung thấp hơn 199,64 ha so với phân bổ của tỉnh.

***b) Đất trồng cây hàng năm khác***

- Diện tích năm 2020: 2.979,68 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 2.614,72 ha, giảm 364,96 ha so với năm 2020, biến động trong thời kỳ quy hoạch như sau.

+ Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 2.608,28 ha, giảm 371,41 ha do chuyển sang các loại đất: đất trồng lúa 10,33 ha; đất trồng cây lâu năm 112,32 ha *(thực hiện đề án phát triển cây ăn quả)*; đất nông nghiệp khác 56,91 ha *(phát triển kinh tế trang trại tại các xã Hành Thuận, Hành Đức, Hành Nhân, Hành Thiện, Hành Thịnh)*; đất quốc phòng 0,98 ha; đất an ninh 0,4 ha *(xây dựng trụ sở làm việc công an các xã Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Tín Đông)*; đất thương mại, dịch vụ 1,3 ha *(trung tâm thương mại tại thị trấn Chợ Chùa)*; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,97 ha; đất phát triển hạ tầng 51,7 ha *(đất giao thông 25,12 ha; đất thủy lợi 4,2 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,17 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,99 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 7,97 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 10,14 ha; đất làm nghĩa trang 1,91 ha; đất chợ 1,16 ha)*; đất sinh hoạt cộng đồng 0,62 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 9,34 ha; đất ở tại nông thôn 87,91 ha; đất tại ở đô thị 18,38 ha; đất trụ sở cơ quan 0,15 ha; đất phi nông nghiệp khác 19,12 ha *(đất dự phòng phát triển tại thị trấn Chợ Chùa, Hành Thuận, Hành Đức, Hành Thiện và khu trung tâm xã Hành Thiện)*.

+ Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 3,22 ha, khôi phục diện tích đất bỏ hoang ở một số khu vực thuộc xã Hành Tín Đông, Hành Thiện…

+ Cân đối giảm 364,96 ha so với năm 2020.

***c) Đất trồng cây lâu năm***

- Diện tích năm 2020: 2.836,22 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 2.741,48 ha, giảm 94,85 ha so với năm 2020. Trong đó, diện tích cấp tỉnh phân bổ 2.395,9 ha, cấp huyện xác định bổ sung 345,58 ha. Biến động trong thời kỳ quy hoạch như sau.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 2.608,84 ha, giảm 227,49 ha, do chuyển sang các loại đất: Đất nghiệp khác 89,09 ha *(phát triển kinh tế trang trại)*; đất cụm cộng nghiệp 3,24 ha *(quy hoạch cụm công nghiệp Hành Đức – Hành Minh)*; đất thương mại 16,91 ha *(khu du lịch sinh thái và cửa hàng xăng dầu tại xã Hành Nhân; cửa hàng xăng dầu tại xã Hành Minh)*; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 13,07 ha *(làng nghề tiểu thủ công nghiệp Hành Nhân)*; đất sản xuất vật liệu xây dựng 3,32 ha; đất phát triển hạ tầng 62,43 ha *(đất giao thông 16,19 ha; đất thủy lợi 12,95 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,67 ha, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,1 ha; đất công trình năng lượng 0,47 ha; đất có di tích lịch sử - văn hóa 0,19 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 17,29 ha; đất làm nghĩa trang 14,52 ha; đất chợ 0,05 ha)*; đất khu vụi chơi giải trí công cộng 1,07 ha; đất ở tại nông thôn 37,92 ha; đất ở tại đô thị 0,44 ha.

- Diện tích từ mục đích khác chuyển sang: 132,64 ha do thực hiện đề án phát triển cây ăn quả tại địa bàn các xã Hành Dũng, Hành Thịnh, Hành Minh… tăng từ đất lúa 19,87 ha; đất trồng cây hàng năm khác 112,32 ha; đất chưa sử dụng 0,45 ha.

- Cân đối giảm 94,21 ha so với năm 2020.

***d) Đất rừng phòng hộ***

- Diện tích năm 2020: 1.021,96 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 1.054,95 ha, tăng 32,99 ha so với năm 2020. Trong đó, diện tích cấp tỉnh phân bổ 1.054,95 ha, cấp huyện không xác định bổ sung.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng 1.021,96 ha, diện tích tăng thêm 32,99 ha do chuyển diện tích rừng sản xuất đầu nguồn hồ Suối Đá *(xã Hành Tín Tây)* sang đất rừng phòng hộ.

***e) Đất rừng sản xuất***

- Diện tích năm 2020: 9.194,87 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 8.413,94 ha, giảm 780,93 ha so với năm 2020. Trong đó, diện tích cấp tỉnh phân bổ 9.309,53 ha, cấp huyện xác định thấp hơn 895,59 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 8.479,48 ha, giảm 715,39 ha, trong đó chuyển sang đất rừng phòng hộ 32,99 ha; nông nghiệp khác 33,02 ha *(phát triển trang trại tại xã Hành Tín Tây);* đất quốc phòng 163,43 ha; đất cụm công nghiệp 18,91 ha *(cụm công nghiệp Hành Minh – Hành Đức)*; đất thương mại, dịch vụ 78,66 ha *(khu du lịch Xóm Đèo – Hành Dũng và suối Nước Nóng – Hành Nhân)*; đất sản xuất vật liệu xây dựng 340,83 ha *(theo quy hoạch thăm dò khai thác vật liệu xây dựng của tỉnh và dự kiến mỏ đất làm vật liệu phục vụ xây dựng đường cao tốc Quảng Ngãi – Bình Định)*; đất phát triển hạ tầng 47,55 ha *(đất giao thông 0,73 ha; đất thủy lợi 27,25 ha (đập Hố Sổ và hồ Suối Đá); đất bãi thải, xử lý chất thải 10,75 ha (rác Nghĩa Kỳ), đất làm nghĩa trang 8,82 ha (Nghĩa trang nhân dân huyện và nghĩa trang nhân dân xã Hành Dũng)).*

Cơ sở để đề xuất cho việc chuyển đổi đất rừng khác với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh là: (1) Khu vực thuộc dự án Hạ tầng và hạng mục phụ trợ khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ, việc chuyển mục đích chủ yếu để đảm bảo hành lang an toàn môi trường khu xử lý rác nên không làm mất diện tích rừng. (2) Đối với diện tích đất rừng sản xuất quy hoạch để khai thác vật liệu xây dựng chỉ là tạm thời, sau khi khai thác sẽ hoàn trả lại mặt bằng để trồng rừng. Đối với diện tích dự kiến chuyển sang phát triển du lịch chủ yếu thực hiện theo hướng thu hút đầu tư du lịch sinh thái kết hợp với quản lý bảo vệ rừng, nên sẽ không làm mất đi diện tích rừng. (3) Khu vực chuyển mục đích sang đất quốc phòng thực hiện theo quy hoạch chuyên ngành. (4) Các danh mục còn lại *(Cụm công nghiệp Hành Đức – Hành Minh, Nghĩa trang nhân dân huyện…)* là các danh mục chuyển tiếp từ ký trước phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021-2030.

***f) Đất nuôi trồng thủy sản***

- Diện tích năm 2020: 18,64 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 18,4 ha, giảm 0,24 ha so với năm 2020. Trong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 36,12 ha; cấp huyện xác định thấp hơn 11,72 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 18,4 ha giảm 0,24 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,1 ha; đất phát triển hạ tầng *(đất giao thông 0,03 ha; đất thủy lợi 0,02 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,03 ha; đất làm nghĩa trang 0,06 ha).*

***g) Đất nông nghiệp khác***

- Diện tích năm 2020: 42,02 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 235,8 ha,trong đó 100% chỉ tiêu do cấp huyện xác định, biến động trong kỳ quy hoạch như sau:

+ Diện tích không thay đổi so với hiện trạng 31,51 ha, giảm 1,04 ha, do chuyển sang đất giao thông 1,02 ha và đất thủy lợi 0,02 ha *(đập Hố Sổ - xã Hành Đức)*.

+ Diện tích từ mục đích khác chuyển sang: 204,29 ha, để phát triển trang trại cây ăn quả, đầu tư chăn nuôi tập trung trang trại tại các xã Hành Dũng, Hành Thuận, Hành Nhân, Hành Tín Tây, Hành Đức, Hành Thiện; Hành Phước; tăng lên từ đất trồng lúa 21,63 ha; đất trồng cây hàng năm 56,91 ha; đất trồng cây lâu năm 89,09 ha; đất rừng sản xuất 33,02 ha; đất chưa sử dụng 3,64 ha.

- Cân đối tăng 203,25 ha so với năm 2020.

## 3.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

- Diện tích năm 2020: 3.688,49 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 4.895,78 ha, trong đó diện tích cấp tỉnh phân bổ 3.949,44 ha, cấp huyện xác định bổ sung cao hơn 946,34 ha. Diện tích cấp huyện xác định cao hơn do thực hiện một số danh mục dự án lớn như: Đất quốc phòng theo chỉ tiêu đăng ký của Bộ chỉ huy quân sự *(khu căn cứ hậu phương 162 ha)*, Đường cao tốc Quảng Ngãi - Bình Định *(khoảng 45 ha)*, quy hoạch đất khai thác vật liệu xây dựng theo quy hoạch của tỉnh và nhu cầu xây dựng đường cao tốc *(trên 344 ha)*, Hạ tầng và hạng mục phụ trợ khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ *(55,64 ha)*; Công trình cấp bách kè chống sạt lở bờ sông và các dự án thu hút đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, chỉnh trang đô thị, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 1.207,29 ha. Trong đó tăng từ đất nông nghiệp 1.200,67 ha; từ đất chưa sử dụng 6,62 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 4.895,78 ha, tăng 1.207,29 ha so với năm 2020. Cụ thể đối với từng loại đất như sau:

***a) Đất quốc phòng***

- Diện tích năm 2020: 57,77 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 222,64 ha, tăng 164,69 ha so với 2020, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 106,85 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 115,61 ha, do xác định thêm đất quốc phòng theo đăng ký của bộ chỉ huy quân sự gồm khu căn cứ hậu phương tại địa bàn 03 xã Hành Đức, Hành Minh và Hành Thiện và thao trường huấn luyện tại 02 xã Hành Nhân và Hành Thịnh.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 57,53 ha, giảm 0,24 ha do quy hoạch đập Hố Sổ *(khu vực đất quốc phòng dự kiến dịch chuyển đến địa điểm mới).*

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 164,93 ha, tăng từ đất trồng cây hàng năm khác 0,98 ha; đất rừng sản xuất 163,43 ha, đất giao thông 0,03 ha; đất thủy lợi 0,52 ha.

- Cân đối tăng 164,69 ha so với năm 2020.

***b) Đất an ninh***

- Diện tích năm 2020: 1,00 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 2,44 ha, tăng 1,44 ha so với năm 2020. Tong đó: Diện tích cấp tỉnh phân bổ 1,64 ha, diện tích cấp huyện xác định bổ sung 0,8 ha, diện tích cấp huyện xác định cao hơn do quy hoạch mới nhà làm việc công an xã theo Nghị định 42/2021/NĐ-CP về xây dựng công an xã thị trấn chính quy.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 0,98 ha, giảm 0,02 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,02 ha để thực hiện việc chỉnh trang đô thị thị trấn Chợ Chùa theo quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 1,46 ha, tăng từ đất lúa 0,38 ha, đất trồng cây hàng năm 0,4 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,24 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,44 ha.

- Đất an ninh tăng lên chủ yếu xây dựng các công trình trụ sở Công an xã Hành Dũng, Hành Minh, Hành Đức, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Phước, Hành Trung, Hành Nhân và mở rộng đất công an TT Chợ Chùa *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

***c) Đất cụm công nghiệp***

- Diện tích năm 2020: 13,54 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 53,23 ha, diện tích cấp tỉnh phân bổ 63,54 ha, cấp huyện xác định thấp hơn 10,31 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 13,07 ha, giảm 0,47 ha do chuyển sang đất giao thông chỉnh trang đô thị theo quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa tỷ lệ 1/500.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang đất cụm công nghiệp: 40,16 ha *(mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh 16,46 ha; quy hoạch cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh 23,7 ha)*, tăng từ đất lúa 10,94 ha, đất trồng cây lâu năm 3,24 ha; đất rừng sản xuất 18,91 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,1 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,33 ha; đất giao thông 0,39 ha; đất thủy lợi 5,0 ha; đất làm nghĩa trang 1,2 ha; đất sông suối 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 53,23 ha, tăng 39,69 ha so với năm 2020.

***d) Đất thương mại, dịch vụ***

- Diện tích năm 2020: 1,63 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 125,26 ha *(toàn bộ diện tích cấp huyện xác định)*, tăng 123,63 ha so với hiện trạng năm 2020, trong đó:

+ Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 1,33 ha, giảm 0,30 ha do chuyển sang đất giao thông 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,28 ha *(mở rộng công viên 23/3 từ đất Ngân hàng nông nghiệp)*, theo quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa tỷ lệ 1/500.

+ Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 123,93 ha, tăng từ đất lúa 2,82 ha, đất trồng cây hàng năm 1,30 ha; đất trồng cây lâu năm 16,91 ha; đất rừng sản xuất 78,66 ha; đất giao thông 1,81 ha; đất làm nghĩa trang 0,66 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,07 ha; đất ở tại nông thôn 0,19 ha; đất ở tại đô thị 5,15 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,13 ha, đất có mặt nước chuyên dùng 15,62 ha; đất chưa sử dụng 0,53 ha.

- Diện tích đất thương mại, dịch vụ tăng thêm do quy hoạch các công trình, dự án gồm: Trung tâm thương mại huyện Nghĩa Hành – TT Chợ Chùa; Khu du lịch sinh thái xóm Đèo tại xã Hành Dũng; khu du lịch sinh thái suối nước Nóng tại xã Hành Nhân; điểm du lịch kết hợp trang trại tại Bàu Lác, xã Hành Minh; khu du lịch cánh đồng Sen - La Băng, xã Hành Thịnh; điểm du lịch sinh thái Bàu Hữu, xã Hành Trung, một số cửa hàng kinh doanh xăng dầu tại địa bàn một số xã … *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH)*

***e) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***

- Diện tích năm 2020: 17,27 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 36,04 ha, tăng 18,77 ha so với năm 2020. Trong đó:

+ Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 15,35 ha, giảm 1,92 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,33 ha (*cụm công nghiệp Hành Đức – Hành Minh)*; đất thủy lợi 0,01 ha *(kè Sông Vệ - Hành Tín Tây)*; đất khu vui chơi giải trí 0,07 ha *(Thôn Phổ Trung – Hành Trung),* đất ở nông thôn 1,0 ha *(thu hồi chuyển đất ở xưởng sản xuất sữa đậu nành Vinasoi – xã Hành Thiện)*, phi nông nghiệp khác 0,51 ha.

+ Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 20,69 ha, tăng lên từ đất trồng lúa 1,53 ha, đất trồng cây hàng 1,97 ha; đất trồng cây lâu năm 13,07 ha; đất thủy lợi 0,51 ha; đất làm nghĩa trang 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 2,49 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,01 ha. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng lên để thực hiện các công trình, dự án: Cơ sở sản xuất kính cường lực tại xã Hành Thuận, Phát triển làng nghề tại xã Hành Nhân, khu sản xuất kinh doanh tại xã Hành Phước *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

***f) Đất sản xuất vật liệu xây dựng***

- Diện tích năm 2020: 14,39 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 14,39 ha

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 344,15 ha, tăng lên từ đất đất trồng cây lâu năm 3,32 ha; đất rừng sản xuất 340,83 ha, diện tích tăng do thực hiện quy hoạch đất khai thác vật liệu xây dựng theo quy hoạch vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh, quy hoạch đất vật liệu xây dựng phục vụ dự án cao tốc Quảng Ngãi - Bình Định.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 358,54 ha, tăng 444,15 ha so với năm 2020.

***g) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã***

- Diện tích năm 2020: 1.525,42 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năn 2030: 1.786,81 ha, tăng 261,39 ha so với năm 2020. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1.147,66 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung: 639,15 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 1.491,93 ha, giảm 33,94 ha, diện tích giảm do chuyển sang đất quốc phòng 0,55 ha; đất an ninh 0,24 ha; đất cụm công nghiệp 6,59 ha; đất thương mại, dịch vụ 2,47 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,52 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 1,33 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 3,64 ha; đất ở tại nông thôn 7,65 ha; đất ở tại đô thị 7,58 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,05 ha; đất phi nông nghiệp khác 3,05 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 294,88 ha, tăng lên từ đất trồng lúa 83,59 ha, đất trồng cây hàng năm 51,7 ha; đất trồng cây lâu năm 62,43 ha; đất rừng sản xuất 47,55 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,14 ha; đất nông nghiệp khác 1,04 ha; đất quốc phòng 0,24 ha; đất cụm công nghiệp 0,47 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,3 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 14,63 ha; đất ở tại đô thị 17,69 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,2 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,03 ha; đất tín ngưỡng 0,08 ha; đất sông, suối 9,28 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,67 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,06 ha; đất chưa sử dụng 3,77 ha.

Cụ thể chu chuyển các loại đất như sau:

\*. Đất giao thông

- Diện tích năm 2020: 578,79 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năn 2030: 721,61 ha, tăng 142,82 ha so với năm 2020; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 572,52 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung: 149,09 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 565,74 ha, giảm 13,05 ha do chuyển sang đất quốc phòng 0,03 ha; cụm công nghiệp 0,39 ha; đất thương mại, dịch vụ 1,81 ha; đất thủy lợi 2,73 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,11 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,01 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,10 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 1,25 ha; đất làm nghĩa trang 0,18 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,74 ha; đất ở tại nông thôn 1,54 ha; đất ở tại đô thị 1,17 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,03 ha; đất phi nông nghiệp khác 1,96 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 155,87 ha, tăng từ đất trồng lúa 65,19 ha, đất trồng cây hàng 25,12 ha; đất trồng cây lâu năm 16,19 ha; đất rừng sản xuất 0,73 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha; đất nông nghiệp khác 1,02 ha; đất cụm công nghiệp 0,47 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,02 ha; đất thủy lợi 6,62 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,03 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,57 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,2 ha; đất công trình bưu chính, viễn thông 0,02 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,30 ha; đất làm nghĩa trang 7,15 ha; đất chợ 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 12,39 ha; đất ở tại đô thị 14,5 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,13 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,03 ha; đất tín ngưỡng 0,08 ha; đất sông, suối 3,97 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,9 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,01 ha; đất chưa sử dụng 0,19 ha.

Một số công trình, dự án đất giao thông đưa vào thực hiện trong kỳ quy hoạch như: Đường cao tốc Quảng Ngãi -Bình Định; Đường tránh phía Đông thị trấn Chợ Chùa - GĐ 2; Đường tránh phía Tây thị trấn Chợ Chùa; Đường tỉnh 624C; đường huyện 56 C; Đường và cầu nối 2 xã Hành Nhân - Hành Dũng; Cầu Phú Thọ - xã Hành Tín Tây; hệ thống hạ tầng giao thông đô thị thị trấn Chợ Chùa*… (Chi tiết Biểu 10/CH-QH).*

\*. Đất thủy lợi

- Diện tích năm 2020: 433,64 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 476,26 ha, tăng 42,62 ha so với năm 2020. Trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 492,62 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung thấp hơn 16,36 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 413,40 ha, giảm 20,24 ha do chuyển sang đất quốc phòng 0,52 ha; cụm công nghiệp 5 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,51 ha; đất giao thông 6,62 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,09 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,04 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,60 ha; đất làm nghĩa trang 0,19 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,06 ha; đất ở tại nông thôn 3,97 ha; đất ở tại đô thị 1,78 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,82 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 62,86 ha, tăng từ đất trồng lúa 6,55 ha, đất trồng cây hàng 4,2 ha; đất trồng cây lâu năm 12,95 ha; đất rừng sản xuất 27,25 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha; đất nông nghiệp khác 0,02 ha; đất quốc phòng 0,24 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất giao thông 2,73 ha; đất làm nghĩa trang 0,07 ha; đất ở tại nông thôn 1,57 ha; đất ở tại đô thị 1,18 ha; đất sông, ngòi 5,31 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,05 ha; đất chưa sử dụng 0,71 ha.

Một số công trình, dự án đất thủy lợi đưa vào thực hiện trong kỳ quy hoạch như: Hệ thống kè chống sạt lở sông Vệ *(các xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Phước);* Kè chống sạt lở sông Phước Giang *(TT Chợ Chùa, các xã Hành Minh, Hành Dũng);* Đập Hố Sổ *(xã Hành Đức),* Hồ Suối Đá (*xã Hành Tín Tây),* hệ thống cấp nước tập trung tại thị trấn Chợ Chùa, xã Hành Minh, Hành Thuận; hệ thống xử lý nước thải khu vực thị trấn Chợ Chùa… *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

\* Đất xây dựng cơ sở văn hoá

- Diện tích năm 2020: 1,42 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 4,15 ha, tăng 2,73 ha so với hiện trạng năm 2020; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 3,42 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 0,73 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 1,13 ha, giảm 0,29 ha do chuyển sang đất an ninh để xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hành Dũng và đất cơ sở giáo dục 0,05 ha *(Trung tâm ngoại ngữ và đào tạo kỹ năng)*.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 3,02 ha, tăng từ đất trồng lúa 2,07 ha, đất thương mại dịch vụ 0,28 ha; đất giao thông 0,11 ha; đất thủy lợi 0,09 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,18 ha; đất ở đô thị 0,29 ha, diện tích tăng để thực hiện công trình sửa chữa trường Huỳnh Thúc Kháng thành trung tâm văn hóa huyện và Công viên – Quảng trưởng 23/3*.*

\* Đất xây dựng cơ sở y tế

- Diện tích năm 2020: 3,32 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 3,38 ha, tăng 0,06 ha so với hiện trạng năm 2020; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 1,54 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 1,84 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 3,21 ha, giảm 0,11 ha do chuyển sang đất giao thông 0,03 ha; đất ở tại đô thị 0,08 ha, thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa tỷ lệ 1/500.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 0,17 ha, tăng từ đất trồng cây hàng năm để mở rộng trạm y tế xã Hành Tín Đông đảm bảo đạt chuẩn về diện tích sử dụng đất theo quy định.

\* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

- Diện tích năm 2020: 33,79 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 33,07 ha, giảm 0,72 ha so với hiện trạng năm 2020; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 4,42 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 28,65 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 29,66 ha, giảm 4,13 ha do thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa tỷ lệ 1/500 và chuyển một số đất các công trình cơ sở giáo dục hiện không còn sử dụng sang mục đích khác. Trong đó; chuyển sang đất giao thông 0,57 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,18 ha *(nâng cấp sửa chữa trường Huỳnh Thúc Kháng – TT Chợ Chùa thành trung tâm văn hóa huyện)*; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,55 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 1,04 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,13 ha; đất ở tại nông thôn 1,21 ha; đất ở tại đô thị 0,45 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 3,41 ha, tăng từ đất trồng lúa 1,38 ha, đất trồng cây hàng năm 0,99 ha; đất trồng cây lâu năm 0,67 ha; đất giao thông 0,01 ha; đất thủy lợi 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,05 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,10 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,1 ha *(mở rộng trường mầm non xã Hành Trung)*; đất chưa sử dụng 0,07 ha.

Một số công trình đất giáo dục thực hiện trong kỳ quy hoạch như: mở rộng các trường mầm non Chợ Chùa, quỹ đất thu hút đầu tư xã hội hóa giáo dục mầm non tại Chợ Chùa; mở rộng trường mầm non các xã Hành Trung, Hành Dũng, Hành Tín Tây; mở rộng trưởng THCS Hành Minh; mở rộng trương tiều học xã Hành Thiện, mở rộng trường tiểu học và trường THCS tại xã Hành Tín Tây *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

\* Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao

- Diện tích năm 2020: 26,53 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 39,73 ha, giảm 13,20 ha so với hiện trạng năm 2020; trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 4,32 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 35,41 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 26,04 ha, giảm 0,49 ha; diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,2 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,1 ha; đất ở tại đô thị 0,19 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang:13,69 ha, tăng từ đất trồng lúa 2,06 ha; đất trồng cây hàng năm 7,97 ha; đất trồng cây lâu năm 0,10 ha; đất giao thông 0,10 ha; đất thủy lợi 0,04 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,55 ha; đất ở tại đô thị 0,29 ha; đất làm nghĩa trang 1,58 ha; đất ở tại đô thị 0,54 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,67 ha, đất chưa sử dụng 0,02 ha.

Một số công trình đất thể dục thể thao trong kỳ quy hoạch gồm: Sân vận động huyện; Dự án quần thể sân thể thao và hồ điều hòa - TT Chợ Chùa, khu liên hợp thể thao xã Hành Minh, Khu thể thao đa năng xã Hành Thuận và một số công trình thể thao cấp xã khác… *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

\* Đất công trình năng lượng

- Diện tích năm 2020: 0,42 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030 là 1,28 ha, tăng 0,86 ha so với năm 2020, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ 36,97 ha

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung thấp hơn 35,69 ha.

- Diện tích không thay đổi 1,28 ha,

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang 0,86 ha, tăng từ trồng lúa 0,35 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,04 ha và đất trồng cây lâu năm 0,47 ha để xây dựng trạm biến áp 110 KV Nghĩa Hành và nhu cầu nâng cấp đảm bảo an toàn lưới điện trên địa bàn huyện.

\* Đất công trình bưu chính viễn thông

- Diện tích năm 2020: 0,55 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 0,53 ha, giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm 2020, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 26,56 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung thấp hơn 26,03 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 0,52 ha, giảm 0,03 ha; diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,02 ha; đất chợ 0,01 ha *(mở rộng chợ xã Hành Minh).*

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 0,01 ha, tăng từ đất xây dựng trụ sở cơ quan *(đội thuế xã Hành Minh)* để xây dựng bưu điện văn hóa xã sau khi điều chuyển cho mục đích mở rộng chợ xã Hành Minh.

\* Đất có di tích lịch sử - văn hóa

- Diện tích năm 2020: 0,67 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 6,94 ha, tăng 0,87 ha so với năm 2020, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 10,09 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung thấp hơn 3,15 ha.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 6,07 ha, diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 0,87 ha, từ đất trồng lúa 0,35 ha *(quy hoạch Khu di tích lịch sử Đập Cây Gáo và Bia chiến thắng Hành Thiện)*, đất trồng cây lâu năm 0,19 ha và đất ở tại đô thị 0,33 ha *(quy hoạch bia di tích Trường Lũy và mở rộng di tích lịch sử Trụ sở ủy ban kháng chiến Nam Trung Bộ).*

\* Đất bãi thải, xử lý chất thải

- Diện tích năm 2020: 9,70 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 58,08 ha, tăng 48,38 ha so với năm 2020, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 41,99 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 16,09 ha.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 9,7 ha, diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 48,38 ha để thực hiện dự án Hạ tầng và hạng mục phụ trợ khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ tại địa bàn 02 xã Hành Dũng *(39,84 ha trong đó có 7,26 ha đất bãi rác hiện hữu)* và Hành Thuận *(15,8 ha),* tăng từ đất trồng lúa 4,99 ha; đất trồng cây hàng năm 10,14 ha; đất trồng cây lâu năm 17,29 ha; đất rừng sản xuất 10,75 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha; đất giao thông 1,25 ha; đất thủy lợi 0,6 ha; đất ở tại nông thôn 0,66 ha; đất chưa sử dụng 2,67 ha.

\* Đất cơ sở tôn giáo

- Diện tích năm 2020: 8,45 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 8,08 ha, giảm 0,37 ha do chuyển sang đất giao thông 0,30 ha; đất ở tại đô thị 0,07 ha *(thực hiện chỉnh trang đô thị theo quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết thị trấn Chợ Chùa).*

- Quy hoạch đến năm 2030: 8,08 ha, giảm 0,37 ha so với năm 2020.

\* Đất làm nghĩa trang

- Diện tích năm 2020: 418,87 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 401,42 ha, giảm 17,45 ha; diện tích giảm do chuyển sang đất cụm công nghiệp 1,20 ha; đất thương mại 0,66 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất giao thông 7,15 ha; đất thủy lợi 0,07 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 1,58 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,29 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,53 ha; đất ở tại nông thôn 0,87 ha; đất ở tại đô thị 3,82 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,27 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 27,18 ha, từ đất trồng lúa 0,56 ha; đất trồng cây hàng năm 1,91 ha; đất trồng cây lâu năm 14,52 ha; đất rừng sản xuất 8,82 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,06 ha; đất giao thông 0,18 ha; đất thủy lợi 0,19 ha; đất ở tại đô thị 0,83 ha; đất chưa sử dụng 0,11 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 428,60 ha, tăng 9,73 ha so với năm 2020. Một số danh mục công trình dự án đất làm nghĩa trang dự kiến thực hiện trong kỳ quy hoạch như: Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Chùa; Quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện Nghĩa Hành tại xã Hành Đức; quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Hành Dũng, Hành Trung, Hành Tín Đông. *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

\*. Đất chợ

- Diện tích năm 2020: 3,87 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 3,78 ha, giảm 0,09 ha; diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 0,06 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 1,32 ha, tăng từ đất trồng lúa 0,09 ha, đất trồng cây hàng năm 1,16 ha; đất trồng cây lâu năm 0,05 ha; đất bưu chính viễn thông 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 5,10 ha, tăng 1,23 ha so với năm 2020. Gồm các danh mục công trình như: Quy hoạch chợ trung tâm xã Hành Thiện; Chợ trung tâm xã Hành Tín Tây, Mở rộng chợ xã và quy hoạch điểm chợ tại thôn Long Bàn xã Hành Minh.

***h) Đất sinh hoạt cộng đồng***

- Diện tích năm 2020: 9,33 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 8,07 ha, giảm 1,26 ha; diện tích giảm do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,07 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,18 ha; đất ở tại nông thôn 0,82 ha; đất ở tại đô thị 0,19 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 2,49 ha, tăng từ đất trồng lúa 0,3 ha, đất trồng cây hàng năm 0,62 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,04 ha; đất làm nghĩa trang 0,29 ha; đất ở tại nông thôn 0,03 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,21 ha. Để thực hiện một số công trình như: Nhà văn hóa các xã Hành Đức, xã Hành Thịnh; Nhà sinh hoạt cộng động thôn An Sơn và thôn An Định, xã Hành Dũng; thôn Kỳ Thọ Bắc, xã Hành Đức; thôn Phổ Trung, xã Hành Trung; thôn Nghĩa Lâm, xã Hành Nhân; thôn Hòa Thọ, xã Hành Phước; thôn Khánh Giang, xã Hành Tín Đông.

- Quy hoạch đến năm 2030: 10,56 ha, tăng 1,23 ha so với năm 2020.

***i) Đất khu vui chơi giải trí công cộng***

- Diện tích năm 2020: 1,16 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 1,16 ha, diện tích tăng 23,15 ha, tăng từ đất trồng lúa 1,54 ha, đất trồng cây hàng năm 9,34 ha; đất trồng cây lâu năm 1,07 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,07 ha; đất giao thông 1,74 ha; đất thủy lợi 0,06 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,13 ha; đất làm nghĩa trang 1,53 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,18 ha; đất ở tại đô thị 6,12 ha; đất sông suối 1,31 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,06 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 24,31 ha, tăng 23,15 ha so với năm 2020. Một số công trình, dự án sử dụng đất khu vui chơi, giải trí thực hiện trong kỳ quy hoạch như: Công viên văn hóa dọc sông Phước Giang - TT Chợ Chùa, các khu vui chơi giải trí trong khu dân cư theo quy hoạch xây dựng thị trấn; khu công viên, vui chơi giải trí tại các xã Hành Minh, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

***J) Đất ở tại nông thôn***

- Diện tích năm 2020: 1.007,91 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 1.194,37 ha, tăng 186,46 ha so với năm 2020, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 1.026,71 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 167,66 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 989,62 ha, giảm 18,29 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,19 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,49 ha; đất giao thông 12,39 ha; đất thủy lợi 1,57 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 0,66 ha; đất chợ 0,01 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,03 ha, phi nông nghiệp khác 0,95 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 166,99 ha, tăng từ đất trồng lúa 68,16 ha, đất trồng cây hàng năm 87,91 ha; đất trồng cây lâu năm 37,92 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,00 ha; đất giao thông 1,54 ha; đất thủy lợi 3,97 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,21 ha; đất làm nghĩa trang 0,87 ha; đất chợ 0,06 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,82 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất sông, suối 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,16 ha; đất chưa sử dụng 1,09 ha.

Một số công trình, dự án đất ở nông thôn quan trọng trong kỳ quy hoạch như: Di dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành, xã Hành Dũng; Khu dân cư đồng Trảy và Khu dân cư Bắc cầu Kênh, Hành Thuận; Khu dân cư Đồng Xít giai đoạn 2 *(xã Hành Đức)*; khu dân cư Đồng Giá, xã Hành Minh; Khu dân cư Bàn Thới; Khu dân cư cầu Công Hòa, xã Hành Thiện; Khu dân cư Tân Hòa - xã Hành Tín Tây, 02 dự án thu hút đầu tư phát triển dân cư Chợ Chùa - Hành Thuận và Chợ Chùa - Hành Minh… *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

***k) Đất ở tại đô thị***

- Diện tích năm 2020: 101,61 ha.

- Diện tích quy hoạch đến năm 2030: 135,1 ha, tăng 33,49 ha so với năm 2020, trong đó:

+ Diện tích cấp tỉnh phân bổ: 93,79 ha.

+ Diện tích cấp huyện xác định bổ sung 41,31 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 70,17 ha, giảm 31,44 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 5,15 ha; đất giao thông 14,50 ha; đất thủy lợi 1,18 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,29 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,54 ha; đất có di tích lịch sử 0,33 ha; đất làm nghĩa trang 0,83 ha; đất khu vui chơi giải trí 6,12 ha; đất phi nông nghiệp khác 2,48 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 64,93 ha, tăng từ đất trồng lúa 36,99 ha, đất trồng cây hàng năm 18,38 ha; đất trồng cây lâu năm 0,44 ha; đất an ninh 0,02 ha; đất giao thông 1,17 ha; đất thủy lợi 1,78 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,08 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,45 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,19 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,07 ha; đất làm nghĩa trang 3,82 ha; đất chợ 0,02 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,19 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,09 ha; đất sông, suối 0,45 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,48 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,02 ha; đất chưa sử dụng 0,11 ha.

Một số công trình dự án đất ở đô thị trong kỳ quy hoạch như khu dân cư Đồng Dinh giai đoạn 2, khu dân cư Bắc cầu Kênh, Thu hút đầu tư 02 khu dân cư Chợ Chùa – Hành Thuận và Chợ Chùa – Hành Minh; chỉnh trang đô thị theo quy hoạch xây dựng thị trấn Chợ Chùa *(Chi tiết xem Biểu 10/CH-QH).*

***l) Đất xây dựng trụ sở cơ quan***

- Diện tích năm 2020: 9,64 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 8,58 ha, giảm 1,06 ha do chuyển sang đất an ninh 0,44 ha; đất thương mại 0,13 ha; đất giao thông 0,13 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,06 ha; đất công trình bưu chính viễn thông 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 0,02 ha, đất ở tại đô thị 0,18 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,09 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 0,49 ha, được chuyển từ đất trồng lúa 0,29 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,15 ha; đất giao thông 0,03 ha và đất thủy lợi 0,02 ha, do mở rộng Thư viện huyện theo quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Chợ Chùa; Kho bạc nhà nước huyện Nghĩa Hành; mở rộng đất trụ sở để xây dựng nhà làm việc của ban chỉ huy quân sự xã Hành Tín Đông, Hành Tín Tây.

- Quy hoạch đến năm 2030 là 9,07 ha, giảm 0,57 ha so với năm 2020.

***m) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp***

- Diện tích năm 2020: 5,01 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 4,60 ha, giảm 0,41 ha do chuyển sang đất thương mại 0,08 ha, giao thông 0,03 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,21 ha *(Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Kỳ Thọ Bắc; Nhà văn hóa xã – xã Hành Đức)*; đất ở tại đô thị 0,09 ha*.*

- Quy hoạch đến năm 2030 là 4,60 ha, giảm 0,41 ha so với năm 2020.

***n) Đất tín ngưỡng***

- Diện tích năm 2020: 5,79 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 5,71 ha, giảm 0,08 ha do chuyển sang đất giao thông *(Quy hoạch đô thị thị trấn Chợ Chùa).*

- Quy hoạch đến năm 2030 là 5,71 ha, giảm 0,08 ha so với năm 2020.

***o) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***

- Diện tích năm 2020: 840,17 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 829,09 ha, giảm 11,08 ha, để thực hiện xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi (*hệ thống kè chống sạt lở ven sông)*, chỉnh trang đô thị…trong đó: Chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,02 ha; đất giao thông 3,97 ha; đất thủy lợi 5,31 ha; khu vui chơi giải trí 1,31 ha *(chỉnh trang đô thị theo quy hoạch)*; đất ở tại nông thôn 0,02 ha; đất ở tại đô thị 0,45 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 829,09 ha, giảm 11,08 ha so với năm 2020.

***p) Đất có mặt nước chuyên dùng***

- Diện tích năm 2020: 72,83 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 54,74 ha, giảm 18,09 ha, để thực hiện xây dựng các công trình như mở rộng cụm công nghiệp Đồng Dinh; chỉnh trang đô thị, quy hoạch điểm du lịch…trong đó: Chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,02 ha; đất thương mại 15,62 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha; đất giao thông 0,9 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,1 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,67 ha *(dự án quần thể sân thể thao, hồ điều hòa)*, khu vui chơi giải trí 0,06 ha; đất ở tại nông thôn 0,16 ha; đất ở tại đô thị 0,48 ha, đất phi nông nghiệp khác 0,07 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 54,74 ha, giảm 18,09 ha so với năm 2020

***q) Đất phi nông nghiệp khác***

- Diện tích năm 2020: 4,02 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 3,94 ha, giảm 0,08 ha do chuyển sang đất giao thông 0,01 ha; đất thủy lợi 0,05 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha.

- Diện tích từ các mục đích khác chuyển sang: 39,51 ha, để quy hoạch quỹ đất dự phòng cho phát triển hạ tầng đô thị tại thị trấn Chợ Chùa và khu vực trung tâm xã Hành Thiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng; thu hút đầu tư các khu dân cư Chợ Chùa – Hành Minh, Chờ Chùa – Hành Thuận. Tăng lên từ các loại đất: Đất trồng lúa 13,23 ha; đất trồng cây hàng năm 19,12 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,51 ha; đất giao thông 1,96 ha; đất thủy lợi 0,82 ha; đất làm nghĩa trang 0,27 ha; đất ở tại nông thôn 0,95 ha; đất ở tại đô thị 2,48 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,09 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,07 ha, đất chưa sử dụng 0,01 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 43,45 ha, tăng 39,43 ha so với năm 2020.

## 3.2.3.3. Đất chưa sử dụng

- Diện tích năm 2020: 113,26 ha.

- Diện tích không thay đổi so với hiện trạng: 99,33 ha, giảm 13,93 ha do chuyển sang đất nông nghiệp 7,31 ha; đất phi nông nghiệp 6,62 ha.

- Quy hoạch đến năm 2030: 99,33 ha, giảm 13,93 ha so với năm 2020.

## 3.2.4. Tổng hợp diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch (2021 - 2030)

Để đảm bảo được nhu cầu đất đai cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang mở rộng đô thị, phát triển các khu dân cư nông thôn... bên cạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải chuyển đổi thêm từ các loại đất đang sử dụng. Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 sẽ chuyển 1.200,67 ha đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp; chuyển đổi 52,89 ha trong cơ cấu nội bộ đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải đất ở sang đất ở là 18,68 ha, cụ thể như sau:

Biểu 10: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đến năm 2030

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Mã** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp** | **NNP/PNN** | **1.200,67** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA/PNN | 219,77 |
|  | *Tr. đó: đất chuyên lúa nước* | *LUC/PNN* | 214,44 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK/PNN | 191,84 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN/PNN | 138,40 |
| 1.4 | Đất rừng sản xuất | RSX/PNN | 649,38 |
| 1.5 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS/PNN | 0,24 |
| 1.6 | Đất nông nghiệp khác | NKH/PNN | 1,04 |
| **2** | **Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp** |  | **52,89** |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 2.1 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm | LUA/CLN | 19,87 |
| 2.2 | Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | RSX/NKR(a) | 33,02 |
| **3** | **Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở** | **PKO/OCT** | **18,68** |

*Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 04/CH* .

## 3.2.5. Tổng hợp diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch (*2021-2030)*

Trong kỳ quy hoạch dự kiến sẽ khai thác 13,93 ha đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp *(7,31 ha)* và phi nông nghiệp *(6,62 ha)* cụ thể như sau:

Biểu 11: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục đích sử dụng** | **Mã** | **Diện tích** *(ha)* |
| **A** | **Tổng cộng (A=1+2)** |  | **13,93** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **7,31** |
| 1.1 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 3,22 |
| 1.1 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 0,45 |
| 1.2 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 3,64 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **6,62** |
| 2.1 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 0,53 |
| 2.2 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 1,10 |
| 2.3 | Đất hạ tầng | DHT | 3,77 |
| - | Đất giao thông | DGT | 0,19 |
| - | Đất thuỷ lợi | DTL | 0,71 |
| - | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 0,07 |
| - | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 0,02 |
| - | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | 2,67 |
| - | Đất làm nghĩa trang | NTD | 0,11 |
| 2.4 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1,09 |
| 2.5 | Đất ở tại đô thị | ODT | 0,11 |

*Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã, thị trấn xem biểu 05/CH .*

# 2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

Căn cứ phương án QHSD đất đến năm 2030 và bản đồ QHSD đất toàn huyện đến năm 2030, tỷ lệ 1/25.000; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất theo các khu chức năng như sau :

**2.3.1. Đất đô thị (KDT)**

Đất đô thị được tính theo tổng diện tích tự nhiên của thị trấn Chợ Chùa theo ranh giới hành chính. Tổng diện tích đất đô thị có 753,46 ha, chiếm 3,21% tổng DTTN toàn huyện, diện tích không thay đổi so với năm 2020. Trong đó: đất nông nghiệp có 364,82 ha *(chủ yếu là đất trồng cây lâu năm, đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm)*; đất phi nông nghiệp có 388,64 ha (*chủ yếu là đất ở tại đô thị, đất phát triển hạ tầng, đất cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ; đất khu vui chơi, giải trí công cộng….).*

## 2.3.2. Khu sản xuất nông nghiệp *(Khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm):* (KNN)

Đến năm 2030, tổng diện tích đất khu sản xuất nông nghiệp có khoảng 7.475,78 ha, chiếm 31,88% tổng DTTN toàn huyện; phân bố trên địa bàn 12 xã, thị trấn. Trong đó khu vực chuyên trồng lúa nước có khoảng 3.166,68 ha, 42,36% tổng DTTN toàn huyện. Diện tích còn lại chủ yếu là đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất phi nông nghiệp *(chủ yếu là cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất như đất giao thông, thủy lợi)****.*** Khu vực chuyên trồng lúa nước phân bố ở 12 xã, thị trấn; nằm trong vùng tưới chủ động của hệ thống kênh Thạch Nham và một số công trình thủy lợi tại địa bàn như: Hồ Cây Queen, Hồ Hóc Cài…

**2.3.2. Khu lâm nghiệp *(Khu vực rừng phòng hộ, rừng sản xuất)*: (KLN*)***

Đến năm 2030, tổng diện tích đất khu lâm nghiệp có khoảng 10.368,62 ha, chiếm 44,22% tổng DTTN toàn huyện; phân bố trên địa bàn 09/12 xã, thị trấn. Trong đó: đất rừng phòng hộ có 1.054,95 ha, đất rừng sản xuất có 8.479,48 ha; còn lại đất phi nông nghiệp *(đất giao thông, thủy lợi, đất sản xuất vật liệu xây dựng,...)*, đất cây lâu năm xen kẽ. Trong đó:

***a) Khu vực rừng phòng hộ:*** Tổng diện tích khu vực rừng phòng hộ đến năm 2030 có khoảng 1.648,83 ha, chiếm 15,9% tổng diện tích khu lâm nghiệp. Trong đó, đất rừng phòng hộ có 1.054,95 ha; diện tích còn lại đất phi nông nghiệp *(đất giao thông, đất công trình thủy lợi, đất khai thác vật liệu xây dựng,...)*, đất cây lâu năm xen kẽ. Khu vực rừng phòng hộ phân bố ở phía Tây huyện, phòng hộ đầu nguồn cho một hồ thủy lợi thuộc địa bàn xã Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Tín Đông, Hành Đức.

***b) Khu vực rừng sản xuất:*** Tổng diện tích khu vực rừng sản xuất đến năm 2030 có khoảng 8.719,,79 ha, chiếm 84,1% tổng diện tích khu lâm nghiệp. Trong đó, đất rừng sản xuất có 8.479,48 ha, diện tích còn lại là đất trồng cây lâu năm nằm rải rác trong khu vực rừng sản xuất; đất phi nông nghiệp (*đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất quốc phòng, sông suối….).* Khu vực rừng sản xuất tập trung ở địa bàn 9/12 xã thị trấn huyện Nghĩa Hành.

**2.3.3. Khu du lịch: (KDL)**

Diện tích đất khu du lịch đến năm 2030 có khoảng 179,2 ha; chiếm 0,7% tổng DTTN của huyện. Gồm các công trình đáng chú ý như Suối Chí, Suối Nước Nóng, Bàu Hữu, Cánh đồng sen – La Băng, Bàu Lác…

**2.3.4. Khu phát triển công nghiệp *(cụm công nghiệp)*:(KPC)**

Đến năm 2030, tổng diện tích khu phát triển công nghiệp có 57,91 ha, chiếm 0,25% tổng DTTN toàn huyện. Trong đó: đất cụm công nghiệp có 53,23 ha. Gồm cụm công nghiệp Đồng Dinh – TT Chợ Chùa *(29,53 ha)* và cụm công nghiệp Hành Đức - Hành Minh *(23,7 ha).* Khu vực cụm công nghiệp tập trung thuận tiện về giao thông đường bộ, cung cấp điện, nước, nguồn cung cấp nguyên liệu, lao động và tiêu thụ sản phẩm.

**2.3.5. Khu đô thi *(kể cả đô thị mới)*:(DTC)**

Khu đô thị gồm toàn bộ đất xây dựng đô thị hiện trạng và quy hoạch  
mở rộng tại thị trấn Chợ Chùa*.* Tổng diện tích đất khu đô thị có 405,13 ha, chiếm 1,73% diện tích tự nhiên toàn huyện và 53,77% đất đô thị, trong đó chủ yếu là đất ở đô thị, đất xây dựng kết cấu hạ tầng và đất nông nghiệp xen kẻ trong khu đô thị.

**2.3.6. Khu thương mại - dịch vụ: (KTM)**

Tổng diện tích khu vực đô thị-thương mại-dịch vụ toàn huyện đến năm 2020 có 16,39 ha, chủ yếu là khu thương mại tại thị trấn Chợ Chùa theo quy hoạch chi tiết xây dựng, ngoài ra còn có hệ thống các công trình chợ nông thôn ở các khu trung tâm xã, cây xăng…

**2.3.7. Khu dân cư nông thôn (DNT)**

Khu dân cư nông thôn gồm toàn bộ diện tích tính theo ranh giới ngoài cùng để xây dựng nhà ở, các công trình phục vụ cho đời sống, các công trình công cộng, đất nông nghiệp gắn liền với nhà ở và các loại đất khác thuộc phạm vi ranh giới khu dân cư nông thôn trong địa giới hành chính các xã. Tổng diện tích khu dân cư nông thôn đến năm 2030 là 3.620,04 ha, chiếm 15,44% diện tích tự nhiên, trong đó chủ yếu là đất ở nông thôn, các công trình hạ tầng quan trọng của xã và đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư.

**2.3.8. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn (KON)**

Khu ở, làng nghề nằm trong khu dân cư nông thôn. Khu sản xuất phi nông nghiệp nằm cạnh khu dân cư nông thôn và một số diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân nằm trong khu dân cư. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn phát triển tập trung ở khu trung tâm xã và các thôn, làng; dọc theo các tuyến đường giao thông. Các ngành nghề sản xuất phi nông nghiệp nông thôn tập trung vào chế biến nông sản, lâm sản, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí, ... Quy hoạch đến năm 2030 định hướng phát triển làng nghề tại xã Hành Nhân, với diện tích là 19,23 ha, trong đó đất phát triển làng nghề là 17,96 ha.

# III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

# 3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện Nghĩa Hành đã xác định rõ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ điều chỉnh, theo đó cũng tạo ra nguồn thu từ đất cho ngân sách địa phương từ việc giao đất, cho thuê đất. Đồng thời cũng thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phương án quy hoạch đã xác định được các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho những đối tượng được nhà nước thu hồi đất để sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn huyện.

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện cho thấy về chỉ tiêu sử dụng đất các cấp, các ngành là phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030 và là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Về phương diện kinh tế, thông qua phương án quy hoạch sử dụng đất, giá trị của đất được nâng lên, thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, thị trường lao động, tạo ra nguồn vốn, nguồn lực vô cùng quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phương án quy hoạch đã tạo ra quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và du lịch, đất ở đô thị và nông thôn.

Theo đó, nếu như phương án quy hoạch của huyện được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra sẽ tạo nhiều nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, đặc biệt là giao đất, đấu giá đất ở nông thôn, giao đất, đấu giá đất ở đô thị, giao đất cho thuê đất sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ. Đồng thời, song hành với việc thu từ công tác giao đất, huyện cũng cần tính đến phương án, chi phí đền bù cho việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, đất ở… để tạo lên sự phát triển ổn định và bền vững.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ, các Quyết định của UBND tỉnh ban hành giá đất *(Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/06/2020)*; giá đền bù hoa màu và tài sản trên đất khi thu hồi đất; ... Ước tính các khoản thu, chi về đất đai dự kiến như sau:

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 1.229,45 tỷ đồng.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư..: 2.370,14 tỷ đồng; chưa tính chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư.

- Cân đối: dư 1.140,69 tỷ đồng; thu tiền sử dụng đất hàng năm bình quân 114 tỷ đồng/năm *(chi tiết xem phụ biểu 05)*

# **3.2. Đánh giá tác động** của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Nhằm đảm bảo an ninh lương thực của cả tỉnh nói chung và của huyện Nghĩa Hành nói riêng, phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã bố trí diện tích đất trồng lúa là 3.401,45 ha. Bên cạnh đó, phương án quy hoạch cũng đã đề xuất các giải pháp để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm lương thực phù hợp với địa phương *(như ứng dụng công nghệ cao, thâm canh, phát triển lúa chất lượng cao, sử dụng giống mới…)*. Với việc quỹ đất trồng lúa của huyện đến năm 2030 còn khá lớn, kết hợp với những giải pháp tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sẽ là đảm bảo đầy đủ tính án toàn lương thực cho huyện trong những năm tiếp theo.

Ngoài ra, dự kiến đến năm 2030 toàn huyện Nghĩa Hành có 2.614,72 ha đất trồng cây hàng năm với các mục đích trồng ngô, khoai, sắn, rau màu các loại cũng sẽ góp phần quan trọng cho việc đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong vùng.

# 3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Phương án QHSD đất đã bố trí quỹ đất ở tại nông thôn 1.194,37 ha *(trong đó mở rộng thêm 186,46 ha)*; đất ở tại đô thị 135,10 ha (*trong đó mở rộng thêm 33,49 ha)* để bố trí tái định cư cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất khi thực hiện các dự án xây dựng công trình công cộng *(phát triển đô thị, xây dựng khu công nghiệp, du lịch, đường giao thông, thủy lợi, thoát nước đô thị, .)*; bố trí đất cho các hộ tăng thêm tự nhiên, dãn dân và cho dân số tăng cơ học đến ở tại các khu đô thị mới theo quy hoạch xay dựng vùng huyện được tỉnh phê duyệt cũng như định hướng thu hút đầu tư đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa; đồng thời tạo quỹ đất để phát triển thị trường bất động sản tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

Mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất. Việc chuyển đổi 1.200,67 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, trong đó có 219,77 ha đất trồng lúa, 191,84 ha đất trồng cây hàng năm khác, 138,40 ha đất cây lâu năm, 649,38 ha đất rừng sản xuất... phần nào sẽ làm ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận dân cư có đất bị thu hồi. Để khắc phục vấn đề này huyện cần thực hiện tốt những giải pháp cụ thể như: Hỗ trợ ổn định đời sống, vốn để sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ đào tạo nghề cho các lao động… Khuyến khích đầu tư đầu tư mở rộng ngành nghề, dịch vụ để tạo thêm việc làm mới ở nông thôn; tăng cường công tác đào tạo nghề để thúc đẩy sự phân công lại lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Bên cạnh đó việc cân đối quỹ đất đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực tạo thuận lợi trong việc thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, là cơ sở để chuyển dịch cơ cấu kinh tế cơ cấu lao động theo hướng dịch vụ công nghiệp, đáp ứng mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ cũng như quy hoạch vùng huyện Nghĩa Hành đặt ra.

# 3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Nghĩa Hành cần một lượng lớn quỹ đất để đáp ứng nhu cầu phát triển. Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tính toán cân đối nhu cầu đất ở của dân cư đô thị của huyện Nghĩa Hành trong quá trình đô thị hóa, bố trí quỹ đất xây dựng đô thị của huyện khoảng 280 – 320 ha, đảm bảo cho mục tiếp từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V và tiệm cận đô thị loại IV vào năm 2030. Đất phát triển hạ tầng của huyện trong kỳ quy hoạch sẽ tăng thêm khoảng 182 ha cho thu hút đầu tư phát triển thương mại dịch vụ, khoảng 230 ha để xây dựng thêm các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế, tạo tiền đề để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Diện tích đất tăng thêm được bố trí cho các mục đích phát triển hạ tầng sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Nghĩa Hành phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đưa các chỉ tiêu xã hội hóa của huyện đạt mức trung bình của tỉnh, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

# 3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Trong phương án quy hoạch cũng đã thể hiện rõ những mục tiêu, nhiệm vụ và quan điểm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại nhằm truyền bá sâu rộng các giá trị văn hóa trong công chúng. Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống cấp, tổn thất hoặc bị hủy hoại.

Phương án quy hoạch cũng đã tính toán đầy đủ quỹ đất nhằm đáp ứng được việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử.

# 3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp l‎ý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện Nghĩa Hành cho thấy, huyện đã có định hướng khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên vào phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Cụ thể như sau:

Nhằm tận dụng tốt nguồn tài nguyên của địa phương, huyện Nghĩa Hành đã chủ động thực hiện chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng phù hợp. Theo đó, thực hiện chuyển đổi vị trí đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm có năng suất thấp sang mô hình rau sạch, cây ăn quả, lúa chất lượng cao, khu chăn nuôi. Đây là những mô hình sẽ đem lại giá trị kinh tế lớn, đồng thời đảm bảo nguồn an ninh lương thực lâu dài cho huyện.

Trong phương án quy hoạch sử dụng đất huyện đã bố trí 53,23 ha đất cụm công nghiệp, 125,18 ha đất thương mại dịch vụ; 36,04 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nhằm đáp ứng cho phát triển ngành công nghiệp như: công nghiệp chế biến nông, sản - thực phẩm công nghiệp hỗ trợ, may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng …. Đẩy mạnh, việc phát triển các ngành kinh tế *(dịch vụ, công nông nghiệp);* phát triển đô thị, nông thôn;…theo hướng phát triển bền vững, lấy hiệu quả kinh tế làm mục tiêu, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường cho huyện.

Khai thác hợp lý quỹ đất chưa sử dụng có khả năng sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp góp phần cân đối quỹ đất, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Việc thực hiện bố trí quỹ đất để xây dựng hệ thống kè sông để chống sạt lở đất là giải pháp hữu hiệu nhằm hạn chế mất đất do sạt lở bờ sông, đồng thời đảm bảo an toàn và tính mạng của người dân sống ven sông.

# Phần IV

# KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU

# CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

# I/ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

# 1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh

Do quy hoạch tỉnh, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch sử dụng đất cấp 5 năm kỳ đầu (2021-2025) hiện đang thực chưa hoàn thành nên chưa có cơ sở để phân bổ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho cấp huyện lập KHSD đất năm 2021. Thực hiện văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Tài nguyênvà Môi trường, UBND huyện đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên cơ sở chỉ tiêu điều chỉnh QHSD đất huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 chưa thực hiện hết làm cơ sở để lập KHSD đất năm 2021. Hiện nay, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 24/2/2021.

# 1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất năm đầu của QHSD đất đến năm 2030 được xác định trên cơ sở : *(xem biểu 10/CH và 13/CH)*

- Chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 của huyện chưa sử dụng hết *(chỉ tiêu diện tích các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp, chỉ tiêu mở rộng các loại đất phi nông nghiệp).*

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm *(2021 -2025)* có các công trình, dự án thực hiện năm 2021 đã được bố trí vốn ngân sách trong kế hoạch năm 2021.

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực thực hiện các công trình dự án; nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 nằm ngoài Điều chỉnh QHSD đất huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu 12: Nhu cầu sử dụng đất năm 2021

| **Số TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích** *(ha)* | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng cộng** |  | **53,03** |  |
| 1 | Đất quốc phòng | CQP | 1,5 | Thao trường Hành Thiện |
| 2 | Đất an ninh | CAN | 0,09 | Công an xã Hành Thuận |
| 3 | Đất thương mại | TMD | 0,08 | Xã hành Đức |
| 4 | Đất giao thông | DGT | 9,53 | Đường tránh phía Đông, Giao thông nội thị Chợ Chùa, Cầu Phú Thọ, Cầu đường Hành Dũng - Hành Nhân |
| 5 | Đất thủy lợi | DTL | 3,65 | Kè chông sạt lở bờ sông Vệ, Trạm bơm Đồng Vinh - Hành Nhân, Trạm bơm Tân Hòa - Hành Tín Tây |
| 6 | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 1,1 | Trung tâm văn hóa - TT huyện |
| 7 | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 0,04 | Mở rộng trường THCS Hành Minh |
| 8 | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 1,5 | Sân thể thao xã Hành Thiện |
| 9 | Đất công trình năng lượng | DNL | 0,04 | Hệ thống điện các xã Hành Đức, Hành Phước, Hành Thiện, Hành Thịnh |
| 10 | Đất làm nghĩa trang | NTD | 1,00 | Xã Hành Trung |
| 11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 0,47 | Nhà văn hóa một số xã, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn |
| 12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 3,46 | Công viên văn hóa tại thị trấn Chợ Chùa *(quy hoạch chi tiết)* |
| 13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 27,88 | Khu tái định cư Hành Dùng;Khu dân cư Bắc Cầu Kênh;Khu dân cư Đồng Xít - Hành Đức;Khu dân cư Thổ Du - Hành Minh;Xuân Ba - Mỹ Hưng - Hành Thịnh; Các điểm dân cư xã Hành Phước và một số xã |
| 14 | Đất ở tại đô thị | ODT | 2,09 | Khu dân cư Đồng Dinh, Khu dân cư Bắc Đồng Xít, chuyên mục đích hộ gia đình cá nhân |
| 15 | Đất xây dựng trụ sơ cơ quan | TSC | 0,6 | Khu vực TT Chợ Chùa |

# 1.3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất kỳ quy hoạch trước chưa sử dụng hết trong Điều chỉnh QHSD đất huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 ngoài điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 đã được phê duyệt *(thông qua danh mục các công trình, dự án - biểu 10/CH)*; căn cứ chỉ tiêu KHSD đất năm 2021 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt và nhu cầu cầu sử dụng đất tăng thêm trong năm 2021; tổng hợp, cân đối chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất toàn huyện như sau:

Biểu 13: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021

| **TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Hiện trạng năm 2020** | | **Kế hoạch SD đất năm 2021** | | **Tăng, giảm (-)** *(ha)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích** *(ha)* | **Cơ cấu** *(%)* | **Diện tích** *(ha)* | **Cơ cấu** *(%)* |
|  | **TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN** |  | **23.448,55** | **100** | **23.448,55** | **100** |  |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **19.646,80** | **83,8** | **19.604,96** | **83,61** | **-41,84** |
|  | *Trong đó* |  | **-** |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 3.562,77 | 15,2 | 3.536,52 | 15,08 | -26,25 |
| - | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | LUC | 3.398,02 | 14,5 | 3.371,77 | 14,38 | -26,25 |
| 1,2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.979,68 | 12,7 | 2.966,04 | 12,65 | -13,64 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 2.836,33 | 12,1 | 2.834,41 | 12,09 | -1,92 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 1.021,96 | 4,36 | 1.021,96 | 4,36 |  |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | RSX | 9.194,87 | 39,2 | 9.194,87 | 39,21 |  |
|  | *Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | RSN | 1.804,72 | 7,7 | 1.804,72 | 7,7 |  |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thuỷ sản | NTS | 18,64 | 0,08 | 18,61 | 0,08 | -0,03 |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 32,55 | 0,14 | 32,55 | 0,14 |  |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **3.688,49** | **15,7** | **3.730,95** | **15,91** | **42,46** |
|  | *Trong đó* |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 57,77 | 0,25 | 59,27 | 0,25 | 1,50 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 1,00 |  | 1,09 |  | 0,09 |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | SKN | 13,54 | 0,06 | 13,54 | 0,06 |  |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 1,63 | 0,01 | 1,71 | 0,01 | 0,08 |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 17,27 | 0,07 | 17,23 | 0,07 | -0,04 |
| 2.6 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng | SKX | 14,39 | 0,06 | 14,39 | 0,06 |  |
| 2.7 | Đất hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 1.525,42 | 6,51 | 1.535,72 | 6,55 | 10,30 |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| *-* | *Đất giao thông* | *DGT* | 578,79 | 2,47 | 586,26 | 2,5 | 7,47 |
| *-* | *Đất thuỷ lợi* | *DTL* | 433,64 | 1,85 | 434,81 | 1,85 | 1,17 |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* | 1,42 | 0,01 | 2,52 | 0,01 | 1,10 |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | 3,32 | 0,01 | 3,32 | 0,01 | 0,00 |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo* | *DGD* | 33,79 | 0,14 | 32,34 | 0,14 | -1,45 |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao* | *DTT* | 26,53 | 0,11 | 27,87 | 0,12 | 1,34 |
| *-* | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | 0,42 |  | 0,46 |  | 0,04 |
| *-* | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | 0,55 |  | 0,55 |  |  |
| *-* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | 6,07 | 0,03 | 6,07 | 0,03 |  |
| *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | 9,70 | 0,04 | 9,70 | 0,04 |  |
| *-* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | 8,45 | 0,04 | 8,45 | 0,04 |  |
| *-* | *Đất làm nghĩa trang* | *NTD* | 418,87 | 1,79 | 419,50 | 1,79 | 0,63 |
| *-* | *Đất chợ* | *DCH* | 3,87 | 0,02 | 3,87 | 0,02 |  |
| 2.8 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 9,33 | 0,04 | 9,80 | 0,04 | 0,47 |
| 2.9 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 1,16 |  | 4,62 | 0,02 | 3,46 |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1.007,91 | 4,3 | 1.034,03 | 4,41 | 26,12 |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | ODT | 101,61 | 0,43 | 103,61 | 0,44 | 2,00 |
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 9,64 | 0,04 | 10,23 | 0,04 | 0,59 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 5,01 | 0,02 | 4,93 | 0,02 | -0,08 |
| 2.14 | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 5,79 | 0,02 | 5,79 | 0,02 |  |
| 2.15 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 840,17 | 3,58 | 838,15 | 3,57 | -2,02 |
| 2.16 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 72,83 | 0,31 | 72,82 | 0,31 | -0,01 |
| 2.17 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 4,02 | 0,02 | 4,02 | 0,02 |  |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **113,26** | **0,48** | **112,64** | **0,48** | **-0,62** |

# II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Trong kế hoạch năm 2021, để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho phát triển của các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên địa bàn huyện, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đòi hỏi phải bố trí một quỹ đất hợp lý. Vì vậy, trong kế hoạch này, một số loại đất cần chuyển mục đích như sau: *(Biểu 07/CH****)***

Biểu 14: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2021

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục đích sử dụng** | **Mã SDĐ** | **Diện tích** *(ha)* |
|
| **1** | **Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp** | **NNP/PNN** | **41,84** |
|  | *Trong đó:* |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA/PNN | 26,25 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC/PNN* | *26,25* |
|  | *Đất trồng lúa nước còn lại* | *LUK/PNN* |  |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK/PNN | 13,64 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN/PNN | 1,92 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS/PNN | 0,03 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở** | **PKO/OCT** | **4,52** |

*Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.*

*- PKO là đất phi nông nghiệp không phải đất ở.*

# III. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI

Trong năm 2021 dự kiến thu hồi 38,66 ha đất nông nghiệp và 10,8 ha đất phi nông nghiệp để thực hiện các danh mục công trình dự án,cụ thể thu hồi các loại đất như sau: *(Biểu 08/CH)*

Biểu 15: Diện tích thu hồi đất trong năm kế hoạch 2021

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Tổng diện tích** *(ha)* |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **1** | **ĐẤT NÔNG NGHIỆP** | **NNP** | **38,66** |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 26,25 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *26,25* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 11,57 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 0,63 |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 0,18 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 0,03 |
| **2** | **ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP** | **PNN** | **10,80** |
| 2.1 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 0,04 |
| 2.2 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 6,19 |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | 2,03 |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | 2,51 |
|  | *Đất cơ sở giáo dục - đào tạo* | *DGD* | 1,49 |
|  | *Đất cơ sở thể dục - thể thao* | *DTT* | 0,16 |
| 2.3 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1,76 |
| 2.4 | Đất ở tại đô thị | ODT | 0,09 |
| 2.5 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 0,24 |
| 2.6 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 0,08 |
| 2.7 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 0,37 |
| 2.8 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 2,02 |
| 2.9 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 0,01 |

# IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Năm 2020, dự kiến sẽ khai thác 0,6 ha đất chưa sử dụng đqa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp cụa thể là: *(Biểu 09/CH)*

Biểu 16: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2021

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Tổng diện tích** *(ha)* |
|
|  | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **0,62** |
| 2.1 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 0,49 |
|  | *Đất giao thông* | *DGT* | *0,11* |
|  | *Đất thủy lợi* | *DTL* | *0,38* |
| 2.2 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 0,02 |
| 2.3 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 0,11 |

# V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

Danh mục các công trình, dự án trong năm đầu của quy hoạch sử dụng đất được thể hiện trong biểu số 10/CH.

# Phần V

# GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

# I. GIẢI PHÁP CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, điều tra đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước trên địa bàn huyện để sử dụng có hiệu quả và bền vững.

- Đối với sản xuất nông nghiệp:

+ Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điểu kiện thổ nhưỡng với trọng tâm là hình thành vùng chuyên canh cây ăn quả kết hợp với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

+ Thực hiện ứng dụng sản xuất theo hướng canh tác hữu cơ ở những vùng có điều kiện; sử dụng phân bón hợp lý đặc biệt tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ và phân vi sinh, hạn chế sử dụng phân hoá học và các loại thuốc hoá học bảo vệ thực vật.

+ Các vùng đất có độ dốc lớn, không nên làm đất vào mùa mưa nhằm giảm thiểu các quá trình xói mòn, rửa trôi đất, khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường đất để sử dụng đất ổn định, lâu dài và bền vững.

+ Nghiên cứu thu hút đầu tư phát triển rừng gỗ lớn để tăng cường độ che phủ rừng, tăng nguồn sinh thủy đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế ngành lâm nghiệp.

- Đối với sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

+ Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít hoặc không gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường.

+ Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử phạt nghiêm khắc hoặc đình chỉ sản xuất đối với các nhà máy, các cơ sở sản xuất kinh doanh, v.v... gây ô nhiễm môi trường do các nguồn chất thải không được xử lý.

- Đối với đầu tư và thu hút đầu tư

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống kè để chống sạt lở ven sông (sông Vệ, sông Phước Giang, sông Hiệp Phổ) nhằm hạn chế tác động của thiên tai, ổn định đời sống cho dân cư ven sông.

+ Thu hút đầu tư vào việc quy hoạch và xây dựng dựng nghĩa trang nhân dân huyện, chỉnh trang nghĩa trang thị trấn theo quy hoạch; có kế hoạch quy hoạch sắp xếp, di dời các nghĩa địa xen kẽ trong khu dân cư.

+ Thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng thoát nước, cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nhất là khu vực thị trấn Chợ Chùa.

+ Trong quá trình triển khai các dự án cụ thể về xây dựng các các cơ sở sản xuất công nghiệp; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng; các dự án về du lịch dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ tập trung... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường...

- Nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường cảnh quan, có các biện pháp xử lý nghiêm trường hợp vi phạm.

# II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá hoặc hợp tác công - tư (*như xây dựng chợ, trường học...).*

- Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị…đối với khu vực ven các trục giao thông, các trung tâm xã, thị trấn và các chợ …

- Căn cứ vào các mục tiêu của quy hoạch UBND huyện chủ động tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

- Về vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn từ ngân sách, Huyện sẽ tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như: Giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thuỷ lợi nội đồng…trên cơ sở phát huy truyền thống, tích cực của quần chúng nhân dân. Đồng thời, phải có biện pháp ưu đãi thiết thực đối với nhân dân khi hiến đất; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận... Huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

+ Thực hiện phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách được UBND tỉnh giao để đầu tư, phát triển các công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hoá, giáo dục,…trên địa bàn huyện. Đồng thời, có biện pháp huy động nguồn vốn trong nhân dân *(các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng dân cư, kiều bào là con em trên địa bàn)* để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, phúc lợi, an sinh xã hội.

+ Tăng cường quảng bá tiềm năng, thế mạnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải phóng mặt bằng để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong lĩnh vực nông nghiêp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, phát triển đô thị, thương mại, du lịch dịch vụ, trang trại… lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đủ tiềm năng tài chính để thực hiện các công trình dự án đã được giao.

+ Tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để thực hiện các công trình giao thông, nhất là các tuyến đường hẻm trong các khu dân cư, trong đó lựa chọn các hình thức thực hiện như: Nhà nước đầu tư, vận động nhân dân hiến đất; vận động doanh nghiệp đầu tư vốn, vận động nhân dân hiến đất;…

+ Áp dụng mọi hình thức khuyến khích để huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân như: Quỹ tiết kiệm, phát hành tín phiếu, cổ phiếu, trái phiếu công trình…

# III. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Công bố công khai quy hoạch, KHSD đất toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt để chấn chỉnh, xử lý kịp thời những sai phạm.

- Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cho các xã, phường để các địa phương thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của địa phương mình; Nhằm đảm bảo đồng bộ trong việc phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương và cơ sở trên lĩnh vực quản lý đất đai.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, KHSD đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến cấp xã, phường để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước; quy hoạch, kế hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở QH, KHSD đất toàn huyện được UBND tỉnh phê duyệt. Đây là cứ pháp lý để giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy CNQSĐ đất đúng theo quy hoạch và pháp luật.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đối với các xã, phường và hộ gia đình, cá nhân trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu làm tiền đề phát triển đô thị để khai thác tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống nhân dân.

- Thực hiện tốt việc đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đối với lao động có đất bị thu hồi.

- Thực hiện việc lập quy hoạch chi tiết chỉnh trang khu dân cư nông thôn nhất là đối với các khu đất vùng lỏm, đất công do nhà nước quản lý để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tăng thu ngân sách địa phương.

- Triển khai cắm mốc lộ giới quy hoạch các tuyến đường giao thông, các công trình công cộng, ranh giới đất ở theo quy hoạch chi tiết xây dựng để nhân dân biết và tránh làm nhà ở xâm phạm hành lang an toàn giao thông, lấn chiếm đất các công trình công cộng chưa xây dựng gây khó khăn cho công tác quản lý của địa phương và các ngành chuyên môn.

- Sớm triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 các khu vực chưa có quy hoạch hoặc đã phê duyệt từ trước năm 2010 và lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 để việc quản lý sử dụng đất, cấp phép xây dựng cho nhân dân được thuận tiện; tránh việc xây dựng lấn chiếm lộ giới quy hoạch các tuyến đường giao thông, các công trình công cộng và gây tranh chấp về sử dụng đất trong nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật liên quan đến sử dụng đất cho các tầng lớp nhân dân, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và sử dụng, bảo vệ tài nguyên đất; bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi có đất canh tác và đất ở; tổ chức tốt việc định canh, định cư và tái định cư; ổn định đời sống cho người dân được giao rừng, khoán rừng.

- Hàng năm Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện QH, KHSD đất trên địa bàn huyện để báo cáo UBND huyện, HĐND huyện về kết quả thực hiện quy hoạch.

# IV. GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách về đất đai do Chính phủ và UBND tỉnh ban hành để công tác quản lý, sử dụng đất; thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện ngày càng tốt hơn.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nghề và đào tạo việc làm cho hộ nông dân sau khi thu hồi đất sản xuất nông nghiệp: khi thu hồi đất nông nghiệp các dự án phải có phương án giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho các hộ nông dân để ổn định đời sống và tinh thần người dân sau khi bị thu hồi đất hoặc cho người dân góp vốn bằng đất đai và tham gia làm việc sau khi được đào tạo nghề.

- Khuyến khích nhân dân, các doanh nghiệp đầu tư vốn phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển du lịch để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Tạo điều kiện để nông dân dễ dàng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Cấp tỉnh hỗ trợ huyện trong việc tạo hành lang pháp lý thông thoáng, tạo điều kiệ để huyện thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp, các khu đô thị mới, nhà ở xã hội....

- Khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư đầu tư vào phát triển các lĩnh vực: Văn hóa, y tế, thể thao, giáo dục-đào tạo và môi trường.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái;

+ Khuyến khích các nhà đầu tư phát triển tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm từng bước thu hút phát triển công nghiệp, để hạn chế việc phát triển công nghiệp lấy vào diện tích đất trồng lúa;

+ Hỗ trợ vốn vay sản xuất: Trên nguyên tắc thuận tiện, lãi suất thấp, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn vốn. Chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế hộ gia đình;

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề: Đầu tư máy móc, thiết bị để khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp...

+ Chính sách phát triển dịch vụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm: nâng cấp và mở rộng chợ làm nơi giao lưu buôn bán;

+ Chính sách thông tin về thị trường: Cần phải được xúc tiến mạnh mẽ nhằm giúp đỡ và định hướng cho nông dân sản xuất để đem lại hiệu quả cao và bền vững nhất.

# V. GIẢI PHÁP VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ..., nhằm sản xuất ra hàng hoá có số lượng nhiều và chất lượng tốt, giá thành rẻ đối với hàng hoá chủ lực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong thành phố và yêu cầu thị trường ngoài nước. Đặc biệt đối với đất trồng lúa trong kỳ quy hoạch dự kiến sẽ giảm khoảng 250,94 ha sang mục đích khác, để đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực, tăng hiệu qua sản xuất cần tăng cường đầu tư công trình tưới để tăng vụ, áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ nhất là công nghệ về giống (*chủ yếu sử dụng giống năng suất cao, kháng sâu bệnh, giống có thời gian sinh trưởng cực ngắn ngày (để né hạn, lũ))* để tăng năng suất từ đó tăng sản lượng; tăng cường cơ giới hóa để giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch; phát triển sản xuất lúa theo chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả.

- Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính; những tiến bộ sử dụng đất dốc bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông - lâm nghiệp... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Ứng dụng các biện pháp canh tác tiên tiến trên vùng đất dốc như canh tác theo đường đồng mức; trồng các đai rừng chắn gió.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật và khuyến khích nhân dân ứng dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật, sử dụng các giống mới có năng suất cao và nhân rộng các mô hình sử dụng đất có hiệu quả trên địa bàn để tăng hiệu quả sử dụng đất.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chế biến nông, lâm, thủy sản để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh.

# KỂT LUẬN VÀ KIỂN NGHỊ

# 1. Kết luận

Tính khả thi của phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch năm đầu của quy hoạch sư dụng đất huyện Nghĩa Hành, được thể hiện ở những mặt cơ bản sau:

1. Trình tự, nội dung các bước lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.Trong quá trình tổ chức thực hiện có sự tham gia của các cấp, các ngành tại địa phương dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nghĩa Hành.

2. Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch năm đầu của quy hoạch sư dụng đất huyện Nghĩa Hành được xây dựng dựa trên sơ sở tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ trước; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và huyện Nghĩa Hành giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; tích hợp các Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Hành đến năm 2025 định hướng đến năm 2040; Đề án Phân vùng thích nghi đất đai phục vụ phát triển cây ăn quả huyện Nghĩa Hành đến năm 2030; Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Hành đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Chùa, Quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng thị trấn Chợ Chùa; các quy hoạch và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, nhu cầu sử dụng đất các sở, ban ngành, địa phương xác định; tiềm năng và quỹ đất hiện có của huyện.

3. Phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được xây dựng cho từng chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong từng giai đoạn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên cơ sở có xét đến tính khả thi, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững và đảm bảo môi trường sinh thái.

4. Xác lập được sự ổn định về mặt pháp lý trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn huyện; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch.

5. Chỉ tiêu các loại đất của quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch năm đầu của quy hoạch sư dụng đất huyện Nghĩa Hành là khung chung định hướng cho việc thực hiện lập quy hoạch xây dựng xã, quy hoạch xây dựng thị trấn và định hướng sử dụng đất các ngành trên địa bàn huyện.

# 2. Kiến nghị

- UBND tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp huyện tập trung đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình quan trọng, có quy mô lớn có sức lan toả làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thu hút đầu tư vào địa bàn huyện như: Đường tỉnh 624 C, đường huyện 56 C; Đường tránh phía Đông huyện, Kè chống sạt lở sông Vệ, sông Phước Giang; hạ tầng các cụm công nghiệp Đồng Dinh; Hành Đức – Hành Minh..., kết cấu hạ tầng đô thị thị trấn Chợ Chùa, đặc biệt là hạ tầng cấp thoát nước và vệ sinh môi trường...

- UBND tỉnh ban hành một số chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: Tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái. Đặc biệt cần quan tâm đến các chính sách ưu tiên phát triển du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị; xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh địa phương.

- UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan sớm hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh (VILG); hàng năm bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính để tạo thuận lợi cho việc quản lý nhà nước về đất đai một cách hiệu quả, khoa học, đúng pháp luật, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh, trong đó có huyện Nghĩa Hành.

- Hỗ trợ kinh phí, chương trình… để giúp huyện đầu tư cho khoa học công nghệ trong quản lý tài nguyên đất đai - môi trường *(công nghệ thông tin trong quản lý đất đai…)*, đào tạo nguồn nhân lực… nhằm đảm bảo quản lý, sử dụng đất bền vững.

- Ưu tiên dành quỹ đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

**MỤC LỤC**

[ĐẶT VẤN ĐỀ](#_Toc81659791)

[I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA QUY HOẠCH 2](#_Toc81659792)

[II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP QUY HOẠCH 3](#_Toc81659793)

[2.1. Các văn bản của trung ương 3](#_Toc81659794)

[2.2. Các văn bản của địa phương 5](#_Toc81659795)

[2.3. Các tài liệu chuyên môn sử dụng để lập quy hoạch sử dụng đất 8](#_Toc81659796)

[IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 10](#_Toc81659797)

[V. SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO 11](#_Toc81659798)

[ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI 12](#_Toc81659799)

[I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG 12](#_Toc81659800)

[1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên 12](#_Toc81659801)

[1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên 15](#_Toc81659802)

[1.2.3. Tài nguyên khoáng sản 22](#_Toc81659803)

[1.3. Phân tích hiện trạng môi trường 23](#_Toc81659804)

[II. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI 25](#_Toc81659805)

[2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 25](#_Toc81659806)

[2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực 26](#_Toc81659807)

[2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất 29](#_Toc81659808)

[2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn. 31](#_Toc81659809)

[2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng 33](#_Toc81659810)

[2.6. Đánh giá chung 40](#_Toc81659811)

[III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT 41](#_Toc81659812)

[Phần II](#_Toc81659813)

[TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI](#_Toc81659814)

[I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI 43](#_Toc81659815)

[1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 43](#_Toc81659816)

[1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân 54](#_Toc81659817)

[1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai 55](#_Toc81659818)

[II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT 56](#_Toc81659819)

[2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất*.* 56](#_Toc81659820)

[2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước 62](#_Toc81659821)

[2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất 67](#_Toc81659822)

[2.4. Những tồn tại chủ yếu trong sử dụng đất, nguyên nhân chính, giải pháp khắc phục, những kinh nghiệm về sử dụng đất 73](#_Toc81659823)

[III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC 75](#_Toc81659824)

[3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 75](#_Toc81659825)

[3.1.3. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 81](#_Toc81659826)

[3.1.4. Đánh giá kết quả khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp thời kỳ 2011-2020 82](#_Toc81659827)

[3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. 83](#_Toc81659828)

[3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới 85](#_Toc81659829)

[IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI 86](#_Toc81659830)

[4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp 87](#_Toc81659831)

[4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp 88](#_Toc81659832)

[Phần III](#_Toc81659833)

[PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030](#_Toc81659834)

[I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT 91](#_Toc81659835)

[1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. 91](#_Toc81659836)

[1.2. Quan điểm sử dụng đất 91](#_Toc81659837)

[1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng 93](#_Toc81659838)

[II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 95](#_Toc81659839)

[2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, môi trường 95](#_Toc81659840)

[2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng 99](#_Toc81659841)

[2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng 125](#_Toc81659842)

[III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG 127](#_Toc81659843)

[3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 127](#_Toc81659844)

[3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực 128](#_Toc81659845)

[3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất 128](#_Toc81659846)

[3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng 129](#_Toc81659847)

[3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc tôn tạo di tích lịch sử - VH, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc 130](#_Toc81659848)

[3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp l‎ý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ 130](#_Toc81659849)

[Phần IV](#_Toc81659850)

[KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU](#_Toc81659851)

[CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT](#_Toc81659852)

[I/ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG 131](#_Toc81659853)

[1.1. Chỉ tiêu SD đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh 131](#_Toc81659854)

[1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành lĩnh vực 131](#_Toc81659855)

[1.3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất 132](#_Toc81659856)

[II. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT 134](#_Toc81659857)

[III. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI 134](#_Toc81659859)

[IV. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG 135](#_Toc81659860)

[V. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN 135](#_Toc81659862)

[Phần V](#_Toc81659863)

[GIẢI PHÁP THỰC HIỆN](#_Toc81659864)

[I. GIẢI PHÁP CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 136](#_Toc81659865)

[II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 137](#_Toc81659866)

[III. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 138](#_Toc81659867)

[IV. GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH 139](#_Toc81659868)

[V. GIẢI PHÁP VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ 140](#_Toc81659869)

[KỂT LUẬN VÀ KIỂN NGHỊ](#_Toc81659870)

[1. Kết luận 142](#_Toc81659871)

[2. Kiến nghị 143](#_Toc81659872)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỪ VIẾT TẮT** | | |
| BTNMT | : | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| BVHTTDL | : | Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch |
| BVTV | : | Bảo vệ thực vật |
| CTR | : | Chất thải rắn |
| DTTN | : | Diện tích tự nhiên |
| ĐH, ĐT | : | Đường huyện, đường tỉnh |
| ĐKĐĐ | : | Đăng ký đất đai |
| GTNT | : | Giao thông nông thôn |
| HTX | : | Hợp tác xã |
| HVS | : | Hợp vệ sinh |
| KH&CN | : | Khoa học công nghệ |
| NĐ-CP | : | Nghị định Chính phủ |
| NQ/HU | : | Nghị quyết Huyện uỷ |
| NQ/TW | : | Nghị quyết Trung ương |
| NTM | : | Nông thôn mới |
| QCVN | : | Quy chuẩn Việt Nam |
| QĐ- | : | Quyết định |
| QLBVR | : | Quản lý bảo vệ rừng |
| QPAN | : | Quốc phòng an ninh |
| TDTT | : | Thể dục thể thao |
| THCS | : | Trung học cơ sở |
| THPT | : | Trung học phổ thông |
| TT | : | Thị trấn |
| TPHCM | : | Thành phố Hồ Chí Minh |
| TT- | : | Thông tư |
| TTCN | : | Tiểu thủ công nghiệp |
| TTg | : | Thủ tướng Chính phủ |
| UBND | : | Uỷ ban nhân dân |
| VLXD | : | Vật liệu xây dựng |

**BẢNG BIỀU**

[Biểu 1: Phân loại và quy mô các nhóm, loại đất huyện Nghĩa Hành 15](#_Toc81683905)

[Biểu 2: Thống kê một số công trình hộ đập trên địa bàn huyện Nghĩa Hành 36](#_Toc81683906)

[Biểu 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 56](#_Toc81683907)

[Biểu 4: Biến động đất đai giai đoạn 2011-2020 của huyện Nghĩa Hành 62](#_Toc81683908)

[Biểu 5: Kết quả thực hiện quy hoạch SD đất đến năm 2020 77](#_Toc81683909)

[Biểu 6: Tổng hợp mức độ thích hợp của mục đích sử dụng đất hiện tại 88](#_Toc81683910)

[Biểu 7: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2030 100](#_Toc81683911)

[Biểu 8: Nhu cầu sử dụng đất mở rộng thêm của các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 102](#_Toc81683912)

[Biểu 9: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 103](#_Toc81683913)

[Biểu 10: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 124](#_Toc81683914)

[Biểu 11: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch 125](#_Toc81683915)

[Biểu 12: Nhu cầu sử dụng đất năm 2021 131](#_Toc81683916)

[Biểu 13: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021 132](#_Toc81683917)

[Biểu 14: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2021 134](#_Toc81683918)

[Biểu 15: Diện tích thu hồi đất trong năm kế hoạch 2021 134](#_Toc81683919)

1. *. Tuyến đường Hành Thịnh – Hành Thiện – Hành Tín Đông; Tuyến đường ĐH.54B (Nghĩa Trung – Phú Bình), tuyến ĐH.53 (Sông Vệ - Phú Lâm), tuyến ĐH.56 (Hành Đức – Hành Phước), tuyến ĐH.54 (Ngã tư Bà Viện – Phú Bình), tuyến ĐH.57 (ĐT.624 – Dốc Nhây), cầu đập Hương Long, xã Hành Đức, cầu Bàu Trai, xã Hành Đức-Hành Phước, cầu Hành Tín; cầu Hành Phước – Hành Thịnh, đường Tân Hòa – Trũng Kè 1 – Trũng Kè 2, đường Hành Thịnh - Đức Phú, Cầu Hang Đá xã Hành Đức; cầu Bến Đá 2...* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Trong đó vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới 371,51 tỷ đồng; xây dựng cơ bản 1.044 tỷ đồng.* [↑](#footnote-ref-2)
3. Ngoài ra có một số công trình thuỷ lợi nhỏ khác như các đập dâng: Hưng Long, đập dâng Bờ Bạn, đập dâng Ngõ Mỹ ở xã Hành Trung, đập Suối Mới ở xã Hành Phước… [↑](#footnote-ref-3)
4. Quyết định thu hồi đất cho 42 công trình, dự án, trong đó: năm 2016: 04, năm 2017: 12, năm 2018: 9, năm 2019: 8 và năm 2020: 9 công trình, dự án. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ngoài việc chuyển mục đích sang đất ở theo quy định việc thực hiện kiểm kê đất đai đã làm thay đổi diện tích đất ở do điều chỉnh hành lang giao thông và thay đổi phương pháp thống kê kiểm kê làm đất ở tăng lên [↑](#footnote-ref-5)
6. Công văn số 575/SNNPTNT ngày 12/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Dự án: Rà soát chuyển đổi rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang Quy hoạch phát triển rừng sản xuất và điều chỉnh bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 diện tích rừng phòng hộ huyện Nghĩa Hành là 1033,51 ha, rừng sản xuất là 9.329,21 ha [↑](#footnote-ref-6)